CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT (TVSI)
Địa chỉ: Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84) 2437280921 | Fax: (84) 2437280920
Email: contact@tvsi.com.vn | Web: www.tvsi.com.vn

Công ty cổ phần chứng khoán Tân Việt

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

TVSI

TVSI
TAN VIET SECURITIES

SẴN SÀNG NẮM BẮT CƠ HỘI

2018 Báo cáo thường niên

TVSI
CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC 4

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI 8

1 TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Thông tin TVSI 12
Ngành nghề kinh doanh 12
Các danh hiệu đạt được 13
Mạng lưới hoạt động 15
Quá trình hình thành và phát triển 16
Bộ máy tổ chức hoạt động 18
Cơ cấu cổ đông 26
Đối tác hợp tác toàn diện 26
Văn hóa doanh nghiệp 27
Những con số nổi bật 28

2 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tổng quan tình hình tài chính 32
Kết quả hoạt động kinh doanh 32
Tài sản nguồn vốn 35
Các chỉ số tài chính 37

3 CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Môi giới 40
Dịch vụ tài chính 45
Dịch vụ ngân hàng đầu tư 48
Đầu tư tự doanh 50

4 NỀN TẢNG DỊCH VỤ

Công nghệ thông tin 54
Dịch vụ chứng khoán 57
Marketing và Phát triển sản phẩm 58
Nhân sự 61
Quản trị rủi ro 64

5 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị 68
Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát 73

6 TRIỂN VỌNG CƠ HỘI KINH DOANH 2019

Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2018 78
Dự báo sơ lược về vĩ mô và thị trường năm 2019 82

7 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chiến lược phát triển bền vững 86
Hoạt động phát triển bền vững 88

8 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc 96
Báo cáo kiểm toán độc lập 98
Báo cáo tình hình tài chính 99
Báo cáo kết quả hoạt động 104
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 107
Lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, uỷ thác khách hàng 110
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu 111
Thuyết minh báo cáo tài chính 112

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

"NHÂN SỰ, HỆ THỐNG TIẾP TỤC ĐƯỢC ĐẦU TƯ TẠO NỀN TẢNG NGÀY CÀNG VỮNG CHẮC ĐỂ SÁNG TẠO, LINH HOẠT HƠN NỮA TRONG MÔI TRƯỜNG KINH DOANH MỞ RỘNG NHƯNG CẠNH TRANH NÀY. CHÚNG TÔI TIN TƯỞNG MỘT CHU TRÌNH ĐẦU TƯ CÓ CHỌN LỌC VỀ NHÂN SỰ VÀ CÔNG NGHỆ TRONG NHỮNG NĂM QUA, CÙNG NĂNG LỰC TÀI CHÍNH ĐƯỢC NÂNG CAO ĐÃ TÍCH LŨY ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẦN ĐỂ TVSI SẴN SÀNG NẮM BẮT CƠ HỘI TRONG NĂM 2019."

Kính gửi Quý cổ đông, Quý đối tác

Tăng trưởng kinh tế là nền tảng cho sự thịnh vượng, mở rộng và phát triển của thị trường tài chính - chứng khoán cũng như các thị trường khác. Năm 2018, GDP của Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng 7,08% - cao nhất trong 11 năm qua và đây chính là nền tảng cho mọi sự phát triển của đất nước. Chu kỳ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam tiếp tục được củng cố khi một số điều kiện về hội nhập thương mại quốc tế được mở rộng. Đặc biệt, năm 2018 lạm phát được kiểm soát ở mức 3,54% so với năm trước và đạt mục tiêu giữ CPI bình quân dưới 4% trong bối cảnh các mặt hàng do Nhà nước quản lý hầu hết đã được điều chỉnh về giá. Giữa tình hình tài chính toàn cầu biến động, Việt Nam đã có những chính sách đối phó khá tốt về cải cách thể chế để hạn chế những tác động tiêu cực và đón những cơ hội và dòng vốn đang dịch chuyển.

Thị trường chứng khoán có những diễn biến khó dự đoán khi đạt mức đỉnh lịch sử 1.205 điểm trong tháng 4 năm 2018. Tuy vậy, rủi ro đầy bất ngờ từ sự kiện kinh tế chính trị toàn cầu là cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, cùng xu hướng siết chặt dòng tiền, tăng lãi suất của FED đã tác động rất lớn tới thị trường Việt Nam từ quý 2 đến hết quý 4 của năm. Cuối năm 2018, VN-Index đã lui về ngưỡng 892 điểm, tức sụt giảm gần 10% so với đầu năm và 25% so với mức đỉnh tháng 4. Đây được cho là năm biến động mạnh nhất kể từ khủng hoảng cách đây hơn 10 năm.

Mặc dù chỉ số tăng trưởng âm nhưng vốn hóa thị trường cổ phiếu Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng trên 2 con số (12,7% so với 2017), đạt tổng vốn hóa thị trường hơn 3,96 triệu tỷ đồng, trong đó vốn hóa tại sàn HOSE đạt 2,87 triệu tỷ đồng, tăng 10%.

2018 – Trưởng thành về năng lực

Mục tiêu 5 năm giai đoạn 2017-2022, TVSI xây dựng vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng, dư nợ cho vay bình quân 1.065 tỷ đồng, doanh thu môi giới 100 tỷ đồng, 16 đơn vị kinh doanh. Ngay trong năm 2018 - năm thứ hai của lộ trình, Công ty đã gần hoàn thành kế hoạch 5 năm này. Kết quả hoạt động năm 2018, tổng doanh thu Công ty đạt 327 tỷ đồng trong đó doanh thu môi giới đạt 111,8 tỷ đồng, dư nợ cho vay bình quân năm đạt 1.025 tỷ đồng. Các chỉ tiêu kinh doanh trên đều vượt kế hoạch năm từ 20-30% và tăng trưởng từ 11-33% so với năm 2017. Bên cạnh kết quả khả quan của hoạt động kinh doanh, Công ty cũng hoàn thành nâng cao năng lực tài chính với vốn điều lệ tăng lên 1.080 tỷ đồng vào cuối năm 2018.

Thận trọng với sức nóng của thị trường là tiền đề cho hoạt động kinh doanh năm 2018. Mặc dù thị trường chứng khoán đã đạt điểm số đỉnh lịch sử, nhưng Công ty đã kiên định với nhận định về một năm khó khăn cho các hoạt động kinh doanh và đầu tư. Vì vậy, hoạt động đầu tư tự doanh đặt mục tiêu thận trọng với doanh thu 25,5 tỷ đồng và đã hoàn thành 175% kế hoạch đạt 44,6 tỷ đồng nhưng vẫn giảm 48% so với năm 2017. So với nhiều công ty có đánh giá lạc quan về thị trường, chúng ta đã cho thấy được hiệu quả thực sự từ chiến lược đầu tư thận trọng này.

Tổng thể kết quả hoạt động kinh doanh chung, lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 75 tỷ đồng, hoàn thành 119% kế hoạch đề ra. Tâm thế khi gia nhập Câu lạc bộ các công ty có vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng đã góp phần củng cố vững chắc hơn sự tự tin và uy tín mà Công ty gây dựng trong suốt quá trình hoạt động của mình.

Hoạt động kinh doanh cốt lõi là Môi giới và Dịch vụ tài chính vẫn đóng góp tỷ lệ chi phối 78% trong tổng doanh thu của Công ty. Sự cải thiện đáng kể trong chất lượng hoạt động môi giới cả về kiểm soát chi phí lẫn nâng cao chất lượng dịch vụ đã mang lại lợi nhuận cho hoạt động của mảng dịch vụ này (tính thuần doanh thu Môi giới). Mục tiêu mở rộng mạng lưới kinh doanh môi giới qua đó tăng cường hoạt động dịch vụ tài chính cũng đạt được những thành quả đáng ghi nhận trong năm 2018. Công ty đã mở thêm 02 đơn vị kinh doanh, nâng tổng số đơn vị kinh doanh môi giới lên 16 đơn vị, trải rộng khắp cả nước. Thị trường luôn luôn tồn tại cơ hội và chúng tôi cũng đã bước đầu mở rộng những con đường mới như hoạt động phát hành, môi giới kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp. Mảng hoạt động kinh doanh tiềm năng này đã được phát triển mạnh hơn trong năm 2018 và tiếp tục được chú trọng nhằm đa dạng các nghiệp vụ tạo doanh thu cho TVSI.

Kiểm soát quy trình hoạt động, quản trị rủi ro hệ thống thông qua tiêu chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, tự động hóa các công cụ giám sát đã giúp chúng tôi hạn chế tối đa các rủi ro hoạt động có thể xảy ra. Năm 2018, nợ xấu đã không phát sinh trên toàn hệ thống.

Giải thưởng Fastest Growing Brokerage Network Vietnam 2018 do tạp chí Global Banking and Finance Review uy tín của Anh quốc trao tặng đã chứng nhận những nỗ lực trong việc mở rộng hệ thống mạng lưới môi giới của Công ty, không chỉ bao gồm số lượng đơn vị kinh doanh mà cả số lượng và chất lượng nhân sự.

TVSI vẫn phải đối mặt với những thử thách như phát triển dịch vụ khách hàng tổ chức, khách hàng nước ngoài và dịch vụ ngân hàng đầu tư có giá trị gia tăng cao để nâng cao cũng như đa dạng dịch vụ. Chỉ có phát triển đồng đều hơn nữa giữa các mảng dịch vụ mới tạo nên sức mạnh tổng thể của Công ty vươn đến mục tiêu xa hơn, hiệu quả hơn và bền vững hơn.

"SỰ SÁNG TẠO, LINH HOẠT TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH LÀ ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT ĐỂ TVSI TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN TRÊN CƠ SỞ CẠNH TRANH LÀNH MẠNH CỦA THỊ TRƯỜNG. VÌ VẬY, MỘT CƠ CẤU TỔ CHỨC CHUYÊN SÂU VÀ LINH HOẠT, TẠO THÊM NHIỀU GIÁ TRỊ GIA TĂNG SẼ ĐƯỢC KIỆN TOÀN TRONG ĐẦU NĂM 2019 TẠO TIỀN ĐỀ CHO NHỮNG KẾ HOẠCH ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO PHÙ HỢP VỚI QUY MÔ CÔNG TY TRÊN 1.000 TỶ ĐỒNG."

2019 - Sẵn sàng nắm bắt cơ hội

Hàng loạt các sự kiện kinh tế, chính trị quan trọng của thế giới được tổ chức tại nước ta ngay trong đầu năm 2019 là một trong những tín hiệu quan trọng cho thấy Việt Nam đang là một tâm điểm đáng chú ý của thế giới.

Chính phủ triển khai hàng loạt những giải pháp nhằm cải tiến thể chế, chú trọng phát triển cộng đồng doanh nghiệp tư nhân, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả đầu tư. Cơ hội trong giai đoạn dân số vàng, nguồn vốn đầu tư FDI dồi dào, chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, chính trị ổn định tiếp tục là điều kiện để nâng đỡ nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng cao. Thị trường chứng khoán 2019 với nhiều chính sách nâng đỡ thị trường như luật chứng khoán sửa đổi, sản phẩm mới cho thị trường như phái sinh trái phiếu Chính phủ, chứng quyền, nỗ lực nâng hạng thị trường sẽ tiếp tục thu hút thêm được các nguồn vốn đầu tư vào thị trường chứng khoán.

Những tác động mạnh của động thái tăng lãi suất của FED nhiều khả năng sẽ vẫn tiếp tục trong năm 2019; Mỹ và Trung Quốc sẽ cần thời gian đàm phán dài hơn để đạt được một thỏa thuận thương mại toàn diện; kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng đi cùng với việc kiểm soát tốt lạm phát và tỷ giá dù chịu nhiều áp lực hơn tác động điểm số thị trường với dự báo VN-Index biến động trong khoảng 800 đến 1.100 điểm.

Áp lực cạnh tranh từ nhóm các công ty chứng khoán có vốn đầu tư ngước ngoài mạnh về tiềm lực tài chính đang ngày càng mạnh mẽ cả về nhân sự, thị phần và cạnh tranh giá dịch vụ khi những quy định về mức phí tối thiểu đã được dỡ bỏ. Những thách thức của thị trường ngày càng mạnh đối với các công ty chứng khoán nội địa trong việc phát triển hoạt động của mình. Không phải vì thế mà chúng ta mất đi cơ hội phát triển.

Sự sáng tạo, linh hoạt trong hoạt động kinh doanh là điều kiện tiên quyết để TVSI tiếp tục phát triển trên cơ sở cạnh tranh lành mạnh của thị trường. Vì vậy, một cơ cấu tổ chức chuyên sâu và linh hoạt, tạo thêm nhiều giá trị gia tăng sẽ được kiện toàn trong đầu năm 2019 tạo tiền đề cho những kế hoạch đổi mới, sáng tạo phù hợp với quy mô công ty trên 1.000 tỷ đồng.

Đối với hoạt động môi giới, chúng tôi tiếp tục phát huy những điểm mạnh sẵn có ở mảng khách hàng cá nhân với dịch vụ tài chính linh hoạt, phát triển mạng lưới khách hàng tổ chức và hướng tới sự cân bằng trong cơ cấu kinh doanh môi giới. Cung cấp sản phẩm giao dịch chứng khoán phái sinh trong nửa đầu năm 2019 sẽ hoàn thiện đầy đủ các dịch vụ cung cấp đến Nhà đầu tư. Tiếp tục đầu tư hạ tầng công nghệ, quy trình dịch vụ môi giới giữ vững những lợi thế về hệ thống. Phát triển thêm các dịch vụ tài chính sáng tạo, năng động phù hợp với thị trường thu hút thêm các Nhà đầu tư cá nhân bám sát thị trường.

Dịch vụ Ngân hàng đầu tư sẽ là mảng hoạt động có thể mang lại kết quả đột phá khi sự dịch chuyển mạnh mẽ các dòng vốn đầu tư quốc tế đang diễn ra, đặc biệt đối với các quốc gia đang đầu tư vào thị trường Trung Quốc cần tìm địa chỉ kinh doanh mới, phân tán rủi ro. Chúng tôi kỳ vọng sẽ mang lại những dịch vụ có giá trị gia tăng cao đối với mảng hoạt động này và có những cơ hội mang lại kết quả đột biến.

Bảo toàn vốn với tỷ trọng sinh lời hợp lý là lựa chọn hàng đầu. Chúng tôi xác định mục tiêu thận trọng trong đầu tư, chỉ chấp nhận giải ngân trong những cơ hội thực sự rõ ràng với các tiêu chuẩn khắt khe hơn khi giải ngân trong điều kiện thị trường đã đạt mức P/E 15-17 (chúng tôi cho rằng không còn là định giá rẻ).

Nhân sự, hệ thống tiếp tục được đầu tư tạo nền tảng ngày càng vững chắc để sáng tạo, linh hoạt hơn nữa trong môi trường kinh doanh mở rộng nhưng cạnh tranh này. Chúng tôi tin tưởng một chu trình đầu tư có chọn lọc về nhân sự và công nghệ trong những năm qua, cùng năng lực tài chính được nâng cao đã tích lũy đủ điều kiện cần để TVSI Sẵn sàng nắm bắt cơ hội trong năm 2019.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ, tín nhiệm của Quý Cổ đông; sự hợp tác tích cực của Quý Khách hàng và Đối tác cùng mang đến lợi ích có giá trị và tốt đẹp. Chúng tôi cũng xin dành lời cảm ơn chân thành tới các thành viên trong Công ty đã kề vai sát cánh cùng nhau xây dựng và cùng gặt hái những thành công cùng TVSI!

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	TỔNG GIÁM ĐỐC
Hồ Bửu Phương	Nguyễn Tiến Thành

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Trở thành định chế tài chính trung gian **HÀNG ĐẦU** trong lĩnh vực chứng khoán.

SỨ MỆNH

TIÊN PHONG trong cung ứng dịch vụ tới khách hàng, đối tác. Vận hành hiệu quả, an toàn, minh bạch, đảm bảo lợi ích vượt trội của cổ đông.

KIẾN TẠO môi trường làm việc năng động, khuyến khích cán bộ, nhân viên khẳng định giá trị bản thân, phát triển sự nghiệp.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO tích cực tiếp thu phản hồi, chủ động thay đổi linh hoạt để nâng tầm dịch vụ, thương hiệu.

TRUNG THỰC, MINH BẠCH từ quan điểm tới hành động, lãnh đạo làm gương, nhân viên tuân thủ, đề cao đạo đức nghề nghiệp, xứng đáng với niềm tin của khách hàng, cổ đông.

TỰ CHỦ, PHÂN QUYỀN cá nhân làm chủ công việc phù hợp với phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm vì mục tiêu hiệu năng, hiệu quả.

DÂN CHỦ, TÔN TRỌNG mỗi ý kiến, quan điểm dù là khác biệt đều có cơ hội được thẳng thắn trao đổi, lắng nghe và ghi nhận với sự tôn trọng.

1 TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Thông tin TVSI	12
Ngành nghề kinh doanh	12
Các danh hiệu đạt được	13
Mạng lưới hoạt động	14
Quá trình hình thành và phát triển	16
Bộ máy tổ chức hoạt động	18
Cơ cấu cổ đông	26
Đối tác hợp tác toàn diện	26
Văn hóa doanh nghiệp	27
Những con số nổi bật	28

THÔNG TIN TVSI

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt
Thành lập ngày	28/12/2006
Vốn điều lệ	1.080.000.000.000 đồng *(Một nghìn không trăm tám mươi tỷ đồng)*
Địa chỉ	Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Số điện thoại	(84) 24 3728 0921
Số fax	(84) 24 3728 0920
Email	contact@tvsi.com.vn
Website	www.tvsi.com.vn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN
- DỊCH VỤ TÀI CHÍNH
- TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN
- TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
- BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN
- LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

CÁC DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC

Giải thưởng
CÔNG TY PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI MÔI GIỚI NHANH NHẤT VIỆT NAM 2018

Giải thưởng
SẢN PHẨM GIAO DỊCH KÝ QUỸ TỐT NHẤT VIỆT NAM 2017

Giải thưởng
HỆ THỐNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRỰC TUYẾN TỐT NHẤT VIỆT NAM 2016

Vinh danh
500 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LỚN NHẤT VIỆT NAM

Vinh danh
Sản phẩm
GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN TỐT NHẤT
2 năm liên tiếp do NĐT bình chọn

Cúp
THƯƠNG HIỆU CHỨNG KHOÁN UY TÍN

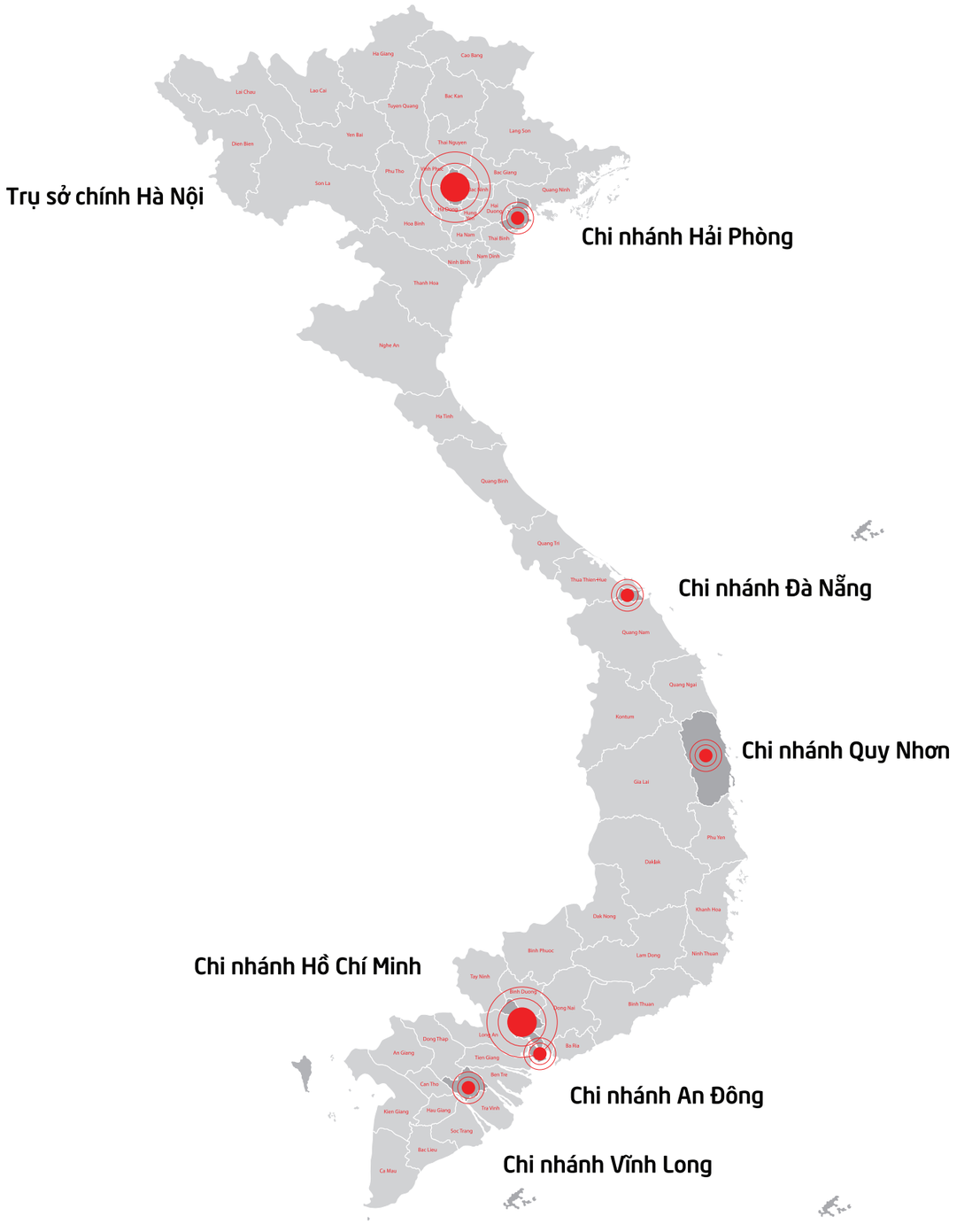

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Trụ sở chính

- Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3728 0921 | Fax: (024) 3728 0920
- Contact Center: 1900 1885
- Website: www.tvsi.com.vn - Email: contact@tvsi.com.vn

CN. Hoàn Kiếm

- Tầng 7 tòa nhà Grand, số 30-32 Hòa Mã, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3933 2233 | Fax: (024) 3933 5120

CN. Mỹ Đình

- Tầng 2 tòa nhà AP, số 87 Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3792 5181 | Fax: (024) 3792 5180

CN. Láng Hạ

- Phòng 303A, số 105 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3514 9033 | Fax: (024) 3514 9107

CN. Tây Hồ

- Số 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3728 6411 | Fax: (024) 3728 6407

CN. Hải Phòng

- Tầng 3 tòa nhà Akashi, số 10 Lê Hồng Phong, TP. Hải Phòng
- Điện thoại: (0225) 375 7559 | Fax: (0225) 375 7560

CN. Hồ Chí Minh

- Số 193-203 Trần Hưng Đạo, Cô Giang, Q.1, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 3838 6868 | Fax: (028) 3920 7542

CN. Đà Nẵng

- Số 115 Lê Lợi, Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- Điện thoại: (0236) 375 2282 | Fax: (0236) 375 2283

CN. Quy Nhơn

- Số 1 Nguyễn Tất Thành, Quy Nhơn, Bình Định
- Điện thoại: (0256) 381 8840 | Fax: (0256) 381 8820

CN. An Đông

- Tầng 7, số 76 - 78 - 80 Hải Thượng Lãn Ông, Q.5, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 3855 5438 | Fax: (028) 3830 6547

CN. Vĩnh Long

- Số 21C Phạm Thái Bường, TP.Vĩnh Long, Vĩnh Long
- Điện thoại: (0270) 385 3533 | Fax: (0270) 385 3535

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2006 THÀNH LẬP TVSI

2007

- Thành viên chính thức của **HOSE, HNX.**
- Thành lập **Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.**
- Triển khai thành công Core giao dịch chứng khoán của nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam.

2008

- Tăng vốn điều lệ lên **128 tỷ đồng.**
- Cung cấp hệ thống phần mềm giao dịch trực tuyến **iTrade-Home.**

2009

- Tăng vốn điều lệ lên **350 tỷ đồng.**
- **Thành lập các chi nhánh Hoàn Kiếm, Hải Phòng, Đà Nẵng.**
- Vận hành Trung tâm Dịch vụ khách hàng qua điện thoại của TVSI sử dụng đầu số **19001885.**
- Thay đổi bộ nhận diện thương hiệu.

2010

- **Thành lập Chi nhánh Quy Nhơn; Phòng Giao dịch Láng Hạ.**
- Hệ thống website, giao dịch trực tuyến, mở tài khoản trực tuyến tích hợp trong phiên bản **Website & iTrade 2010.**
- Đạt giải thưởng:
"Tin & Dùng" 2009,
"Thương hiệu chứng khoán uy tín 2010",
TOP 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR 500).

2011

- **Thành lập Chi nhánh Mỹ Đình, Chi nhánh Vĩnh Long.**
- Triển khai Giao dịch ký quỹ tự động và là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên đáp ứng yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hệ thống quản lý tự động.
- Ra mắt hệ thống dịch vụ tiện ích mới: **iPayment** kết nối trực tiếp Vietcombank, Financial Portal, Bảng giá tích hợp.
- Đạt giải thưởng:
"Tin & Dùng" 2010 cho sản phẩm "Giao dịch trực tuyến" do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng.

2012

- Triển khai ứng dụng giao dịch trên thiết bị cầm tay **iTrade Mobile.**
- Nâng cấp tính năng đặt lệnh trực tiếp cho **Financial Portal.**

2013

- **Chuyển trụ sở chính về số 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.**
- Đạt **TOP 10** công ty chứng khoán có thị phần cao nhất HNX **quý 3/2013.**
- **Thành lập Phòng Giao dịch Tây Hồ.**
- Áp dụng chính sách chăm sóc khách hàng VIP chuyên biệt.

2014

- Ra mắt công cụ giao dịch trực tuyến hoàn toàn mới iTrade-Home.
- Đạt **TOP 10** công ty chứng khoán có thị phần cao nhất HNX **quý 3/2014.**
- Phát hành thành công **188,5 tỷ đồng trái phiếu** riêng lẻ TVSI.
- Xây dựng bảng giá trực tuyến dành riêng cho khách hàng TVSI.

2015

- Phát hành thành công **232 tỷ đồng trái phiếu** doanh nghiệp TVSI.
- Ra mắt **TVSI Mobile:** Ứng dụng giao dịch trực tuyến dành cho thiết bị cầm tay sử dụng iOS và Android.
- Triển khai sản phẩm mới: **Margin Group** - Tạo các gói sản phẩm chuyên biệt đáp ứng nhu cầu đa dạng của các nhóm khách hàng.

2016

- Đạt **TOP 10** công ty chứng khoán có thị phần môi giới cao nhất **HNX 2016.**
- **Ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) và Tổng CTCP Bảo hiểm Bảo Long.**
- Ra mắt sản phẩm mới: Kết nối chuyển tiền trực tuyến đến từ ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB); iTrade - Home, TVSI Mobile – bản nâng cấp lệnh thông minh, quản lý lãi lỗ giao dịch, giao dịch đa tài khoản và tích hợp 04 ngôn ngữ Việt – Anh – Hàn – Hoa.

2017

- Tăng vốn điều lệ lên **500 tỷ đồng.**
- Phát hành thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp TVSI với giá trị trên **400 tỷ đồng.**
- **Thành lập Phòng Môi giới Cầu Giấy trực thuộc Chi nhánh Mỹ Đình; Nâng cấp 02 PGD Láng Hạ và Tây Hồ thành Chi nhánh.**
- Triển khai Dịch vụ tài khoản đầu tư gián tiếp cho khách hàng nước ngoài qua dịch vụ **BIDV@Securities.**

2018

- Tăng vốn điều lệ lên **1.080 tỷ đồng.**
- **Thành lập 02 đơn vị kinh doanh môi giới: Phòng Môi giới Mễ Trì trực thuộc Chi nhánh Mỹ Đình và BS09 Hồ Chí Minh.**
- Đạt giải thưởng:
Công ty phát triển mạng lưới môi giới nhanh nhất Việt Nam 2018 (Fastest Growing Brokerage Network Vietnam 2018) do tạp chí Global Banking & Finance Review Anh Quốc bình chọn và trao tặng, Vinh danh TOP 500 công ty tư nhân lợi nhuận cao nhất Việt Nam (Profit 500).

- Tư vấn niêm yết Công ty CP BĐS Netland (NRC); Tư vấn đăng ký giao dịch Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (Viettel Global - VGI).
- Phát hành thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp TVSI với giá trị **290 tỷ đồng.**

- Đạt giải thưởng:
Sản phẩm giao dịch ký quỹ Chứng khoán tốt nhất Việt Nam (Best Margin Trading Product Vietnam 2017) do tạp chí Global Banking & Finance Review Anh Quốc bình chọn và trao tặng.

- **Ra mắt Website và Financial Portal:** Công nghệ HTML Responsive cho cả các số liệu tài chính.
- Đạt giải thưởng:
Hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến tốt nhất Việt Nam năm 2016 (Best Online Trading Platform Vietnam 2016) do tạp chí International Finance Magazine Anh Quốc bình chọn và trao tặng.

- Trở thành thành viên lập quỹ **ETF VFMVN30** nội đầu tiên của Việt Nam.

- Phát triển tính năng thông minh trên **iTrade - Home** Tự động chia lệnh, Thực hiện quyền online, Bán chứng khoán lô lẻ online.

BỘ MÁY TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

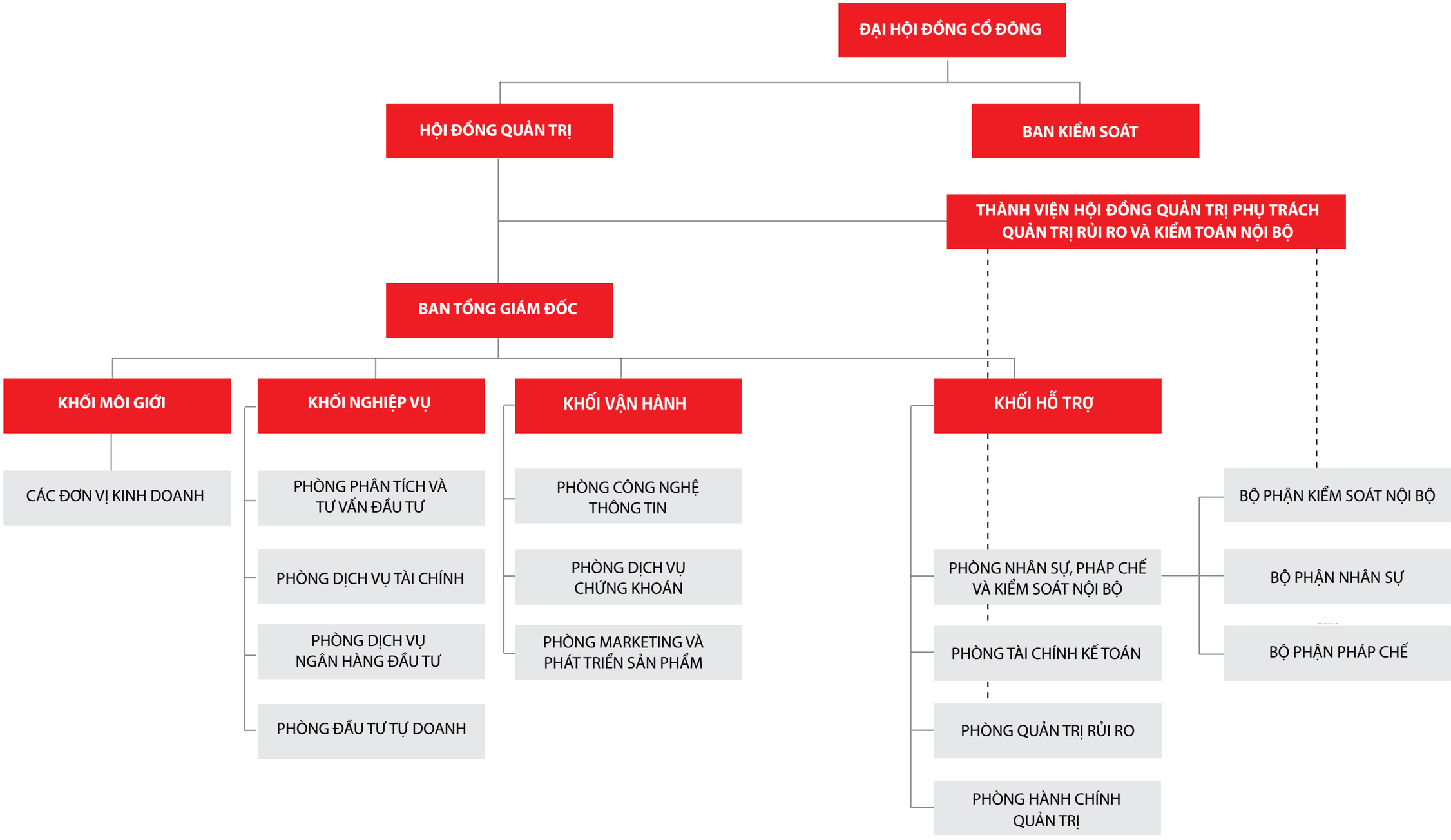

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG HỒ BỬU PHƯƠNG
Chủ tịch HĐQT

- Thạc sỹ Kế toán - Quốc tế Đại học Swinburne of Technology (Úc);
- Cử nhân Kế toán Đại học - Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;
- Kiểm toán viên hành nghề VN - CPA.

- Chủ tịch HĐQT CTCP CK Tân Việt (05/2017 - nay);
- Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ An Phát (03/2012 - nay);
- Giám đốc tư vấn TCDN kiêm Phó Giám đốc CN TP. Hồ Chí Minh CTCP CK Tân Việt (11/2007 - 03/2012);
- Chủ nhiệm kiểm toán Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (09/1999 - 10/2007).

- Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 3.346.871 cổ phần

ÔNG NGUYỄN TIẾN THÀNH
Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- Thạc sỹ Quản lý phát triển - Asian Institute of Management (Philippines);
- Cử nhân Tài chính ngân hàng - Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN TP. Hồ Chí Minh CTCP Chứng khoán Tân Việt (01/2016 - nay);
- Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB)
- Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN TP. Hồ Chí Minh CTCP Chứng khoán Tân Việt (2008 - 01/2016);
- Giám đốc Dịch vụ chứng khoán CTCP Chứng khoán Tân Việt (2007-2008).

- Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 3.343.220 cổ phần.

ÔNG NGUYỄN VIỆT CƯỜNG
Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Kỹ sư tin học – Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Sofia, Bulgaria.

- Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Tân Việt (2006 - nay);
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn HIPT (2012 - nay);
- Phó Giám đốc Trung tâm tin học Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (1997 - 2006).

- Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 947.031 cổ phần.

ÔNG TRẦN VIỆT ĐỨC
Thành viên HĐQT

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Texas, Arlington, Hoa Kỳ;
- Chuyên gia quản trị - Đại học Harvard, Hoa Kỳ;
- Cử nhân Luật kinh doanh - Đại học Xã hội và Nhân văn;
- Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Thành viên HĐQT độc lập CTCP Chứng khoán Tân Việt (03/2018 – nay);
- Giám đốc Quỹ đầu tư IDG Ventures Vietnam (2004 - nay);
- Phó Giám đốc Công ty Kiểm toán Việt Nam (2001 - 2004);
- Trợ giảng Đại học Texas, Arlington, Hoa Kỳ (1998 - 2001);
- Kiểm toán viên Công ty Deloitte & Touch, Hoa Kỳ (1996 - 1998);
- Phó phòng Công ty Kiểm toán Việt Nam (1992 -1996).

- Không sở hữu cổ phần TVSI.

ÔNG LÊ THANH TÙNG
Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Chương trình Cao học Việt - Bỉ - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Học viện Ngân hàng;
- Cử nhân Ngoại ngữ - ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia.

- Thành viên HĐQT CTCP CK Tân Việt (03/2018 - nay);
- Phó Tổng Giám đốc CTCP CK Tân Việt (2016 - nay);
- Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng CTCP CK Tân Việt (2008 - 2017);
- Trưởng phòng KTTC Chi nhánh NH Ngoại thương Việt Nam (2005 - 2007).

- Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 87.927 cổ phần.

BAN KIỂM SOÁT

BÀ PHẠM MAI CHI
Trưởng ban

- Cử nhân Kế toán - Đại học Tài chính kế toán, Hà Nội;
- CPA Việt Nam (2007);
- CPA Australia (2016).

- Phó phòng Nhân sự & Kiểm soát nội bộ CTCK Tân Việt (03/2011 - 2018);
- Kiểm toán viên VACO/Deloitte Việt Nam (8/2002 - 12/2010).

- Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 10.331 cổ phần.

BÀ ĐỖ NGỌC HOÀNG YẾN
Thành viên

- Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;
- Cử nhân Tài chính Tín dụng - Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

- Phó phòng Dịch vụ Chứng khoán CN TP. Hồ Chí Minh CTCP Chứng khoán Tân Việt (4/2009 - nay);
- Chuyên viên phòng Dịch vụ Chứng khoán CN TP. Hồ Chí Minh CTCP Chứng khoán Tân Việt (03/2007 - 03/2009);
- Chuyên viên kế toán Ngân hàng TMCP Sài Gòn (06/2006 - 03/2007).

- Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 15.000 cổ phần.

BÀ NGUYỄN THỊ HÀ
Thành viên

- Cử nhân kinh tế Tài chính Kế toán - Đại học Thương Mại.

- Phó phòng Dịch vụ ngân hàng đầu tư CTCP Chứng Khoán Tân Việt (2008 - nay);
- Phụ trách CN Hà Nội Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán S&S (2005 - 2008);
- Kế toán trưởng CT CP Thiết bị Thực phẩm CN. Hà Nội (2002 - 2005);
- Kế toán trưởng CT TNHH Sơn Hà (2000 - 2002).

- Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 16.806 cổ phần.

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

ÔNG NGUYỄN TIẾN THÀNH
Tổng Giám đốc

- Thạc sỹ Quản lý phát triển - Asian Institute of Management (Philippines);
- Cử nhân Tài chính ngân hàng - Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN TP. Hồ Chí Minh CTCP Chứng khoán Tân Việt (01/2016 - nay);
- Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN TP. Hồ Chí Minh CTCP Chứng khoán Tân Việt (2008 - 01/2016);
- Giám đốc Dịch vụ chứng khoán CTCP Chứng khoán Tân Việt (2007-2008).

- Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 3.343.220 cổ phần.

ÔNG NGUYỄN VIỆT CƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Kỹ sư tin học - Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Sofia, Bulgaria.

- Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT CTCP Chứng khoán Tân Việt (2006 - nay);
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn HIPT (2012 - nay);
- Phó Giám đốc Trung tâm tin học Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (1997 - 2006).

- Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 947.031 cổ phần.

ÔNG LÊ THANH TÙNG
Phó Tổng Giám đốc

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Chương trình Cao học Việt - Bỉ - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Học viện Ngân hàng;
- Cử nhân Ngoại ngữ - ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia.

- Thành viên HĐQT CTCP CK Tân Việt (03/2018 - nay);
- Phó Tổng Giám đốc CTCP CK Tân Việt (2016 - nay);
- Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng CTCP CK Tân Việt (2008 - 2017);
- Trưởng phòng KTTC Chi nhánh NH Ngoại thương Việt Nam (2005 - 2007).

- Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 87.927 cổ phần.

BÀ BÙI THỊ THANH HIỀN
Kế toán trưởng

- Cử nhân kế toán kiểm toán - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Cử nhân luật kinh tế - Đại học Luật Hà Nội.

- Kế toán trưởng CTCP Chứng khoán Tân Việt (05/2017 - nay);
- Trưởng phòng kế toán CTCP Chứng khoán Tân Việt (01/2017 - nay);
- Phó phòng kế toán CTCP Chứng khoán Tân Việt (02/2013 - 12/2016).

- Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI: 31.704 cổ phần.

ÔNG TẠ MINH PHƯƠNG
Giám đốc Khối Vận hành

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Chương trình Cao học Pháp - Việt (CFVG) - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Kỹ sư tin học - Đại học Bách Khoa Hà Nội.

- Giám đốc vận hành CTCP Chứng khoán Tân Việt (01/2017 - 12/2018);
- Trưởng phòng CNTT CTCP Chứng khoán Tân Việt (08/2010 - 12/2016).
- Phó phòng CNTT CTCP Chứng khoán Tân Việt (11/2008 - 08/2010).

BÀ TRẦN THỊ CẨM HẠNH
Giám đốc Khối Môi giới

- Cử nhân ngoại giao - Học Viện Ngoại Giao;
- KTV Công nghệ thông tin - Đại học công nghệ Hồ Chí Minh.

- Giám đốc Môi giới CTCP Chứng khoán Tân Việt (2018 - nay);
- Trợ lý Phó Tổng giám đốc CTCP Chứng khoán Tân Việt (2016 - 2017);
- Trưởng phòng MG & PTTT CTCP Chứng khoán Tân Việt (2012 - 2016);
- Phó phòng MG & PTTT CTCP Chứng khoán Tân Việt (2010 - 2012).

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2018, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TVSI NHƯ SAU:

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	108.000.000 CP
Loại cổ phần đang lưu hành	CP phổ thông
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	108.000.000 CP
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu	Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

	Theo tỉ lệ sở hữu		Theo loại đối tượng	
	Cổ đông lớn	Cổ đông khác	Cổ đông tổ chức	Cổ đông cá nhân
Số cổ đông	09 Cổ đông	72 Cổ đông	02 Cổ đông	79 Cổ đông
Tỉ lệ	83,84%	16,16%	0,2%	99,80%

Ghi chú: TVSI hiện không có cổ đông Nhà nước.

ĐỐI TÁC HỢP TÁC TOÀN DIỆN

BAO LONG INSURANCE
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Long (BLI)

Cũng trong tháng 05/2016, TVSI và Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long đã trở thành đối tác hợp tác toàn diện của nhau. Với tính chất cung cấp dịch vụ bổ trợ cùng phát triển, hai bên đã bước đầu triển khai các hợp tác khăng khít về tài chính, bán chéo sản phẩm.

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

NGƯỜI LAO ĐỘNG GẮN BÓ VỚI CÔNG TY NGOÀI NHỮNG ĐIỀU KIỆN VỀ THU NHẬP CÒN CÓ SỰ ẢNH HƯỞNG RẤT LỚN BỞI MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC, VĂN HÓA LÀM VIỆC. CÁC THÀNH VIÊN SÁNG LẬP TVSI ĐÃ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA CÔNG TY TRONG ĐÓ BAO GỒM TÍNH TỰ CHỦ, PHÂN QUYỀN VÀ DÂN CHỦ, TÔN TRỌNG LÀ MỘT TRONG CÁC NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY. TRÊN CƠ SỞ ĐÓ, CÔNG TY NỖ LỰC ĐEM LẠI CHO MỖI THÀNH VIÊN ĐIỀU KIỆN TỐT NHẤT VỀ MÔI TRƯỜNG, CƠ SỞ VẬT CHẤT, GIÚP CBNV ỔN ĐỊNH CUỘC SỐNG, TÍCH LŨY TÀI SẢN VÀ NÂNG CAO GIÁ TRỊ TINH THẦN.

TỰ CHỦ, PHÂN QUYỀN

Con người để phát triển cần một không gian sống, một không gian sáng tạo trong phạm vi quyền hạn, năng lực. Tại TVSI, mỗi cá nhân được sáng tạo, chịu trách nhiệm trên phạm vi quyền hạn và công việc mình được giao, từ đó phát huy tối đa khả năng của bản thân.

DÂN CHỦ, TÔN TRỌNG

Từ việc tạo ra không gian làm việc thuận lợi, hướng đến phát triển các cá nhân đòi hỏi sự dân chủ và tôn trọng trong các quyết định công việc. Môi trường chuyên nghiệp, văn minh cùng hệ thống văn phòng Xanh, Sạch, Đẹp, thân thiện tạo sự hứng khởi, thoải mái cho CBNV trong công việc hàng ngày.

Minh chứng cho những giá trị cốt lõi trong văn hóa doanh nghiệp nêu trên trong quá trình phát triển 12 năm tại TVSI cho thấy, tỷ lệ lớn những nhân sự chủ chốt của công ty đều được nuôi dưỡng và phát triển từ nguồn lực nội tại. Hướng đi này sẽ tiếp tục được duy trì kết hợp với những nhân tố mới để xây dựng TVSI luôn sẵn sàng nắm bắt cơ hội.

NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT 2018

VỐN
ĐIỀU LỆ

1080 TỶ ĐỒNG

TĂNG 116 %

TỔNG
DOANH THU
VÀ THU NHẬP

327,6 TỶ ĐỒNG

TĂNG 11,46%

TỔNG
TÀI SẢN

1999 TỶ ĐỒNG

TĂNG 66%

NHÂN SỰ

256 NGƯỜI

TĂNG 25,5%

DƯ NỢ
CHO VAY

1025 TỶ ĐỒNG

TĂNG 33%

MẠNG LƯỚI
KINH DOANH

16 ĐƠN VỊ

TĂNG 02 ĐƠN VỊ
TRÊN 07 TỈNH THÀNH

TƯ VẤN NIÊM YẾT
VÀ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
THÀNH CÔNG HƠN

47.300

TỶ ĐỒNG GIÁ TRỊ CỔ PHẦN

CÔNG TY NETLAND
VÀ VIETTEL GLOBAL

2 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tổng quan tình hình tài chính 32

Kết quả hoạt động kinh doanh 32

Tài sản nguồn vốn 35

Các chỉ số tài chính 37

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NĂM 2018 GHI NHẬN NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG TRONG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ, KIỂM SOÁT LẠM PHÁT VÀ ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ.

Năm 2018 ghi nhận những con số ấn tượng trong tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2018 đạt 7,08% so với năm 2017, mức tăng cao nhất 11 năm qua, vượt mục tiêu 6,7% đặt ra đầu năm, lạm phát được kiểm soát ở mức 3,54%, đạt mục tiêu tăng dưới 4%.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng từ 3 lần tăng lãi suất từ FED cùng chiến tranh thương mại Mỹ - Trung leo thang đã ảnh hưởng mạnh đến dòng tiền vào thị trường chứng khoán. Chỉ số VN-index lập đỉnh 1.204 điểm, nhưng có những phiên điều chỉnh mạnh, mức thấp nhất thiết lập trong năm là 880,85 điểm và kết thúc phiên giao dịch cuối năm, đóng cửa ở 892,54 điểm, giảm 9,3% so với năm 2017.

Mặc dù nền kinh tế đạt được sự tăng trưởng cao, thị trường chứng khoán lập đỉnh lịch sử nhưng ngay sau tháng 4 là 8 tháng khó khăn đối với kênh đầu tư chứng khoán. TVSI đã có một năm hoạt động nhiều nỗ lực với những kết quả đáng ghi nhận khi hầu hết các hoạt động kinh doanh chính của Công ty đều hoàn thành và vượt so với kế hoạch đặt ra, có thể điểm ra một số nét nổi bật:

KẾT QUẢ KINH DOANH

NĂM 2018, TVSI ĐÃ HOÀN THÀNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN

1.080

TỶ ĐỒNG

Năm 2018, TVSI đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 1.080 tỷ đồng. Đây là dấu mốc quan trọng trong chặng đường 12 năm hình thành và phát triển của TVSI, nâng vị thế Công ty gia nhập nhóm các công ty chứng khoán có quy mô vốn điều lệ trên 1.000 tỷ đồng tại thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay.

Việc hàng loạt các công ty chứng khoán được các định chế tài chính lớn của Châu Á mua lại và đầu tư nguồn vốn, nhân lực, công nghệ tại thị trường Việt Nam cho thấy sức hấp dẫn của thị trường nhưng cũng tạo ra những sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên tất cả các phương diện từ giá dịch vụ, nhân sự đến nguồn lực đầu tư đối với Công ty.

Mặc dù vậy, TVSI tiếp tục duy trì được ưu thế linh hoạt trong dịch vụ đã đáp ứng được một phần khúc khách hàng cá nhân trên thị trường để duy trì đà tăng trưởng của mình. Với việc đầu tư về nhân sự (tăng 52 nhân sự so với 2017), nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư cơ sở hạ tầng văn phòng làm việc (Hội sở, CN HCM, Láng Hạ, Hoàn Kiếm, Mỹ Đình, Mễ Trì, Vĩnh Long) đã là tiền đề để TVSI hoàn thành kế hoạch năm 2018.

Công ty đã hoàn thành và vượt so với kế hoạch hầu hết các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính đặt ra. Năm 2018, tổng doanh thu và các thu nhập khác đạt 327,6 tỷ đồng, tăng 11,46% so với năm 2017, hoàn thành 131% kế hoạch. Chi phí hoạt động kinh doanh tăng 35% so với kế hoạch tương đương với mức tăng trưởng doanh thu do Công ty đầu tư mạnh vào nhân sự, mạng lưới hệ thống để phát triển kinh doanh. Lợi nhuận sau thuế Công ty vượt 19% kế hoạch được giao khi đạt 60,36 tỷ đồng. Lũy kế trong giai đoạn 2014-2018, tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm đạt 21%, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận đạt 22%. Doanh thu năm 2018 tăng 2,17 lần, lợi nhuận sau thuế tăng 2,23 lần so với năm 2014.

Bảng 1: Kết quả kinh doanh thực hiện so với kế hoạch năm 2018

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Kế hoạch 2018	%TH/KH	Tăng trưởng so với 2017
Doanh thu	327.605	293.935	249.814	131%	11%
1. Môi giới	111.838	84.838	93.053	120%	32%
2. Dịch vụ tài chính	143.099	107.318	115.976	123%	33%
3. Đầu tư tự doanh	44.664	85.753	25.500	175%	-48%
4. Tư vấn và đại lý phát hành chứng khoán	11.579	4.625	6.820	170%	150%
5. Tiền gửi	10.425	7.143	6.000	174%	46%
6. Doanh thu lưu ký chứng khoán	5.260	2.628	2.165	243%	100%
7. Khác	742	1.631	300	247%	-54%
Chi phí	**252.448**	**192.828**	**186.767**	**135%**	**31%**
Lợi nhuận trước thuế	**75.158**	**101.107**	**63.047**	**119%**	**-26%**
Lợi nhuận sau thuế	**60.368**	**81.294**	**50.838**	**119%**	**-26%**

(Nguồn: Báo cáo tài chính TVSI đã kiểm toán)

BIỂU ĐỒ 1: TĂNG TRƯỞNG DOANH THU - LỢI NHUẬN 2014 - 2018

Tỷ đồng

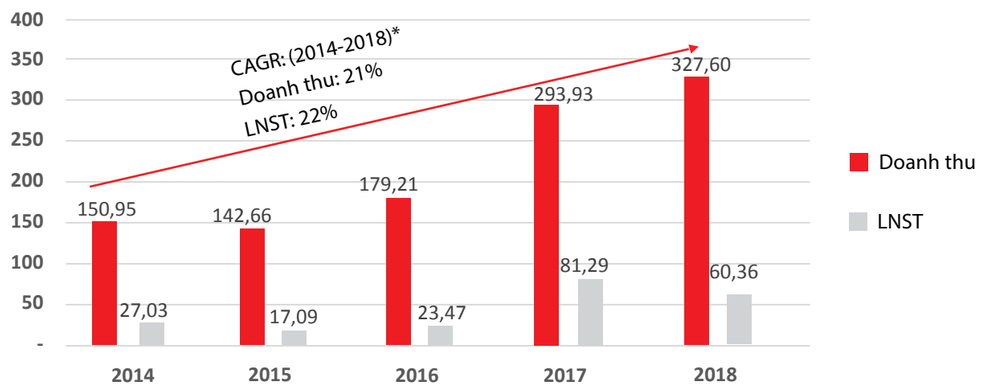

**CAGR (Compoun Annual Grouth Rate): Tỷ lệ tăng trưởng lũy kế hàng năm*

(Nguồn: Báo cáo tài chính TVSI đã kiểm toán các năm, số liệu được trình bày lại phù hợp với chế độ kế toán mới)

Công ty tiếp tục bám sát định hướng hoạt động kinh doanh cốt lõi là Môi giới và Dịch vụ tài chính. Hai mảng kinh doanh chính đóng góp 78% tổng doanh thu Công ty trong năm tài khóa 2018. Các nhóm sản phẩm dịch vụ tài chính vẫn duy trì được tính cạnh tranh trên thị trường nhờ những đặc tính ưu việt về độ linh hoạt, phù hợp với khẩu vị của nhiều nhóm Nhà đầu tư.

Đặc biệt, năm 2018 ghi nhận sự phát triển vượt bậc của hoạt động dịch vụ Ngân hàng đầu tư khi ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, đạt doanh thu 11,58 tỷ đồng, tăng 150% so với cùng kỳ, vượt 70% kế hoạch. Việc thực hiện thành công các giao dịch có quy mô và giá trị lớn góp phần nâng cao vị thế thương hiệu cho Công ty.

Hệ thống dịch vụ cung cấp đến khách hàng giao dịch đảm bảo sự tiện ích, ổn định bằng các giải pháp công nghệ trực tuyến toàn diện từ giao dịch đặt lệnh, quản lý tài sản đến các nghiệp vụ chứng khoán như thực hiện quyền, chuyển chứng khoán, mua bán lô lẻ....

Hội đồng Quản trị cũng đã quyết định một cơ cấu tổ chức mới của công ty theo hướng chuyên môn hóa nghiệp vụ, nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ TVSI cung cấp ra thị trường. Hướng đi này đảm bảo cho quá trình phát triển mở rộng dịch vụ, chuyên sâu nghiệp vụ hướng đến đa dạng các mảng kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Các giải pháp đầu tư đồng bộ có trọng điểm đã giúp TVSI trong năm mở thêm được 03 đơn vị kinh doanh môi giới thuộc hệ thống hiện diện hầu khắp các tỉnh thành phố lớn của cả nước. Thêm vào đó, bộ phận chăm sóc khách hàng được thành lập đã tạo nên bước đột phá trong chăm sóc, cung cấp dịch vụ chất lượng từ các khách hàng lớn đến khách hàng mới của Công ty.

Giải thưởng *Fastest Growing Brokerage Network Vietnam 2018* do tạp chí uy tín của Anh Quốc *Global Banking and Finance Review* bình chọn và trao tặng đã chứng nhận những nỗ lực trong việc mở rộng hệ thống mạng lưới môi giới của Công ty trong năm qua, không chỉ bao gồm số lượng đơn vị kinh doanh mà cả số lượng và chất lượng nhân sự.

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

BIỂU ĐỒ 2: TĂNG TRƯỞNG VỐN ĐIỀU LỆ 2006-2018

Tỷ đồng

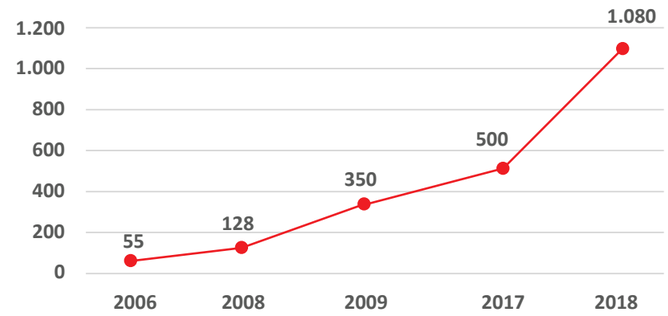

TỔNG NGUỒN VỐN ĐẠT

1.999

TỶ ĐỒNG

TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2018

Hoạt động kinh doanh chứng khoán ngày càng đòi hỏi phải nâng cao năng lực tài chính để đáp ứng những quy định của Nhà nước về mức vốn điều lệ tối thiểu trong cung cấp các sản phẩm dịch vụ phái sinh. Bên cạnh đó, nguồn lực tài chính là yêu cầu tiên quyết để Công ty có thể tăng trưởng quy mô, gia tăng cạnh tranh thu hút khách hàng.

Chiến lược về nguồn vốn được TVSI xây dựng giai đoạn 5 năm từ 2017-2022 với mức vốn điều lệ đạt mức 1.000 tỷ đồng theo lộ trình. Nhưng với sự tin tưởng, tầm nhìn của Cổ đông, TVSI đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 1.080 tỷ đồng ngay trong năm 2018 (tháng 12/2018) đưa TVSI trở thành một trong số những định chế tài chính lớn trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Bên cạnh việc nâng vốn, Công ty đã phát hành thành công 2 đợt trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị 277 tỷ đồng, nâng tổng số vốn huy động qua phát hành trái phiếu lên 677 tỷ đồng, qua đó, nâng tổng nguồn vốn của TVSI tại thời điểm 31/12/2018 đạt 1.999 tỷ đồng, tăng 66% so với đầu năm. Nguồn vốn tăng thêm được đầu tư chủ yếu vào các khoản cho vay, tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Cơ cấu nguồn vốn có sự chuyển biến tích cực, tỷ trọng vốn chủ sở hữu tăng, tỷ trọng nợ giảm. Nếu trong giai đoạn 2014-2017, tỷ trọng tài sản đầu tư bằng vốn chủ sở hữu dao động từ 46% đến 50% thì với việc tăng vốn điều lệ lên gấp đôi so với cuối năm 2017, tỷ trọng đầu tư tài sản bằng vốn chủ sở hữu tăng lên 60% tại thời điểm kết thúc năm 2018.

BIỂU ĐỒ 3: NGUỒN VỐN TVSI

Tỷ đồng

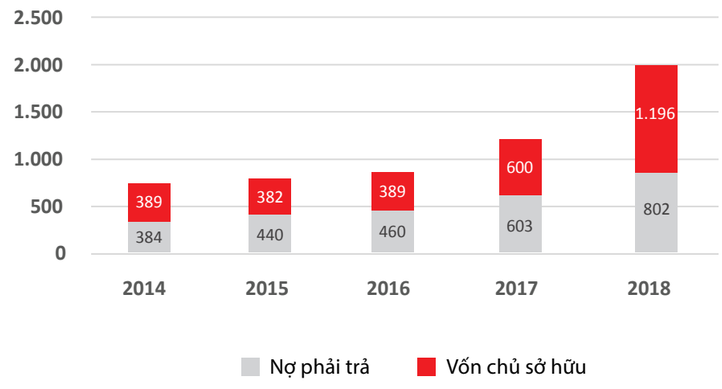

Trong cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn (trên 98%), tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng rất nhỏ. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, khoản mục cho vay vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất thể hiện định hướng kinh doanh lấy môi giới và dịch vụ tài chính làm chủ đạo. Tỷ trọng đầu tư vào tiền gửi, giấy tờ có giá tăng; tỷ trọng đầu tư tự doanh giảm do những diễn biến khó lường trên thị trường chứng khoán năm 2018.

Bảng 2: Cơ cấu tài sản – nguồn vốn 2014 - 2018

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
Tài sản ngắn hạn	762.167	806.130	830.001	1.180.748	1.972.671
Tài sản dài hạn	12.073	16.696	19.850	23.088	26.648
Tổng tài sản	**774.240**	**822.826**	**849.850**	**1.203.835**	**1.999.319**
Nợ phải trả	384.906	440.799	460.061	603.772	802.882
Nợ ngắn hạn	169.201	25.322	273.986	239.882	225.882
Nợ dài hạn	215.705	415.477	186.075	363.890	577.000
Vốn chủ sở hữu	389.334	382.026	389.790	600.063	1.196.437
Tổng nguồn vốn	**774.240**	**822.826**	**849.850**	**1.203.835**	**1.999.319**

(Nguồn: Báo cáo tài chính TVSI đã kiểm toán)

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Sức khỏe của một doanh nghiệp được thể hiện rõ ràng hơn qua các chỉ số về khả năng thanh toán, cơ cấu nợ, cơ cấu tài sản trong năm. Những chỉ số này của TVSI ngày càng chuyển biến theo hướng tích cực, mang đến sự an toàn cho hoạt động kinh doanh, sự ổn định và phát triển của doanh nghiệp.

Bảng 3: Phân tích các chỉ tiêu tài chính

Chỉ số thanh toán	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
Chỉ số tiền mặt	1,01	3,81	0,49	0,37	1,39
Chỉ số thanh toán nhanh	4,47	31,70	3,02	4,92	8,71
Chỉ số thanh toán hiện hành	4,50	31,83	3,03	4,92	8,72
Các chỉ số nợ					
Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản	0,5	0,54	0,54	0,5	0,40
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	0,99	1,15	1,18	1,01	0,67
Hệ số an toàn tài chính	255,80	266,95	306,46	706,12	577
Cơ cấu tài sản					
TSNH/Tổng tài sản	98,44%	97,97%	97,66%	98,08%	98,67%
TSDH/Tổng tài sản	1,56%	2,03%	2,34%	1,92%	1,33%
Tỷ suất sinh lợi					
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,22	0,18	0,21	0,29	0,24
Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA)	0,07	0,04	0,06	0,16	0,09
Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	0,04	0,02	0,03	0,08	0,04

Các chỉ số phản ánh khả năng thanh toán và nợ đều cải thiện rõ rệt so với cuối năm 2017. Chỉ số tiền mặt là 1,39, tăng 3,75 lần, chỉ số thanh toán nhanh và thanh toán hiện hành tăng 1,77 lần so với cuối năm 2017. Khả năng thanh toán tăng cao giúp đáp ứng tốt hơn yêu cầu thanh khoản và chủ động trước những rủi ro bất thường.

Các chỉ số nợ ghi nhận mức thấp nhất trong giai đoạn 2014-2018, chỉ số nợ trên tổng tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu lần lượt là 0,4 và 0,67. Công ty sử dụng ít nợ hơn trong hoạt động kinh doanh giúp gia tăng tính tự chủ tài chính, giảm gánh nặng lãi suất.

Cơ cấu tài sản không có sự biến động lớn giữa các năm, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ.

Tỷ suất sinh lợi có giảm so với cùng kỳ năm 2017, tuy nhiên, xét trong giai đoạn 5 năm từ 2014-2018, các chỉ số tỷ suất sinh lợi tăng cao hơn mức trung bình, hiệu quả sinh lợi của Công ty có sự cải thiện đáng kể.

3 CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Môi giới 40

Dịch vụ tài chính 45

Dịch vụ ngân hàng đầu tư 48

Đầu tư tự doanh 50

MÔI GIỚI

BIỂU ĐỒ 4: DOANH THU MÔI GIỚI

Tỷ đồng

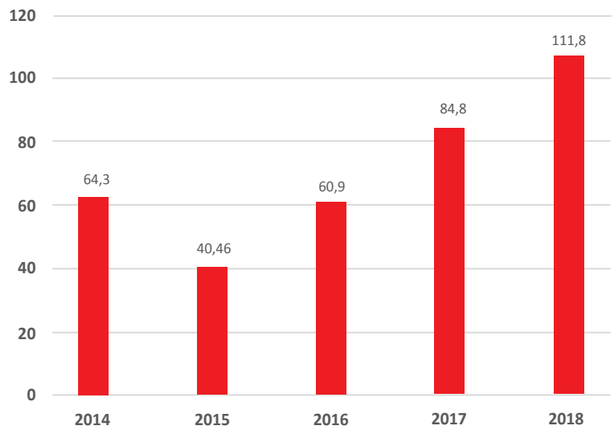

DOANH THU HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI GHI NHẬN

111,8

TỶ ĐỒNG

Những biến động rất mạnh trên thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2018 cả về thanh khoản, điểm số và tâm lý thị trường đã tạo nên một năm hoạt động kinh doanh với nhiều sắc thái từ lạc quan đến lo lắng. Điểm số VN-Index đạt mức đỉnh lịch sử 1.205 điểm vào tháng 4 và ngay sau đó giảm mạnh đến hết năm lui về ngưỡng 892 điểm. Nếu so với mức đỉnh từng xác lập trong năm hơn 1.200 điểm vào đầu tháng 4, chỉ số đại diện cho HoSE đã giảm tới hơn 25% và năm 2018 cũng ghi dấu là năm biến động mạnh nhất kể từ khủng hoảng cách đây hơn 10 năm và chấm dứt đà tăng của VN-Index kéo dài liên tục từ năm 2016. Giá trị giao dịch trung bình phiên của thị trường năm 2018 tăng 38,3% so với năm 2017, trong đó thanh khoản thị trường rất cao trong 5 tháng đầu năm và giảm 68% vào 7 tháng cuối năm.

Kết quả hoạt động môi giới ghi nhận doanh thu 111,8 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ, vượt 20% so với kế hoạch. Hoạt động môi giới tiếp tục là hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty khi chiếm 34% trong tổng doanh thu, tăng mạnh so với con số 29% năm 2017.

Duy trì và giữ vững thị phần Môi giới

Biến động thanh khoản trên thị trường trong năm 2018 cùng với sự vận động phát triển không ngừng, sự cạnh tranh về thị phần trên thị trường của các công ty chứng khoán ngày càng quyết liệt, đặc biệt là TOP 15 công ty chứng khoán. Luôn chủ động trước những thách thức mới của thị trường, TVSI đã tăng vốn thành công lên 1.080 tỷ đồng đáp ứng nhu cầu của thị trường và Nhà đầu tư. Tiếp tục giữ vững thị phần trên thị trường mức 1,6% - 1,8% từ năm 2015-2018.

Tăng trưởng thị phần Môi giới là một tiêu chí trọng tâm được Ban lãnh đạo cùng toàn bộ cán bộ nhân viên TVSI quyết tâm thực hiện trong năm 2019.

BIỂU ĐỒ 5: THỊ PHẦN CỦA TVSI NĂM 2014-2018

(%)

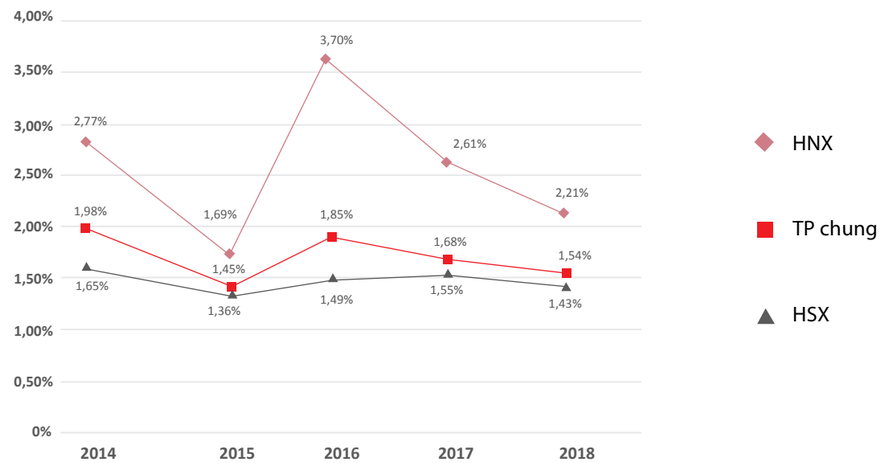

Tiếp tục mở rộng mạng lưới Đơn vị kinh doanh

Mạng lưới Đơn vị kinh doanh của Khối Môi giới đã tiếp tục được phát triển mở rộng nhằm khai thác thêm nhiều mảng khách hàng nhưng luôn đi kèm với đó là hiệu quả hoạt động của các đơn vị. Năm 2018, Khối Môi giới đã thành lập thêm 03 đơn vị kinh doanh (02 đơn vị tại miền Bắc - 01 đơn vị tại miền Nam). Theo đó, hệ thống Môi giới từ 13 đơn vị kinh doanh năm 2017 đã tăng lên 16 đơn vị kinh doanh phân bổ đồng đều trên cả 2 miền Bắc - Nam. Toàn khối Môi giới có 15/16 đơn vị kinh doanh hoàn thành và vượt chỉ tiêu kinh doanh được giao năm 2018.

Năm 2019, TVSI tiếp tục chú trọng mục tiêu tăng trưởng và mở rộng mạng lưới qua đó mở rộng cơ hội cho các Nhà đầu tư trên toàn quốc tiếp cận thị trường chứng khoán đồng thời nâng cao vị thế hình ảnh của TVSI trên thị trường.

BIỂU ĐỒ 6: TỔNG SỐ TÀI KHOẢN VÀ MỞ MỚI GIAI ĐOẠN NĂM 2014-2018

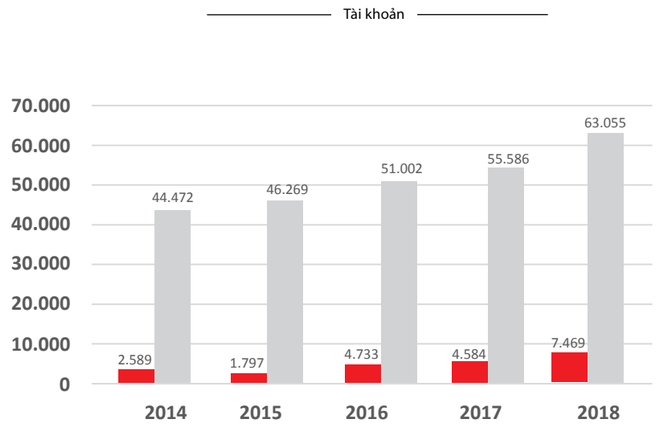

BIỂU ĐỒ 7: TĂNG TRƯỞNG NHÂN SỰ MÔI GIỚI QUA CÁC NĂM

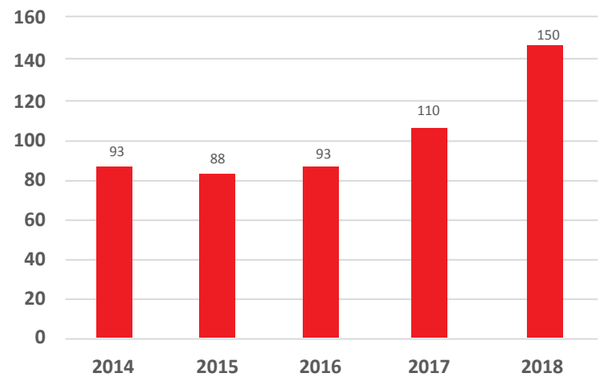

QUẢN LÝ HƠN

63.000

TÀI KHOẢN NHÀ ĐẦU TƯ TÍNH ĐẾN CUỐI NĂM 2018

TỔNG TÀI SẢN QUẢN LÝ GẦN

50.000

TỶ ĐỒNG

Tăng trưởng mạnh về số lượng tài khoản và tài sản quản lý

Tính đến cuối năm 2018, TVSI quản lý hơn 63.000 tài khoản Nhà đầu tư, tăng 7.548 tài khoản tương ứng 13,4% so với năm 2017. Số lượng tài khoản khách hàng hoạt động trong năm 2018 đạt tỷ lệ cao là kết quả của chiến lược hoạt động kinh doanh đúng đắn, đa dạng hóa sản phẩm, chu đáo tận tình trong dịch vụ chăm sóc khách hàng, linh hoạt tối đa hỗ trợ dịch vụ tài chính cho Nhà đầu tư.

Tổng tài sản quản lý tại TVSI đã chạm gần con số 50.000 tỷ tăng trưởng mạnh so với năm 2017. Kết quả này được tích lũy bởi sự nỗ lực của toàn bộ nhân viên TVSI trong quá trình phát triển khách hàng mới và khai thác nguồn tài sản lưu ký các doanh nghiệp lớn sẽ tiếp tục trở thành định hướng phát triển trong năm 2019.

Tăng trưởng về đội ngũ Môi giới

Sản phẩm dịch vụ môi giới chứng khoán gắn liền với quá trình cung cấp dịch vụ theo hệ thống và nhân sự thực hiện. Bởi vậy, TVSI luôn theo đuổi chiến lược nhân sự xuất sắc để có chất lượng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Một đội ngũ nhân sự giỏi chuyên môn, tâm huyết với nghề luôn được đào tạo, nuôi dưỡng và phát triển trong môi trường làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả. Các chương trình đào tạo chuyên môn, kỹ năng mềm cho cán bộ nhân viên Môi giới, những chính sách hỗ trợ tài chính cho CBNV học thêm các chứng chỉ phái sinh, chứng chỉ nghề tài chính như CFA, ACCA qua đó nâng cao "giá trị gia tăng" của mỗi nhân viên trong Công ty.

Chính điều đó đã thu hút được nhân sự mới đến với TVSI trong năm vừa qua. riêng nhân sự Môi giới năm 2018 tăng 34% so với năm 2017.

Với những chính sách nhân sự hợp lý coi trọng yếu tố con người, chất lượng nhân sự Môi giới ngày càng nâng cao rõ rệt. Điều này thể hiện không những ở tỷ lệ tăng trưởng doanh số bình quân ấn tượng của CBNV mà còn thể hiện ở sự hài lòng của khách hàng khi đến với TVSI.

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

DOANH THU HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TÀI CHÍNH ĐẠT

143,1

TỶ ĐỒNG

Dịch vụ tài chính (cho vay ký quỹ) đã trở thành mảng kinh doanh cốt lõi của tất cả các công ty chứng khoán trên thị trường. Trong năm 2018 thị trường cho vay ký quỹ giao dịch chứng khoán cạnh tranh lãi suất rất khắc nghiệt với hàng loạt đối thủ là các công ty có sự hậu thuẫn ngân hàng mẹ, tập đoàn tài chính nước ngoài với giá vốn thấp (từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan). Công ty đã có các chính sách hỗ trợ linh hoạt để nhân viên môi giới vẫn giữ chân được khách hàng và đảm bảo hoạt động mang lại hiệu quả.

Doanh thu hoạt động dịch vụ tài chính đạt 143,1 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ, hoàn thành 123% kế hoạch. Dư nợ hoạt động cho vay tại thời điểm cuối năm 2018 đạt 1,149 tỷ đồng, tăng 23%. Doanh thu hoạt động dịch vụ tài chính chiếm 44% tổng doanh thu. Hoạt động dịch vụ tài chính cùng với môi giới chứng khoán tiếp tục là hai hoạt động chủ đạo mang lại doanh thu chính cho Công ty trong năm tài khóa 2018, đóng góp 78% tổng doanh thu.

Bảng 4: Dư nợ và Doanh thu dịch vụ tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Kế hoạch 2018	% Hoàn thành	Tăng trưởng so với 2017
Tổng dư nợ dịch vụ tài chính	415	591	770	1025	872	117,59%	33,11%
Doanh thu dịch vụ tài chính	62,47	78,01	107,31	143,09	115,97	123,39%	33,34%

Chiếm tỷ trọng lớn trong dịch vụ tài chính, dịch vụ cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty đã tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn 2015 - 2018. Năm 2018, thị trường chứng khoán nhiều biến động bất lợi, có những thời điểm dư nợ của TVSI về mức 800 tỷ. Thời điểm đó, TVSI đã đưa ra nhiều giải pháp hiệu quả nhờ đó dư nợ tăng dần và cán mốc 1.025 tỷ bình quân năm 2018 tăng trưởng 11%, cao hơn mức trung bình của thị trường.

BIỂU ĐỒ 8: DƯ NỢ VÀ DOANH THU CHO VAY GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Tỷ đồng

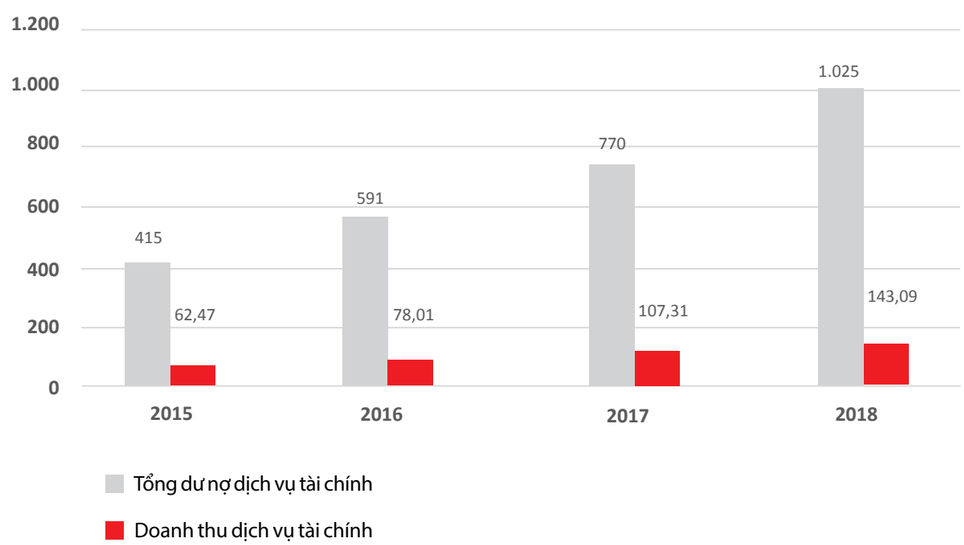

Để đạt được hiệu quả sử dụng vốn của dịch vụ tài chính liên tục gia tăng qua các năm là kết quả của việc dịch vụ sẵn sàng thay đổi, nắm bắt cơ hội thị trường:

Dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ

Biến động mạnh theo thị trường, trong các tháng tính lúc thấp điểm và cao điểm của dư nợ nằm trong khoảng từ 8-27%. Bằng việc thay đổi linh hoạt trong chính sách, doanh thu dịch vụ tài chính đạt 143,1 tỷ hoàn thành, 123,39% và tăng trưởng 33,34% so với năm 2017.

Danh mục cho vay giao dịch ký quỹ

Gần 500 mã chứng khoán, không có nhiều sự biến động mạnh về danh mục và tất cả các mã đều nằm trong danh sách được phép cho vay ký quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Sản phẩm dịch vụ tài chính

Xuất phát từ nhu cầu thực tế của khách hàng và thị trường, công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính không ngừng được chú trọng. Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện hàng chục đợt cập nhật và chỉnh sửa hệ thống nhằm đổi mới các tiện ích cũng như tạo ra các trải nghiệm mới cho khách hàng giao dịch. Tối đa hóa cơ hội cho từng khách hàng, TVSI đã cung cấp một hệ thống các công cụ, giải pháp tài chính để các Nhà đầu tư có thể sử dụng nguồn vốn tài trợ hiệu quả nhất theo nhu cầu riêng biệt. Cụ thể:

- Các gói sản phẩm linh hoạt vẫn là sự lựa chọn ưu thích của khách hàng. Nhiều khách hàng chuyển sang sử dụng gói dịch vụ SF để tăng tính linh hoạt trong sản phẩm. Doanh thu của nhóm SF (đòn bẩy tài chính cao nhất) luôn chiếm từ 40% - 50% tổng doanh thu của TVSI;

- Gói dịch vụ cho khách hàng VIP với những ưu đãi vượt trội riêng có luôn mang lại sự hài lòng của khách hàng;

- Qúy III/2018 TVSI đã tung ra sản phẩm Active Margin dành cho các khách hàng có vòng quay lớn, lãi suất ưu đãi tối đa phải trả bằng 0% và được khách hàng ưa thích đăng ký sử dụng và đạt hiệu quả rất cao;

- Tuy đầu năm 2018 với nguồn vốn hạn chế, để giữ chân và khuyến khích hoạt động khai thác khách hàng, TVSI vẫn duy trì gói sản phẩm ưu đãi lãi suất 8,99%.

Chính sách lãi suất cạnh tranh, ổn định nguồn vốn phục vụ khách hàng

Mặc dù nguồn lực tài chính còn hạn chế, tuy nhiên với việc quản trị tài chính hiệu quả bằng nhiều giải pháp linh hoạt, TVSI đã nỗ lực duy trì nguồn vốn ổn định cho các hoạt động margin, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó, TVSI luôn duy trì lãi suất dịch vụ margin và ứng trước tiền bán chứng khoán cạnh tranh và thường xuyên điều chỉnh để phù hợp với diễn biến lãi suất thị trường.

Đi cùng với kết quả đạt được năm 2018, hoạt động quản trị cho vay ngày càng được TVSI chú trọng:

Quản lý cho vay giao dịch ký quỹ

Hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ được TVSI giám sát chặt chẽ, quản lý hiệu quả bằng các quy trình, công cụ theo dõi tự động, đảm bảo tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật về hoạt động cho vay.

Ngoài ra việc thống nhất chính sách cho vay, duy trì tài khoản linh hoạt, trên cơ sở đảm bảo quản trị rủi ro của Công ty phù hợp với từng gói sản phẩm, dịch vụ và nhóm khách hàng đã giúp hoạt động dịch vụ tài chính tăng trưởng ổn định.

Hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ không phát sinh nợ xấu

Với quy mô hoạt động nghiệp vụ cho vay ngày càng lớn, đa dạng sản phẩm, TVSI đã thành lập Khối Dịch vụ tài chính trên cơ sở Phòng Dịch vụ Tài chính hiện nay để phù hợp với quy mô hoạt động nghiệp vụ và dư địa phát triển. Tuy nhiên năm 2019 thị trường chứng khoán sẽ còn nhiều khó khăn cùng với cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các công ty chứng khoán khác, đòi hỏi Khối Dịch vụ tài chính phải thực sự cố gắng hơn để có thể nắm bắt được nhiều cơ hội biến những thách thức thành động lực bứt phá mạnh mẽ.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ TƯ VẤN NIÊM YẾT VÀ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH HƠN

47.300

TỶ ĐỒNG GIÁ TRỊ VỐN HÓA

Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư - Investment Bank (IB) luôn là một trong những mảng kinh doanh khó, đòi hỏi chất lượng nhân sự cao nhưng tạo ra giá trị gia tăng, lợi nhuận đột biến nếu thành công. Với TVSI, mục tiêu xác định của Khối IB là một trong những trụ cột quan trọng trong mối quan hệ tương hỗ với Khối Môi giới, Khối Nghiệp vụ, Hỗ trợ (Nghiên cứu & Tư vấn đầu tư, Dịch vụ Tài chính, Đầu tư Tự doanh) để xây dựng và phát triển TVSI bền vững trên nền móng hệ giá trị cốt lõi.

Năm 2018 ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, đạt doanh thu 11,58 tỷ đồng, tăng 150% so với cùng kỳ, vượt 70% kế hoạch. Bên cạnh đó, việc thực hiện thành công các giao dịch có quy mô và giá trị lớn góp phần nâng cao vị thế cho Công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Khối IB trong năm 2018 tiếp tục đạt được thành công về tốc độ tăng trưởng doanh thu, hợp đồng tư vấn so với năm 2016, 2017 và giai đoạn trước đó (giai đoạn 2014 - 2015). Kết quả đạt được năm 2018 góp phần đặt những bước chân vững chắc trong hành trình 5 năm của giai đoạn 2016 - 2020.

Những dịch vụ tư vấn chất lượng cao, đem lại lợi ích tối ưu cho khách hàng của khối đáng ghi nhận như:

- Tư vấn niêm yết và đăng ký giao dịch thành công hơn 47.300 tỷ đồng giá trị vốn hóa. Cụ thể: 12 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Bất động sản Netland lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), niêm yết 10 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng lên giao dịch tại sàn HNX, đăng ký giao dịch thành công cho hơn 2.243 triệu cổ phiếu của Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (VGI) trong việc đưa cổ phiếu lên giao dịch trên Upcom…

- Tiếp cận từng bước với thị trường trái phiếu và cũng đem lại nhiều thành tựu đáng kể. Trong năm, Khối IB đã tư vấn phát hành trái phiếu thành công cho nhiều doanh nghiệp, tiếp cận với các khách hàng có nhu cầu mua/bán trái phiếu. Mặc dù là năm đầu phát triển mảng trái phiếu nhưng năm 2018 Khối IB đã tư vấn phát hành thành công hơn 30 nghìn tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp cho các doanh nghiệp lớn…

- Tiếp tục là đơn vị được Ủy ban nhân dân Hà Nội, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Bộ Quốc phòng, các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty thương mại Hà Nội - CTCP, Tổng Công ty Du lịch Hà Nội (Hanoitourist)… lựa chọn là đơn vị tư vấn thoái vốn, tư vấn tài chính doanh nghiệp, cổ phần hóa…

- Cùng với các hoạt động tư vấn truyền thống: Tư vấn cổ phần hóa, thoái vốn, niêm yết... năm 2018 Khối IB đã mở rộng hoạt động M&A. Bước đầu, hoạt động M&A đang dần phát triển thu được nhiều khởi sắc. Hiện khối IB đang tiến hành kết hợp với các Quỹ IDG-Venture, Quỹ Impact Việt Nam, các Quỹ của Iceland …triển khai các Hợp đồng tư vấn tìm kiếm đối tác đầu tư trong các ngành sữa, nhựa, ngành nông nghiệp, sản xuất thực phẩm, ngành chăn nuôi...

BIỂU ĐỒ 9: TĂNG TRƯỞNG HỢP ĐỒNG VÀ DOANH THU CỦA KHỐI IB SO VỚI NĂM TRƯỚC

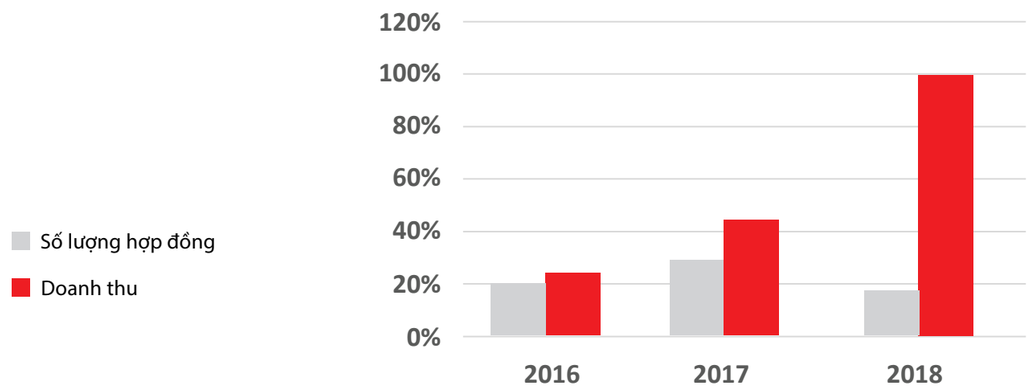

CÁC KHÁCH HÀNG LỚN ĐÃ ĐỒNG HÀNH VỚI TVSI TRONG THỜI GIAN QUA:

ĐẦU TƯ TỰ DOANH

BIỂU ĐỒ 10: DOANH THU ĐẦU TƯ TỰ DOANH

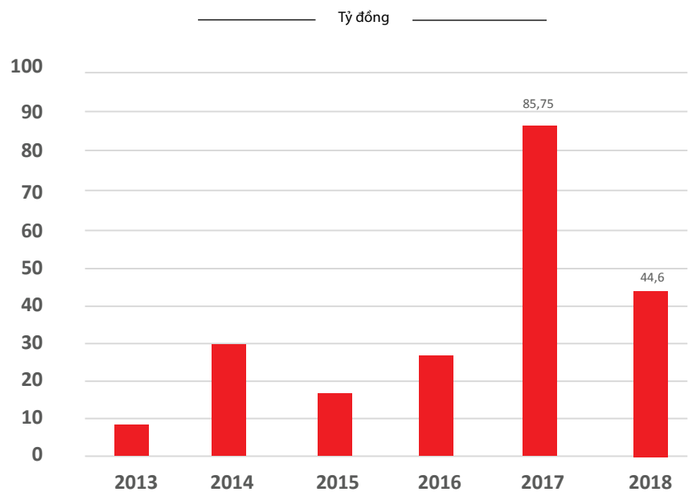

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH ĐẠT

44,6

TỶ ĐỒNG

Đầu tư tự doanh là hoạt động tăng giảm theo chu kỳ của thị trường. Năm 2018, hoạt động đầu tư cổ phiếu chịu ảnh hưởng mạnh bởi sự suy giảm thị trường chứng khoán trong 8 tháng cuối năm VN-Index đã giảm 25% so với mức đỉnh và 9,32% so với năm 2017. Tuy vậy, do tuân thủ chặt chẽ chiến lược đầu tư an toàn, hiệu quả hợp lý và tương trợ hoạt động dịch vụ tài chính; Công ty đã bán ra và giảm mạnh tỷ trọng cổ phiếu đầu tư trong những tháng đầu năm 2018 khi thị trường tăng điểm mạnh. Nhờ đó, TVSI hiện thực hóa lợi nhuận và bổ sung nguồn vốn hỗ trợ cho hoạt động dịch vụ tài chính và các hoạt động kinh doanh khác.

Kết quả năm 2018, doanh thu hoạt động tự doanh đạt 44,6 tỷ đồng hoàn thành 175% kế hoạch năm nhưng vẫn giảm 46% so với năm 2017. Việc hoàn thành vượt kế hoạch đề ra trong bối cảnh thị trường suy giảm, nhiều cổ phiếu Bluechip giảm tới 40% trong năm do đó bảo toàn được nguồn vốn là điều vô cùng tích cực trong khi rất nhiều các công ty và Nhà đầu tư không bảo toàn được lợi nhuận từ nhịp tăng mạnh của thị trường giai đoạn đầu năm.

4 NỀN TẢNG DỊCH VỤ

Công nghệ thông tin	54
Dịch vụ chứng khoán	57
Marketing và Phát triển sản phẩm	58
Nhân sự	61
Quản trị rủi ro	64

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

PHÁT TRIỂN CNTT LUÔN ĐẢM BẢO YẾU TỐ BỀN VỮNG

Tiếp đà 2017, trong năm qua, TVSI không ngừng nâng cao năng lực Công nghệ Thông tin (CNTT) nhằm cung cấp cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ và trải nghiệm tiện ích trên nền tảng giao dịch tích hợp. Hạ tầng CNTT của TVSI thường xuyên được nâng cấp với nhiều chức năng mới để thúc đẩy tự động hóa trong quy trình hoạt động của các bộ phận chức năng giúp gia tăng hiệu quả công việc cũng như sự hài lòng của khách hàng.

Trong quá trình triển khai hệ thống CNTT, TVSI luôn tập trung vào việc quản lý an toàn thông tin và quản lý dịch vụ CNTT. Đối với quản trị CNTT, đặc biệt là bảo vệ an toàn dữ liệu, TVSI đã nỗ lực áp dụng nhiều biện pháp để gia tăng tính an toàn và bảo mật. Quá trình phát triển hệ thống giao dịch lõi và duy trì các nghiệp vụ kinh doanh được thực hiện theo các hướng dẫn rõ ràng bởi các chính sách và quy định quản trị an toàn thông tin; đồng thời đảm bảo yếu tố bền vững, hoàn thiện củng cố hệ thống.

NÂNG CAO NGHIỆP VỤ HỆ THỐNG HÓA CNTT

Cùng với sự hiện đại hóa về hạ tầng công nghệ, các nền tảng CNTT khác của TVSI như: Phần mềm, quản trị cơ sở dữ liệu… cũng được nâng cấp, chuyển đổi sử dụng công nghệ tiên tiến bắt kịp sự phát triển của CNTT toàn cầu. Ngoài ra, đội ngũ chuyên viên CNTT cũng không ngừng nghiên cứu tìm hiểu công nghệ mới để áp dụng cho những hệ thống mới và nâng cao hiệu năng cho các hệ thống hiện tại. Năm 2018, bộ phận CNTT tập trung phát triển nâng cấp các phần mềm hỗ trợ nhằm thúc đẩy mạnh mẽ các lĩnh vực quản lý của các bộ phận trong thời gian tới.

BẢO MẬT AN TOÀN HỆ THỐNG

Năm 2017, TVSI đặc biệt chú trọng xây dựng chính sách và quy trình CNTT thì năm 2018 là năm TVSI thực thi rất nhiều quy trình trong việc quản trị, vận hành các hệ thống CNTT; thực hiện các kế hoạch công việc một cách bài bản theo quy trình. Các hệ thống giám sát tự động, theo dõi kiểm soát thực thi quy trình được đưa vào áp dụng, nhằm củng cố tính an toàn, ổn định và dự phòng cũng như xử lý sự cố một cách kịp thời.

Bảo mật hệ thống ngày càng được chú trọng và đầu tư rõ nét hơn, các biện pháp bảo mật hệ thống ngày càng được củng cố, nâng cấp và được đánh giá khách quan từ các đối tác chuyên môn. Bên cạnh đó, các hoạt động củng cố năng lực và an toàn, an ninh của hệ thống vẫn tiếp tục được quan tâm. Đặc biệt trong bối cảnh tội phạm công nghệ cao ngày càng phát triển, TVSI sẽ tiếp tục xây dựng những chính sách, quy trình, thực thi nhiều biện pháp đảm bảo an toàn dữ liệu, đảm bảo an ninh mạng để không chỉ đáp ứng những tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành mà còn góp phần hoàn thiện hệ thống, củng cố khả năng đối phó với những đe dọa tới hệ thống trong tương lai.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(Tiếp theo)

KẾ HOẠCH 2019

CUNG CẤP SẢN PHẨM MỚI CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Năm 2019 là năm có vị thế rất quan trọng trong việc thực hiện kế hoạch của bộ phận CNTT khi Công ty vừa nâng vốn điều lệ lên 1.080 tỷ đồng. Chứng khoán phái sinh - sản phẩm trọng điểm năm 2019 đang được đội ngũ CNTT của TVSI tích cực triển khai dự kiến ra mắt tháng 06/2019, cung cấp sân chơi mới cho các Nhà đầu tư, tăng tính cạnh tranh của TVSI trên thị trường.

XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CNTT CÓ CHIỀU SÂU

Đối với TVSI, nguồn nhân lực CNTT luôn được quan tâm, chú trọng xây dựng và phát triển; bộ phận luôn có các chuyên viên kỹ thuật phụ trách cho từng mảng chức năng như: hệ thống, phần mềm, phát triển sản phẩm, quản lý hệ thống lõi, quản lý vận hành… Do đó đội ngũ CNTT luôn được xây dựng và củng cố theo các tiêu chí:

- Khuyến khích đội ngũ chuyên viên tham gia vào các dự án khác nhau để mở rộng, trau dồi kiến thức, học hỏi cách làm việc;
- Khuyến khích học tập, nâng cao năng lực, trình độ chuyên sâu ở các lĩnh vực mới;
- Làm chủ hệ thống và các công nghệ mới cũng như đảm bảo nhân sự vận hành, thay thế trong các trường hợp cần thiết.

Song song với đó, TVSI tiếp tục đẩy mạnh tuyển dụng nhân sự ở một số vị trí, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự.

TIẾP TỤC XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CNTT

Trước xu hướng phát triển các dịch vụ CNTT ngày càng phổ biến, TVSI định hướng luôn củng cố năng lực hệ thống CNTT để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng thông qua các ứng dụng CNTT, ra mắt thêm các chức năng, sản phẩm dịch vụ mới, thúc đẩy quá trình tăng trưởng của TVSI năm 2019 và trong tương lai.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

TỶ LỆ TÀI KHOẢN CÓ GIAO DỊCH TĂNG TỪ

28 %

LÊN

32 %

Cung cấp dịch vụ tối ưu với thời gian nhanh chóng để nhận được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng luôn là mục tiêu hoạt động của Phòng Dịch vụ Chứng khoán tại TVSI. Phòng Dịch vụ Chứng khoán đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ Quản lý tài khoản giao dịch, Lưu ký chứng khoán, Quản lý giao dịch cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, Giải đáp và hỗ trợ khách hàng thông qua hệ thống Contact center (tổng đài điện thoại, thư điện tử…).

Các dịch vụ luôn được cung cấp cho khách hàng một cách tốt nhất và không ngừng cải tiến, hoàn thiện và nâng cao các dịch vụ hiện có đồng thời tuân thủ nghiêm túc các cam kết về chất lượng dịch vụ của TVSI và quy định của pháp luật.

Năm 2018 tiếp tục là một năm tăng trưởng mạnh mẽ trong việc cung cấp dịch vụ tới khách hàng của Phòng Dịch vụ Chứng khoán. Trong năm, Phòng Dịch vụ Chứng khoán đã thực hiện hơn 5.000 bộ lưu ký với tổng số lượng lưu ký thành công đạt hơn 60 triệu cổ phiếu. Số lượng cuộc gọi cung cấp dịch vụ qua tổng đài Contact Center cũng tăng 17,7% so với năm 2017. Đến hết năm 2018 tổng số tài khoản của khách hàng tại TVSI là 63.055 tài khoản.

Bộ phận Chăm sóc Khách hàng cũng có những đóng góp quan trọng trong mảng dịch vụ Phòng Dịch vụ Chứng khoán đang cung cấp tới khách hàng. Sau 1 năm hoạt động, Bộ phận Chăm sóc Khách hàng không chỉ là nơi tiếp nhận và đáp ứng nhanh chóng, chủ động các nhu cầu của khách hàng mà còn chủ động khai thác các nhu cầu tiềm năng, đa dạng của khách hàng. Hiệu quả được thể hiện ở lượng tài khoản mở mới tăng gấp đôi, tỷ lệ tài khoản có giao dịch cũng tăng từ 28% lên 32%. Tài sản ròng đem về trên lượng khách hàng mở mới tăng hơn 30 lần so với năm 2017. Phí giao dịch đóng góp trên nhóm khách hàng này cũng tăng 32 lần cùng với đó là sự tăng trưởng về phí margin và các phí dịch vụ khác. Bên cạnh đó là sự ổn định và tăng trưởng của nhóm khách hàng cũ cùng sự hài lòng khi đón nhận dịch vụ chăm sóc chu đáo, chuyên nghiệp của các chuyên viên dịch vụ. Sự gắn bó mật thiết hơn giữa khách hàng với TVSI được thể hiện thông qua việc gắn kết khách hàng với chuyên viên.

Năm 2019 là năm có những thay đổi lớn của TVSI cùng với đó là sự phát triển của hệ thống và sản phẩm Chứng khoán phái sinh đang triển khai. Phòng Dịch vụ Chứng khoán đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình đáp ứng nhu cầu về cung cấp nguồn lực, nghiệp vụ và thời gian phù hợp. Tuy nhiên với kế hoạch tập trung vào đào tạo, nâng cao chuyên môn của cán bộ nghiệp vụ, điều chỉnh và xây dựng hệ thống quy trình mới cho phù hợp với sự thay đổi liên tục, phòng Dịch vụ Chứng khoán cam kết song hành cùng sự thay đổi của TVSI nhằm đem lại sự lợi ích tối ưu nhất cho khách hàng, cổ đông.

MARKETING VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG HIỆU

Năm 2018, TVSI tiếp tục đồng hành cùng các sự kiện thường niên đã tạo nên dấu ấn thương hiệu của Công ty như: Lễ hội bia Oktoberfest tại TP. Hồ Chí Minh; hoạt động tuyển dụng/hội thảo cho sinh viên ĐH Kinh tế quốc dân, ĐH Kinh tế TP HCM, đồng hành cùng cuộc thi I - Invest của sinh viên ĐH Ngoại thương… đồng thời tăng cường nhận diện thương hiệu qua các hoạt động hợp tác với Ngân hàng TMCP Sài Gòn như: Sự kiện tri ân khách hàng và quảng cáo trên các đầu báo hàng đầu trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán.

Hoạt động thương hiệu của TVSI trong năm 2018 đã có nhiều bước chuyển với hàng loạt sự kiện hội thảo do các đơn vị kinh doanh của TVSI tổ chức tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh; nổi bật phải kể tới: Hội thảo "Nhận diện cơ hội đầu tư với TTCK Việt Nam" của CN Mỹ Đình, Hội thảo "Cơ hội đầu tư năm 2018 tầm nhìn cho năm 2019" của Đơn vị kinh doanh BS02, "Tọa đàm tư vấn đầu tư dành cho doanh nghiệp Nhật Bản" của khối Ngân hàng Đầu tư…vv. Những hoạt động này không chỉ quảng bá hình ảnh thương hiệu của TVSI trên địa bàn mà còn là cơ hội để TVSI gặp gỡ, trao đổi và nắm bắt tốt hơn nhu cầu của Nhà đầu tư và Đối tác.

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Trong năm 2018, TVSI đã triển khai xây dựng hệ thống và chính thức cho ra mắt sản phẩm mới Active Margin nhằm đa dạng hóa các sản phẩm giao dịch ký quỹ cho khách hàng. Active - sự linh hoạt chính là đặc tính nổi bật của sản phẩm này bởi khách hàng có thể tối ưu lãi suất dư nợ của mình về 0% thông qua việc chủ động mua bán gối đầu nhau trong các ngày giao dịch. Với lợi thế này, Active Margin sẽ là sản phẩm đòn bẩy tài chính thông minh cho các nhà đầu tư giao dịch thường xuyên giúp hoạt động đầu tư đạt hiệu quả cao nhất với lợi nhuận hấp dẫn và chi phí thấp.

Bên cạnh đó, TVSI cũng triển khai thí điểm nội bộ sản phẩm IRA (Investment Robot-Adviser) – robot tư vấn đầu tư. Đây là sản phẩm do các chuyên gia tư vấn đầu tư và công nghệ của TVSI thực hiện nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ của TVSI; chủ động nắm bắt xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0 trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Sản phẩm sẽ được chính thức ra mắt vào tháng 4/2019. Đồng thời TVSI sẽ tiếp tục phát triển các sản phẩm giao dịch ký quỹ; dịch vụ tiện ích, linh hoạt nhằm khai thác tối đa những điểm mạnh của dịch vụ tài chính TVSI.

PR VÀ DIGITAL MARKETING

Do tính chất kinh doanh trong lĩnh vực chuyên biệt với nhiều nét đặc thù, hoạt động PR của TVSI không dàn trải mà tập trung vào các kênh truyền thông chuyên ngành chủ yếu là báo chí và truyền hình. Các bài PR với chủ đề theo các sự kiện lớn của TVSI trong năm như: Kỷ niệm ngày thành lập, hoàn thành tăng vốn lên 1.080 tỷ đồng trên báo Đầu tư chứng khoán, CafeF, Thời báo tài chính. Các chuyên gia của TVSI cũng thường xuyên hợp tác trả lời phỏng vấn trên các chương trình kinh tế của Truyền hình VTV1, Quốc hội, Thông tấn xã, FNBC, VOV1 nhằm mang tới những thông tin hữu ích cho khách hàng và quảng bá thương hiệu TVSI.

Hoạt động truyền thông tiếp thị số (digital marketing) tập trung trên kênh Fanpage Facebook của TVSI tuy chưa được đầu tư nhiều nhưng luôn duy trì đều đặn, cập nhật kịp thời những tin tức của TVSI và thị trường giúp đa dạng kênh kết nối giữa TVSI và Nhà đầu tư.

MARKETING NỘI BỘ

Marketing nội bộ - hoạt động luôn được TVSI chú trọng với mục tiêu gắn kết nhân viên, duy trì và phát triển văn hóa doanh nghiệp ngày càng chuyên nghiệp, năng động. Các chương trình team building, du lịch tại TVSI được tổ chức thường niên tạo cơ hội để CBNV toàn hệ thống giao lưu và học hỏi lẫn nhau. Các hoạt động văn hóa, thể thao, sinh nhật hàng tháng, đào tạo nội bộ, các ngày lễ tết như: quốc tế phụ nữ 8/3, quốc tế thiếu nhi 1/6…vv cũng được tổ chức thường xuyên tạo nét đẹp văn hóa của đại gia đình TVSI.

Bên cạnh đó, TVSI còn có các bản tin nội bộ được thực hiện bài bản cả về nội dung và hình thức; Group Facebook nội bộ - nơi các CBNV nắm bắt/chia sẻ thông tin giữa các đơn vị, vùng miền…vv. Đây là những kênh thông tin không thể thiếu đối với đa phần CBNV TVSI giúp kết nối lãnh đạo với nhân viên và giữa các nhân viên trong Công ty.

Tiếp tục phát huy những thành công trong hoạt động marketing, năm 2019 TVSI định hướng hoạt động marketing với mục tiêu "Lan tỏa nhận thức về thương hiệu thông qua con người TVSI" thông qua các hoạt động cụ thể như:

- Nâng cao nhận thức của CBNV về sản phẩm dịch vụ, thương hiệu TVSI nhằm hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng;
- Đẩy mạnh các hoạt động thi đua nội bộ cho cá nhân, đơn vị trên toàn hệ thống, tạo nét đẹp văn hóa nội bộ TVSI;
- Tinh chỉnh nhận diện thương hiệu TVSI nhằm tái định vị thương hiệu phù hợp với chiến lược kinh doanh.

NHÂN SỰ

Với đặc điểm ngành nghề đòi hỏi sự năng động sáng tạo, độ tuổi của đa số nhân sự TVSI còn khá trẻ, với 85% CBNV dưới 40 tuổi, trong đó cán bộ quản lý, điều hành của TVSI chiếm khoảng 20% tổng số CBNV. CBNV có trình độ Thạc sĩ, Đại học trở lên đạt 90%, đa số thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ. CBNV có trình độ dưới Đại học là 10% chủ yếu thuộc bộ phận hành chính, văn phòng (Khối Hỗ trợ).

Tính đến 31/12/2018, tổng số CBNV của TVSI là 256 nhân sự, tăng 52 nhân sự so với cùng kỳ (31/12/2017 là 204 CBNV), cụ thể như sau:

Đơn vị: CBNV

Khối	Số lượng CBNV 2018	Số lượng CBNV 2017	Biến động 2017 & 2018
Ban Tổng Giám đốc	3	3	0
Nghiệp vụ và hỗ trợ	86	78	8
Kinh doanh	154	110	44
Ngân hàng Đầu tư	13	10	3
Toàn công ty	256	201	55

Năm 2018, TVSI đã lập kế hoạch cơ cấu tổ chức và nhân sự, một số cán bộ trẻ có năng lực, chuyên môn và cam kết gắn bó đã được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý như Giám đốc khối, Trưởng/Phó phòng… tạo cơ hội thăng tiến cho CBNV, tiếp tục củng cố đội ngũ tham mưu và thế hệ kế cận cho Ban lãnh đạo.

TUYỂN DỤNG

Công tác tuyển dụng nói chung và tuyển dụng Môi giới nói riêng luôn gặp những khó khăn, cạnh tranh khốc liệt tuy nhiên kết quả tuyển dụng năm 2018 của TVSI vẫn đạt kết quả kế hoạch đã đề ra. Công ty đã xây dựng các chính sách, chi phí hỗ trợ tuyển dụng, phát huy tuyển dụng từ kênh nội bộ, đặc biệt đối với công tác tuyển Môi giới. Ngoài ra, trong điều kiện tiết kiệm và hiệu quả chi phí, TVSI tích cực triển khai các chương trình tài trợ, liên kết, tuyển dụng trực tiếp với các trường đại học uy tín. Trong năm 2018, Công ty đã tiếp tục duy trì và mở rộng các chương trình này không chỉ với mục tiêu đa dạng nguồn ứng viên tuyển dụng mà còn hướng tới mục tiêu gia tăng lợi ích đối với xã hội, cộng đồng thông qua hoạt động hỗ trợ, hướng nghiệp đối với sinh viên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán.

Việc tuyển dụng được kết hợp giữa các phương thức truyền thống (các trang tuyển dụng trực tuyến phổ thông, trang thông tin điện tử) và theo xu thế mới (Fanpage, Facebook) cùng với những cải tiến về hình ảnh, cách thức truyền thông giúp uy tín, vị thế của TVSI với vai trò nhà tuyển dụng được nâng tầm, chuyên nghiệp hơn.

ĐÀO TẠO

Nhân lực và đào tạo con người là một trong những yếu tố tạo nên kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Trong năm 2018, TVSI đã chi gần 300 triệu đồng cho công tác đào tạo CBNV, phục vụ hoạt động chính của Công ty.

Toàn bộ CBNV, đặc biệt là nhân viên Môi giới mới, sau khi tuyển dụng đều được đào tạo đồng nhất với các kiến thức, chuyên môn cơ bản và đặc thù của TVSI; được kiểm tra các kiến thức chuyên môn, đảm bảo đủ tiêu chuẩn để làm việc. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng đưa CBNV tham gia các khóa đào tạo để nâng cao chuyên môn, kỹ năng làm việc.

Đối với CBNV thuộc các khối kinh doanh, Công ty đã xây dựng các chính sách, quy chế, hỗ trợ kinh phí nhằm khuyến khích CBNV tham gia các khóa đào tạo có chứng chỉ (chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ) đảm bảo tuân thủ pháp luật và chuyên môn nghiệp vụ. Với việc triển khai sản phẩm chứng khoán phái sinh, TVSI đã nhanh chóng khuyến khích đội ngũ cán bộ lãnh đạo và nhân viên tham gia đào tạo về chứng khoán phái sinh, đạt các chứng chỉ về chuyên môn, đáp ứng yêu cầu của thị trường và kế hoạch kinh doanh của Công ty trong năm 2019. Dự kiến trong năm 2019, Công ty tiếp tục triển khai các khóa đào tạo chứng khoán phái sinh và khuyến khích CBNV tham gia đầy đủ.
Với việc chủ động đào tạo các kiến thức, các chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo bài bản, chuyên sâu, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, CBNV đã tập trung để sẵn sàng nắm bắt cơ hội thị trường để phát triển Công ty và bản thân.

THU NHẬP VÀ ĐÃI NGỘ

Cải thiện và thực hiện hệ thống lương với sự kết hợp giữa lương cố định và lương chất lượng công việc đang được tiếp tục duy trì và phát triển tại TVSI. Lương cố định nhằm đảm bảo đầy đủ chế độ BHXH cho CBNV, tuân thủ Luật Bảo hiểm, đảm bảo các điều kiện sinh hoạt thiết yếu, cơ bản cho CBNV để làm việc. Lương chất lượng công việc (được xem xét và đánh giá theo hệ thống chỉ số KPI) nhằm đánh giá đúng kết quả làm việc của CBNV, luôn khuyến khích CBNV đổi mới, tìm ra cách làm việc hiệu quả để đạt được kết quả công việc cao nhất có thể.

Việc chi trả lương tháng 13, lương hiệu quả kinh doanh cuối năm căn cứ vào mức độ đóng góp của CBNV theo từng vị trí cũng như kết quả đánh giá tình hình thực hiện công việc đối với cá nhân nhằm khuyến khích tính ổn định, CBNV gắn bó lâu dài cùng Công ty, đồng thời thể hiện tính phù hợp, cạnh tranh trên thị trường lao động nói chung. Bên cạnh các chính sách thu hút nhân tài bằng lương, thưởng, TVSI cũng đã xây dựng chính sách thưởng, ưu đãi cho CBNV bằng cổ phiếu ESOP (Employee Stock Options Plan).

Các khoản trợ cấp và chế độ phúc lợi trong các dịp lễ, Tết và các ngày kỷ niệm, sinh nhật cùng với chế độ nghỉ mát hè, khám sức khỏe thường niên, bảo hiểm sức khỏe cho CBNV được duy trì hàng năm, xuất phát từ sự quan tâm chăm lo toàn diện tới người lao động của Ban lãnh đạo Công ty. Các khoản trợ cấp và phúc lợi này thể hiện sự phong phú trong chế độ đãi ngộ đối với CBNV so với quy định của Nhà nước và qua đó giúp người lao động yên tâm gắn bó lâu dài.

QUẢN TRỊ RỦI RO

NĂM 2018, DÙ KHỞI ĐẦU KHÁ THUẬN LỢI KHI VN-INDEX ĐẠT MỐC CAO KỶ LỤC 1.204,33 ĐIỂM VÀO NGÀY 09/04/2018, NHƯNG ĐÓNG CỬA NGÀY 31/12/2018 CHỈ ĐẠT 892,54 ĐIỂM, GIẢM 9,3% SO VỚI CUỐI NĂM 2017, NHƯNG GIẢM TỚI 34,93% SO VỚI MỐC CAO NHẤT, BIẾN ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG NĂM 2018 LÀM NỔI BẬT CÁC RỦI RO MÀ TVSI PHẢI ĐƯƠNG ĐẦU:

RỦI RO THỊ TRƯỜNG MANG TÍNH HỆ THỐNG

Kết hợp các rủi ro lãi suất, tỷ giá, địa chính trị đã tạo nên rủi ro thị trường mang tính hệ thống, hầu như toàn bộ các cổ phiếu đều giảm giá bất chấp thông tin vĩ mô trong nước tốt lên và kết quả hoạt động của doanh nghiệp tích cực hơn. Mặc dù rủi ro hệ thống xảy ra nhưng hoạt động đầu tư - tự doanh cổ phiếu chịu ảnh hưởng không nhiều nhờ danh mục tự doanh đã giảm tỷ trọng mạnh mẽ trong tháng 03 và 04/2018 trước khi đợt sụt giảm diễn ra. Có thể nhận thấy:

- Chiến lược đầu tư - tự doanh dựa trên cơ sở kết hợp hài hòa nguồn vốn giữa hai hoạt động bổ trợ nhau là đầu tư và cho vay margin đang có hiệu quả;
- Đảm bảo thanh khoản hoạt động và duy trì tỷ trọng nợ/tổng tài sản hợp lý là nền tảng cho các quyết định phân bổ tài sản phù hợp với diễn biến thị trường.

Rủi ro thị trường mang tính hệ thống cũng đặt ra yêu cầu:

- Bổ sung hạng mục đầu tư thu nhập cố định để giảm bớt tác động tiêu cực của khoản mục đầu tư cổ phiếu niêm yết;
- Duy trì một tỷ lệ ký quỹ hài hòa để giảm thiểu mức độ tổn thất của nhà đầu tư và rủi ro mất vốn trong hoạt động cho vay margin của TVSI.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Thị trường cổ phiếu cơ sở giảm điểm mạnh lại là lúc thị trường phái sinh hợp đồng tương lai chỉ số phát triển mạnh mẽ. Tuy vậy, TVSI chưa đủ điều kiện tham gia hoạt động phái sinh nên doanh thu hoạt động môi giới bị ảnh hưởng tiêu cực do thiếu mảng môi giới phái sinh vốn là hoạt động bổ trợ cho môi giới cổ phiếu cơ sở.

Rủi ro này sẽ được xử lý trong năm 2019, khi TVSI đã đáp ứng đầy đủ điều kiện và đang quyết liệt triển khai dự án tham gia thị trường chứng khoán phái sinh.

RỦI RO PHÁP LÝ

Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước quyết liệt xử phạt hành chính về thao túng giá, một số vụ việc có yếu tố hình sự đã được chuyển sang bên an ninh tiếp tục điều tra. Với tâm thế đề cao sự chính trực và tính minh bạch, TVSI sẵn sàng phối hợp cùng Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, cơ quan an ninh để cung cấp các thông tin theo yêu cầu liên quan đến các hoạt động mà các cơ quan nhà nước có nghi ngờ thao túng giá với mong muốn góp phần làm lành mạnh thị trường và tạo dựng niềm tin của các Nhà đầu tư chân chính.

RỦI RO TUÂN THỦ

Sự giám sát mạnh mẽ của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cũng đặt ra yêu cầu cho TVSI phải tăng mức độ tuân thủ trong toàn bộ các hoạt động và toàn bộ các cấp của Công ty. Trong năm 2019, Quản trị rủi ro và Kiểm tra nội bộ TVSI sẽ cùng phối hợp tiếp tục ban hành đồng bộ các quy chế, quy định, quy trình đồng thời kết hợp kiểm tra, giám sát để tăng tính tuân thủ trong các hoạt động kinh doanh, hoạt động nghiệp vụ của Công ty.

RỦI RO NHÂN SỰ

Sự mở rộng mạnh mẽ của TVSI cũng đặt ra yêu cầu lớn về chất lượng nhân sự. Với đặc thù ngành cần có chứng chỉ hành nghề và người hành nghề chứng khoán cần không ngừng trau dồi đạo đức nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn, thông tin thị trường, hoạt động quản trị nhân sự phải đưa yêu cầu về chứng chỉ hành nghề, đạo đức nghề nghiệp trở thành một yêu cầu bắt buộc chứ không chỉ là khuyến khích như trước đây.

5 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị 68

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát 73

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NĂM 2018 LÀ NĂM ĐẦU TIÊN CỦA NHIỆM KỲ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2018-2023 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT (TVSI). HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT) XIN BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019.

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TVSI TRONG NĂM 2018

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018 đã bầu HĐQT nhiệm kỳ mới 2018-2023 với 5 thành viên, trong đó có 2 thành viên mới. HĐQT đã tích cực hoạt động theo chức năng nhiệm vụ của mình, hỗ trợ ban điều hành thực hiện các công việc được ĐHĐCĐ giao.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2018 đạt 327,6 tỷ đồng, tăng 11,46% so với năm 2017, hoàn thành 131% kế hoạch. Kế hoạch lợi nhuận của năm hoàn thành khi đạt 60,36 tỷ đồng, vượt 19% kế hoạch, nhưng vẫn giảm 26% so với cùng kỳ.

Mảng dịch vụ cốt lõi là Môi giới và Dịch vụ tài chính tiếp tục đạt được sự tăng trưởng 32% so với năm 2017 và hoàn thành 120% kế hoạch năm. Tỷ trọng từ 02 mảng cốt lõi này giảm xuống còn 78% tổng doanh thu (so với 82% tổng doanh thu hoạt động 2017) đã cho thấy sự đa dạng hơn trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư là hoạt động ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 150% (đạt 11,58 tỷ đồng, vượt 70% kế hoạch) so với cùng kỳ khi mở thêm được các dịch vụ mới nâng tầm giá trị của Công ty.

Đầu tư tự doanh là hoạt động chịu ảnh hưởng của sự giảm giá mạnh trên thị trường trong giai đoạn giảm giá nửa cuối năm. Doanh thu hoạt động giảm 48% so với cùng kỳ.

NGUỒN VỐN

Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 1.080 tỷ đồng theo kế hoạch được ĐHĐCĐ giao cho và đạt được mục tiêu vốn điều lệ cho giai đoạn 2017-2022 Công ty đã xây dựng.

Các hoạt động huy động nguồn qua kênh trái phiếu doanh nghiệp tiếp tục thực hiện hiệu quả đảm bảo nguồn vốn cho vay đầu tư chứng khoán và các nghiệp vụ đầu tư của Công ty. Trong năm Công ty đã phát hành 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp, huy động được 277 tỷ đồng.

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của TVSI trong năm 2018 giảm so với mức đỉnh năm 2017 xuống còn 577% do tăng thêm các nghiệp vụ đầu tư nhưng vẫn vượt xa mức hạn chế quy định đối với tỷ lệ không an toàn tài chính (180%) hơn 3 lần.

QUẢN TRỊ

Các hoạt động quản trị Công ty đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật và không phát sinh các trường hợp vi phạm. Công tác quản trị nội bộ tiếp tục được thay đổi mạnh với việc phân công, phân quyền đến các cấp quản lý trong Công ty.

Quản trị rủi ro, tuân thủ: 16 quy trình, quy chế được xây dựng không chỉ giúp Công ty bảo toàn giá trị doanh nghiệp mà còn tạo công cụ làm việc hiệu quả, tối ưu hóa các nguồn lực hiện có đồng thời cân bằng mối quan hệ giữa rủi ro và lợi nhuận.

Đảm bảo các quyền lợi chính đáng (tính minh bạch, an toàn cho giao dịch) của Nhà đầu tư/Khách hàng khi thực hiện quản lý tách bạch tài khoản của Nhà đầu tư và Công ty. Chính sách đãi ngộ với người lao động được nâng cao, đặc biệt qua chính sách ESOP.

Hạ tầng công nghệ tiếp tục được nâng cấp và giữ ổn định tốc độ xử lý hệ thống đảm bảo thông suốt các dịch vụ trực tuyến cho khách hàng.

Trong năm Công ty có bị phạt vi phạm hành chính về việc cho Nhà đầu tư mua cổ phiếu khi chưa đủ tiền trong giai đoạn năm 11/2016 - 2/2017. Công ty đã chấp hành nộp phạt vào ngân sách nhà nước và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định .

2. ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (BĐH)

Thị trường chứng khoán năm 2018 có nhiều diễn biến bất ngờ khó lường khi thị trường đạt đỉnh 1.205 điểm trong 4 tháng đầu năm sau đó là nhịp giảm rất mạnh kéo dài đến cuối năm gây ra những khó khăn cho hoạt động môi giới, đầu tư chứng khoán, BĐH đã nhận định được mức độ rủi ro của thị trường và đưa ra kế hoạch kinh doanh năm trên cơ sở đánh giá thận trọng, đảm bảo an toàn.

Đối với hoạt động kinh doanh: BĐH đã hoàn thành các kế hoạch được Hội đồng Quản trị giao khi hoàn thành 111% kế hoạch doanh thu và 119% kế hoạch lợi nhuận năm 2018.

Nguồn vốn: Hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ lên 1.080 tỷ đồng vào tháng cuối năm 2018; đảm bảo các nguồn vốn cho vay Nhà đầu tư và các hoạt động khác thông qua nguồn huy động trái phiếu doanh nghiệp.

Thực hiện nghiêm túc đúng các quy trình được xây dựng và ban hành trong các năm qua. Các hoạt động cho vay không phát sinh nợ xấu.

BĐH đã thực hiện đúng thẩm quyền, có các đề xuất và thực hiện cải tổ tích cực cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý, điều hành, tham mưu HĐQT trong việc cơ cấu tổ chức nhân sự bộ máy Công ty triển khai từ đầu 2019.

Các hợp đồng kinh tế được soát xét chặt chẽ, việc ký kết tuân thủ pháp luật và đúng thẩm quyền được quy định đối với từng thành viên của BĐH.

Đầu tư, chi phí hoạt động cho công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng tiếp tục được ưu tiên và thực hiện hiệu quả.

3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018 CỦA NHIỆM KỲ 2018 - 2023

Hội đồng Quản trị TVSI trong năm 2018 đã hoạt động rất tích cực trong việc định hướng hoạt động cho BĐH, hỗ trợ thực hiện chính sách mà HĐQT ban hành. Trong năm, HĐQT thực hiện 21 cuộc họp và lấy ý kiến thành viên, ban hành các Nghị quyết thông qua nhiều chủ trương quan trọng đối với hoạt động của Công ty như sau:

- Thông qua cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty đáp ứng nhu cầu đổi mới, chuyên môn hóa và mở rộng quy mô.
- Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong năm 2018.
- Nhân sự HĐQT: Giới thiệu nhân sự trình ĐHĐCĐ thường niên bầu HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023, thực hiện bầu Chủ tịch, phân công phân nhiệm thành viên trong HĐQT.

- Hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 1.080 tỷ đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017 giao cho.
- Xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh, đầu tư trong ngắn, trung và dài hạn phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.
- Ban hành chính sách rủi ro, phối hợp BKS, BĐH và Bộ phận Quản trị rủi ro rà soát xây dựng, ban hành quy trình quy chế, giám sát thực hiện.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập phù hợp với hoạt động của Công ty.
- Quyết định các hồ sơ kinh doanh, đầu tư vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc.
- Giám sát BĐH trong việc thực hiện các Nghị quyết đã ban hành của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh đạt các chỉ tiêu kế hoạch.

4. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ NHIỆM KỲ 2018-2023

TVSI hiện nay đã được củng cố, tăng cường về năng lực tài chính, vì vậy Công ty cũng xác định hướng đi cần có sự đầu tư dài hạn để phát triển bền vững. Năm 2019, HĐQT xác định các mục tiêu trọng tâm, giải pháp thực hiện, như sau:

MỤC TIÊU TRỌNG TÂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TVSI 2019

- Đa dạng hóa nghiệp vụ kinh doanh, tạo động lực và cơ sở phát triển bền vững;
- Khai thác hiệu quả nguồn vốn, nguồn nhân lực để thúc đẩy và tối ưu hoạt động kinh doanh;
- Tiếp tục chiến lược tuyển dụng, đào tạo, mở rộng hệ thống mạng lưới, nâng cao vị thế thương hiệu;
- Đảm bảo an toàn về nguồn vốn, pháp lý trong hoạt động kinh doanh.

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU TRONG 2019

Sản phẩm Dịch vụ tài chính:

- Tiếp tục duy trì lợi thế cạnh tranh đặc tính linh hoạt của sản phẩm;
- Triển khai kinh doanh sản phẩm mới Chứng khoán Phái sinh;
- Cải tiến sản phẩm Daily trading.

Thúc đẩy phát triển Môi giới:

- Tuyển dụng nhân sự mới - đào tạo nâng cao kỹ năng của nhân sự cũ;
- Khai thác mảng khách hàng tổ chức, quỹ và khách hàng nước ngoài;
- Thực hiện điều chỉnh các chính sách thu nhập cạnh tranh thu hút nhân sự, các chương trình thi đua thúc đẩy doanh thu, tạo sự cân bằng trong hoạt động kinh doanh Môi giới.

Đầu tư nguồn lực phát triển dịch vụ Ngân hàng Đầu tư:

- Tập trung phát triển dịch vụ M&A.

Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ:

- Hệ thống máy chủ, thiết bị mạng và giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý của hệ thống.

Tăng cường hiệu quả cho hoạt động Marketing - Truyền thông:

- Đầu tư các mảng truyền thông nội bộ nâng cao nhận thức về sản phẩm, thương hiệu của TVSI; tổ chức các hội thảo tư vấn khách hàng qua đó ghi dấu ấn tốt về thương hiệu TVSI.

Củng cố hệ thống quản trị rủi ro của Công ty:

- Rủi ro thanh khoản, Rủi ro thanh toán, Rủi ro vận hành hệ thống CNTT, Rủi ro vận hành hệ thống giao dịch.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

BKS BÁO CÁO ĐHĐCĐ ĐỂ XEM XÉT THÔNG QUA NỘI DUNG NÀY CÙNG VỚI VIỆC XEM XÉT BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BKS CHO THỜI GIAN CÒN LẠI CỦA NHIỆM KỲ (TỪ 2019 ĐẾN 2023) THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU LỆ CÔNG TY, PHÙ HỢP VỚI LUẬT DOANH NGHIỆP, BÀ PHẠM MAI CHI XIN TỪ NHIỆM VÌ LÝ DO CÁ NHÂN.

CÔNG VIỆC BKS THỰC HIỆN

Bầu Trưởng BKS nhiệm kỳ 2018-2023.

Xây dựng kế hoạch kiểm soát, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong BKS.

Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, trong công tác thống kê và lập báo cáo tài chính, cụ thể:

- BKS đã được cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành (BĐH) Công ty; trao đổi thường xuyên với HĐQT và BĐH về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua năm 2018. Trên cơ sở đó, BKS đánh giá công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và BĐH đã tuân thủ đầy đủ quy định pháp lý liên quan tới kinh doanh nói chung và kinh doanh chứng khoán nói riêng cũng như phù hợp với các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và bất thường 2018.

- HĐQT đã chủ động trong việc giám sát và điều hành kịp thời chiến lược kinh doanh, các quyết sách cụ thể trong hoạt động của Công ty, BĐH đã bám sát các quyết sách này để triển khai thành các công việc cụ thể. BKS không phát hiện có hiện tượng vi phạm trong quá trình hoạt động kinh doanh trong kỳ. HĐQT và BĐH cùng với sự trợ giúp của toàn thể cán bộ quản lý các cấp đã có nỗ lực đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2018, thể hiện bằng các số liệu tích cực trên báo cáo tài chính năm 2018: Doanh thu năm 2018 đạt 327,60 tỷ đồng, tăng 11,46% so với năm 2017 và hoàn thành 131% kế hoạch; Lợi nhuận kế toán hoàn thành 119% kế hoạch...

Một số chủ trương quan trọng đối với hoạt động của Công ty đã được HĐQT thông qua và/hoặc được triển khai đúng quy định trong kỳ bao gồm: Phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 1.080 tỷ đồng, Bổ nhiệm/thông qua bổ nhiệm thành viên Ban Điều hành (Phó Tổng Giám đốc); Thành lập Chi nhánh Mễ Trì, Ngọc Khánh

và bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh; Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh HCM; Chuyển địa điểm Chi nhánh Vĩnh Long; Đóng cửa PGD Cộng Hòa; Triển khai thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh và hoạt động cung cấp bù trừ thanh toán chứng khoán phái sinh; Phát hành trái phiếu TVSI 2018; Thay đổi cơ cấu tổ chức TVSI; Ban hành Chính sách rủi ro, ban hành Quy chế ESOP v2.0.

- Việc tổ chức công tác kế toán thống kê đã tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng và hợp lý và báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành. BĐH đã chỉ đạo Phòng Tài chính Kế toán tuân thủ quy định về chế độ kế toán và báo cáo tài chính dành cho công ty chứng khoán theo quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư 334/2016/TT-BTC sửa đổi TT 210/2014/TT-BTC ngày 27/12/2016 do BTC ban hành.

- HĐQT và BĐH đã chỉ đạo và đảm bảo thực hiện để các báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được kiểm toán/soát xét bởi công ty kiểm toán độc lập (VACO) theo đúng quy định hiện hành. BKS chưa phát hiện có hiện tượng vi phạm trong công tác tài chính, kế toán thống kê trong kỳ. *Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng cả năm của Công ty 2018 duy trì ở mức cao trong cả năm, đặc biệt là tại thời điểm cuối năm (sau khi hoàn thành việc tăng vốn điều lệ).*

- HĐQT và BĐH liên tục đôn đốc và đẩy mạnh việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức Công ty, đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành, bao gồm:

  (i) Tháng 12/2018, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 85/2018/NQ-HĐQT ngày 26/12/2018 về việc thay đổi cơ cấu tổ chức nhằm đảm bảo sự phù hợp giữa các khối kinh doanh, sự phân cấp rõ ràng, hợp lý, chặt chẽ trong công tác quản trị, điều hành Công ty.

  (ii) Bổ nhiệm mới/thay thế nhân sự đối với các vị trí chủ chốt: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh HCM và các Chi nhánh mới thành lập, các Trưởng/Phó phòng nghiệp vụ.

Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản trị của HĐQT với ĐHĐCĐ. BKS đánh giá các báo cáo đã đảm bảo tính tuân thủ cao đối với các quy định hiện hành về nội dung và thời gian lập báo cáo và thống nhất với các số liệu trong báo cáo tài chính năm 2018 (đã kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán VACO).

Giám sát thành viên HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý: BKS không phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty nào của các thành viên HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý cấp cao.

Tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT và BĐH nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro trong quản lý các nghiệp vụ kinh doanh.

Các cuộc họp BKS trong kỳ: BKS đã tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên.

Thời gian	Nội dung	Kết quả
Tháng 4/2018	Bầu Trưởng Ban Kiểm soát	Thống nhất theo BB họp (các vị trí như trong danh sách tại báo cáo)
Tháng 4/2018	Phân công nhiệm vụ, Thù lao BKS nhiệm kỳ 2018-2023	Thống nhất theo BB họp.
Tháng 7/2018	Thông qua Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính 06 tháng đầu năm 2018 (đã được soát xét)	Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính 06 tháng đầu năm 2018 (đã được soát xét).
Tháng 1/2019	Xem xét sơ bộ tình hình số liệu tài chính và việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2018 theo NQ ĐHĐCĐ.	BĐH đã có báo cáo chi tiết về tình hình thực hiện từng chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2018, số liệu tài chính rõ ràng, minh bạch.

Thù lao BKS: 96.000.000 đồng (Trưởng BKS: 4.000.000 đồng/tháng. Thành viên BKS: 2.000.000 đồng/tháng)

NỘI DUNG ĐÁNG LƯU Ý KHÁC

Tháng 01/2019, HĐQT đã thông qua việc bổ nhiệm 02 vị trí Phó Tổng Giám đốc đối với Bà Bùi Thị Thanh Hiền và Ông Tạ Minh Phương để bổ sung vào BĐH.

Xuyên suốt 2018, HĐQT và BĐH tiếp tục triển khai việc hoàn thiện các quy chế, quy trình, quy định nghiệp vụ.... thông qua việc sửa đổi/cập nhật các văn bản hiện có và ban hành một số văn bản mới để các quy định, đảm bảo quy định phù hợp và cập nhật so với pháp luật và thực tế vận hành:

- Sửa đổi Quy định liên quan tới quản trị, điều hành Công ty: Thay đổi cơ cấu tổ chức (tháng 12/2018) và Quyết định phân công nhiệm vụ trong Ban TGĐ (tháng 2/2019);

- Các quy định liên quan tới thu nhập, chế độ khác: Quy chế phát hành cổ phiếu thưởng - ESOP v2.0 (tháng 2/2019); Nội dung này tiếp tục được lập kế hoạch chi tiết đầu năm 2019 và xúc tiến triển khai để không ngừng hoàn thiện, nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị điều hành Công ty và quản trị các loại rủi ro liên quan.

Tháng 5/2018, Công ty bị UBCK xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán do đã cho Nhà đầu tư giao dịch ký quỹ đối với cổ phiếu có thời gian niêm yết chưa đủ 06 tháng tính từ ngày giao dịch đầu tiên.

Trong kỳ, không phát sinh vụ khiếu nại, khiếu kiện lớn nào đòi hỏi Công ty phải thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan.

6 TRIỂN VỌNG CƠ HỘI KINH DOANH 2019

Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2018 78

Dự báo sơ lược về vĩ mô và thị trường năm 2019 82

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2018

BIỂU ĐỒ 11: GDP VÀ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA VIỆT NAM

Tỷ USD - %

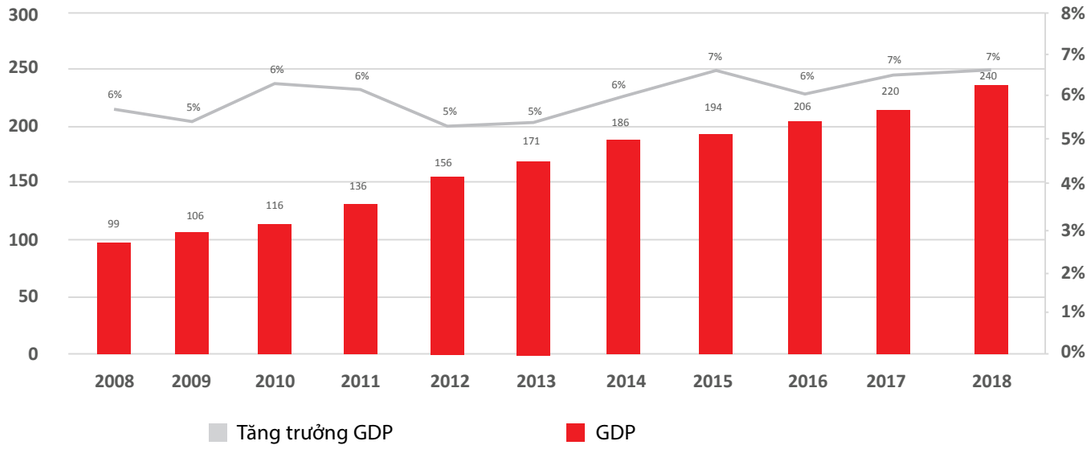

BIỂU ĐỒ 12: CÁC THỊ TRƯỜNG XUẤT NHẬP KHẨU LỚN NHẤT CỦA VIỆT NAM 2018

Tỷ USD

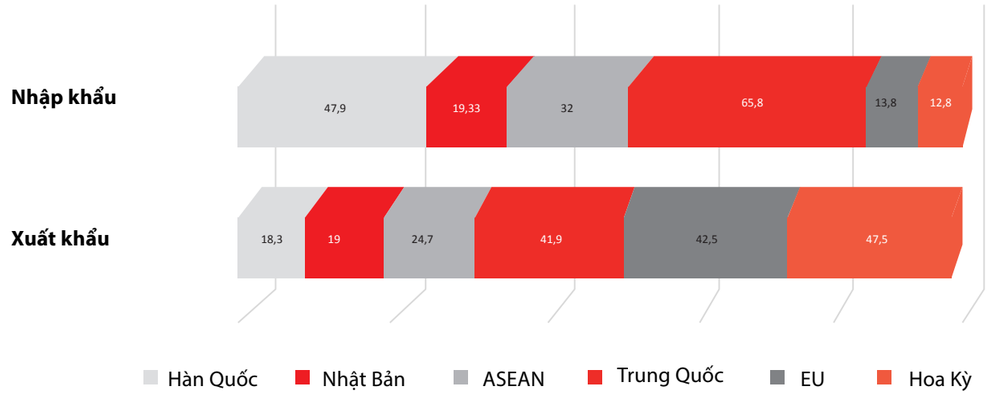

1. NỀN KINH TẾ

Tổng quan

Nền kinh tế Việt Nam năm 2018 tiếp tục in đậm nhiều dấu ấn tích cực, trong đó nổi bật nhất là việc GDP tăng trưởng 7,08% - đạt mức tăng cao nhất trong 11 năm qua. Trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp năm 2018 tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá là 8,79%, đóng góp 2,85 điểm phần trăm vào tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Đặc biệt, kết quả này đã cho thấy nền kinh tế Việt Nam đang dần thoát khỏi sự phụ thuộc vào khai thác khoáng sản và tài nguyên, nhất là khi năm 2018 đã là năm thứ ba liên tiếp ngành công nghiệp khai khoáng tăng trưởng âm (giảm 3,11%).

Không chỉ vậy, năm 2018 cũng được coi là một năm thành công trong việc kiểm soát lạm phát khi con số này chỉ tăng ở mức 3,54% so với năm 2017. Mục tiêu giữ CPI bình quân dưới 4% của Chính phủ đã hoàn thành trong bối cảnh điều chỉnh được gần hết giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý đặt ra. Về cơ bản, yếu tố chính khiến lạm phát tăng là giá dịch vụ y tế tăng theo lộ trình khiến giá các mặt hàng dịch vụ y tế tăng 13,86%. Còn động lực chính góp phần kiềm chế chỉ số CPI đó là việc giá dịch vụ y tế điều chỉnh giảm theo Thông tư số 15/2018/TT/BYT ngày 30/5/2018 của Bộ Y tế.

Xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam thiết lập mức kỷ lục mới 482 tỷ USD

Tính chung cả năm 2018, kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu của cả nước đạt 482 tỷ USD - mức cao nhất từ trước tới nay. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu ở mức 7,2 tỷ USD, cao hơn rất nhiều mức xuất siêu 2,1 tỷ USD của năm 2017 và cũng được ghi nhận là kỷ lục giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay của nước ta. Về xuất khẩu, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đạt khoảng 244,7 tỷ USD, tăng trưởng 13,8% so với năm 2017, trong đó có tới 5 mặt hàng xuất khẩu đạt trên 10 tỷ USD gồm điện thoại và linh kiện, dệt may, điện tử máy tính và linh kiện, dụng cụ phụ tùng và giày dép. Còn kim ngạch hàng hoá nhập khẩu năm 2018 đạt 237,5 tỷ USD, tăng 11,5% so với năm 2017.

2. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Đánh giá chung

Thị trường Chứng khoán Việt Nam đã trải qua một năm 2018 đầy biến động đi ngược lại với hầu hết mọi dự đoán ban đầu của các chuyên gia kinh tế. Với khởi đầu đầy thuận lợi, chỉ số VN-Index đã dễ dàng chinh phục cột mốc 1.000 điểm ngay trong quý 1 và thậm chí tạo đỉnh lịch sử 1.200 điểm ngay sau đó. Tuy nhiên, rủi ro đầy bất ngờ từ sự kiện kinh tế chính trị toàn cầu là cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, cùng xu hướng siết chặt dòng tiền, tăng lãi suất của FED đã tác động rất lớn tới thị trường Việt Nam từ quý 2 cho tới cuối năm. Chốt phiên giao dịch cuối cùng của năm 2018, VN-Index đã lui về ngưỡng 892 điểm, giảm 93 điểm so với mức mở cửa phiên giao dịch của đầu năm, tức sụt giảm gần 10%. Nếu so với mức đỉnh từng xác lập trong năm hơn 1.200 điểm vào đầu tháng 4, chỉ số đại diện cho HOSE này đã giảm tới hơn 25%. Như vậy, năm 2018 cũng ghi dấu là năm biến động mạnh nhất kể từ khủng hoảng cách đây hơn 10 năm và chấm dứt đà tăng của VN-Index kéo dài liên tục từ năm 2016.

Quy mô thị trường

Tuy các chỉ số đều tăng trưởng âm nhưng vốn hóa thị trường cổ phiếu Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng trên 2 con số. Tổng vốn hóa thị trường trong năm 2018 đạt hơn 3,96 triệu tỷ đồng, tăng 12,7% so với thời điểm cuối năm 2017, trong đó vốn hóa tại sàn HOSE vẫn là lớn nhất với 2,87 triệu tỷ đồng, tăng 10%. Như vậy tính đến 31/12/2018, giá trị vốn hóa của thị trường cổ phiếu đã đạt khoảng 75% GDP, tăng đáng kể so với mức 70,2% GDP cuối năm ngoái. Hàng loạt các cổ phiếu lớn lên sàn đã khiến vốn hóa tiếp tục tăng mạnh bất chấp thị trường có một năm đi xuống về mặt điểm số. Bên cạnh đó các yếu tố vĩ mô trong nước ổn định, nền kinh tế tăng trưởng cao và lợi nhuận các doanh nghiệp niêm yết tăng trưởng cũng giữ vai trò hỗ trợ quan trọng.

BIỂU ĐỒ 13: 10 CỔ PHIẾU CÓ VỐN HÓA LỚN NHẤT SÀN HOSE

Tỷ VND

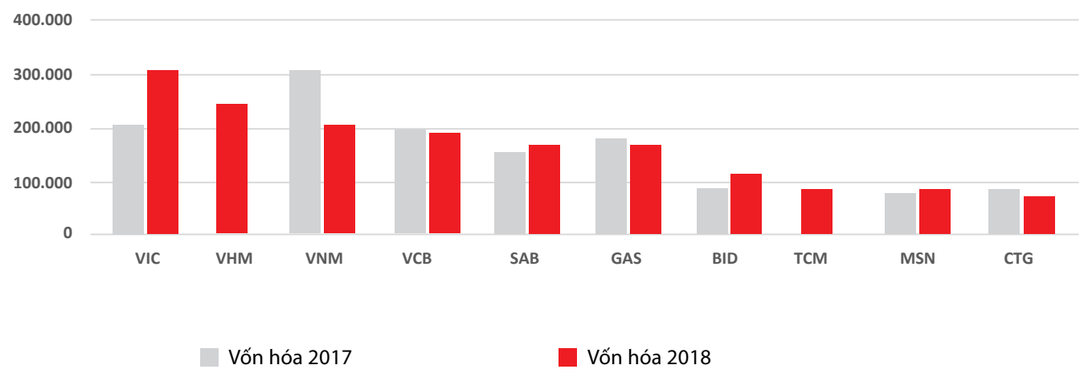

Giao dịch khối ngoại

Dù bán ròng mạnh trong tháng 7,8 nhưng tính chung cả năm 2018, Nhà đầu tư nước ngoài vẫn mua ròng tới gần 41,783 tỷ đồng, tương ứng 41.782,8 tỷ đồng, tức giảm 27,24% về khối lượng nhưng tăng 61,38% về giá trị so với năm ngoái. Tổng cộng trên cả ba sàn HOSE, HNX và UPCOM, khối ngoại đã mua vào 5.448,85 triệu cổ phiếu, tương ứng tổng giá trị 279.347,86 tỷ đồng và bán ra 5.154,46 triệu cổ phiếu, tương ứng tổng giá trị hơn 237,565 tỷ đồng. Các mã được Nhà đầu tư nước ngoài mua bán nhiều nhất là các bluechip và điều này hợp với xu hướng là dòng vốn ngoại vẫn thường tập trung vào các cổ phiếu có vốn hóa lớn trong những năm nền kinh tế có nhiều biến động.

BIỂU ĐỒ 14: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CỦA KHỐI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI 2018

Tỷ VND

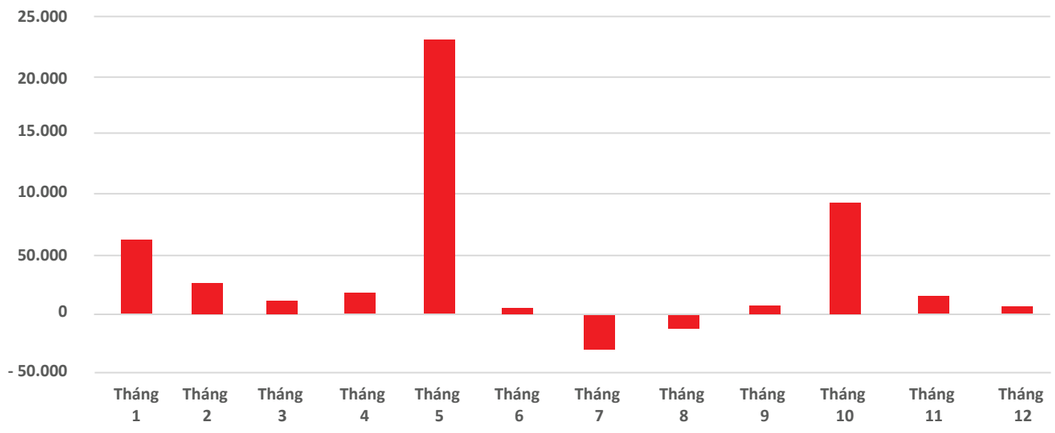

Thanh khoản

Nhờ sự bùng nổ của thị trường chứng khoán giai đoạn đầu năm cũng như hàng loạt thương vụ niêm yết đình đám của một số "ông lớn" trong năm nên thanh khoản thị trường đã được cải thiện đáng kể so với năm 2017. Tổng khối lượng giao dịch trên thị trường đạt hơn 67 tỷ cổ phiếu, tương ứng giá trị giao dịch đạt 1,63 triệu tỷ đồng. Trong đó, giá trị giao dịch khớp lệnh tăng 25,2% và đạt 1,3 triệu tỷ đồng còn phương thức thỏa thuận tăng gần 47% và đạt 328,600 tỷ đồng. Nếu xét theo trung bình phiên, giá trị giao dịch cổ phiếu bình quân đạt 6.500 tỷ đồng/phiên, tăng 29% so với năm 2017. Sàn HOSE vẫn thu hút được dòng tiền lớn nhất với khối lượng giao dịch đạt hơn 49,2 tỷ cổ phiếu, trị giá 1,34 triệu tỷ đồng, tăng 28,5% so với năm 2017.

Định giá thị trường năm qua

Hiện nay mức P/E của VN-Index đang là 15,5x. Với diễn biến triển vọng tăng trưởng của các doanh nghiệp Việt Nam năm 2018 đang chậm lại, mức P/E này hiện cũng không còn là rẻ nữa. Tuy nhiên dựa trên số liệu của lịch sử, Bloomberg cho biết nhiều chuyên gia phân tích vẫn lạc quan về chứng khoán Việt Nam do tốc độ tăng trưởng GDP của nước ta luôn đạt hơn 5%/năm kể từ năm 2000, trong khi đó P/E của VN-Index đầu năm 2019 đang ở mức 15, tức vẫn thấp hơn đáng kể so với mức hơn 20 của tháng 4/2018. Còn về thực tế, năm 2018 thị trường chứng khoán Việt Nam giảm ít hơn một số thị trường lân cận, đặc biệt nhà đầu tư nước ngoài vẫn mua ròng hơn 1,7 tỷ USD, trái ngược với xu hướng rút ròng tại nhiều thị trường mới nổi khác.

BIỂU ĐỒ 15: P/E MỘT SỐ CÁC QUỐC GIA TRONG KHU VỰC CUỐI 2018

Lần

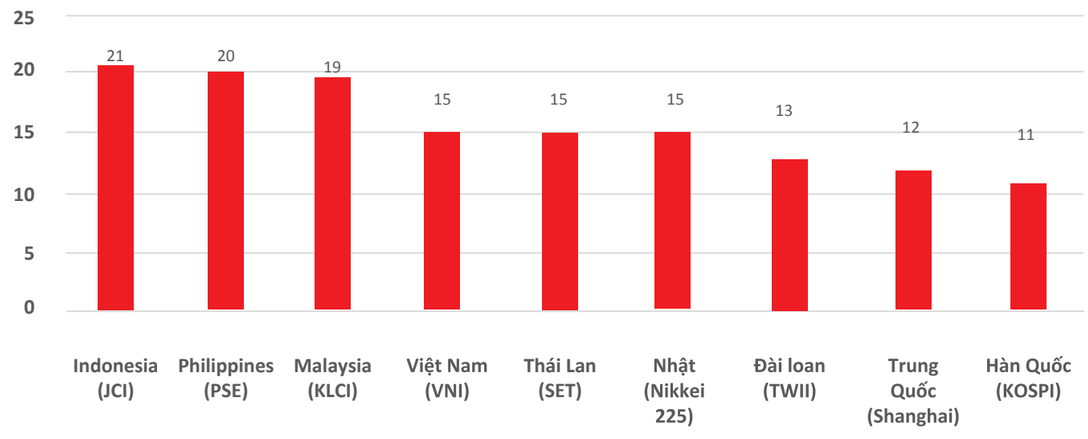

TRIỂN VỌNG VỀ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG NĂM 2019

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Mặc dù tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều biến động trong năm 2019 do các bất ổn từ chiến tranh thương mại và sự chấm dứt của kỷ nguyên nới lỏng tiền tệ, Việt Nam vẫn có nhiều tiềm năng tăng trưởng nhờ cơ cấu dân số vàng, chi phí sản xuất thấp và cam kết cải cách mạnh mẽ của Chính phủ. Thành tích tăng trưởng kinh tế ấn tượng của Việt Nam thời gian qua đang được duy trì song hành với sự ổn định chính trị, đầu tư FDI vào khu vực tư nhân đang chuyển biến tích cực và quá trình chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang các ngành có năng suất lao động cao hơn đang diễn ra. Dự kiến trong năm nay, GDP sẽ tăng khoảng 6,6-6,8%; tốc độ tăng CPI bình quân khoảng 4%; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 7-8%; tỷ lệ nhập siêu so tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm khoảng 33-34% GDP.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2019

Trong kịch bản thuận lợi, TVSI cho rằng VN-Index tiếp tục biến động trong khoảng 800 - 1.100 điểm, dựa trên các cơ sở chính như sau: (1) Động thái tăng lãi suất của FED nhiều khả năng sẽ vẫn tiếp tục trong năm 2019; (2) Mỹ và Trung Quốc sẽ cần thời gian đàm phán dài hơn để đạt được một thỏa thuận thương mại toàn diện ngay trong năm tới; (3) Kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng đi cùng với việc kiểm soát tốt lạm phát và tỷ giá dù chịu nhiều áp lực hơn. Mức dao động này của VN-Index cũng tương đương chỉ số P/E chung đạt 15x - 17x. So với chỉ số P/E của một số thị trường khác, chỉ số P/E của Việt Nam có xu hướng cao hơn, thể hiện kỳ vọng lợi nhuận cao hơn từ các Nhà đầu tư.

7 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chiến lược phát triển bền vững 86

Hoạt động phát triển bền vững 88

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với tầm nhìn trở thành định chế tài chính trung gian hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán, TVSI xác định mục tiêu của Công ty chính là đem đến hiệu quả đầu tư tối ưu cho khách hàng; đảm bảo lợi ích tốt nhất cho Cổ đông, Đối tác; tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp cho người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

TVSI luôn nhận thức, một doanh nghiệp không thể tồn tại nếu chỉ hướng đến các mục tiêu ngắn hạn mà không đảm bảo sự cân bằng về lợi ích giữa các yếu tố công ty, thị trường và xã hội. Bởi vậy, chiến lược phát triển bền vững của TVSI là thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn nhằm gia tăng giá trị công ty, song hành cùng sự phát triển vững chắc của Thị trường Tài chính Việt Nam và đóng góp hiệu quả vào các mục tiêu xã hội.

2. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TVSI

Tác động tích cực đến công ty

- Tăng trưởng ổn định
- Mang lại nhiều lợi ích giá trị và đãi ngộ tốt cho nhân viên
- Bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực
- Quản trị rủi ro và giám sát tuân thủ
- Minh bạch thông tin

Tác động tích cực đến thị trường

- Tối ưu hóa giá trị doanh nghiệp cho cổ đông, phục vụ khách hàng và nhà đầu tư
- Góp phần phát triển thị trường chứng khoán
- Tăng cường năng lực huy động vốn và các kênh phân phối
- Thúc đẩy phát triển kinh tế

Tác động tích cực đến xã hội

- Hoàn thành trách nhiệm tài chính với các cơ quan chức năng
- Góp phần phát triển cộng đồng
- Bảo vệ môi trường

3. MỤC TIÊU CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG TẠI TVSI

Năm 2018, TVSI đã tích cực đầu tư cho các hoạt động phát triển bền vững đóng góp đáng kể cho thị trường chứng khoán và nền kinh tế trên các phương diện sau:

- Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động;
- Đóng góp vào phát triển của ngành tài chính chứng khoán thông qua các hoạt động xây dựng thị trường, tham gia phát triển sản phẩm mới;
- Nâng cao chất lượng Nhà đầu tư thông qua đào tạo kiến thức đầu tư;
- Huy động vốn cho nền kinh tế Việt Nam;
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp và minh bạch trong kinh doanh, bảo vệ quyền lợi của cổ đông;
- Hỗ trợ cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống.

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC ĐẾN NỘI BỘ TVSI

KINH DOANH HIỆU QUẢ, TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

TVSI hiểu rằng chiến lược phát triển bền vững trong dài hạn chỉ có thể hiện thực hóa nếu Công ty có một nền tảng tài chính vững chắc và sự tăng trưởng ổn định về mặt kinh tế. Do đó trong hơn 12 năm hoạt động, TVSI luôn nỗ lực đạt kết quả kinh doanh tích cực, hoàn thành kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua. Tính trong 4 năm trở lại đây, doanh thu và lợi nhuận của TVSI đều đạt ở mức cao và tăng trưởng kép.

Cụ thể, lũy kế trong giai đoạn 2014 - 2018, tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm của TVSI đạt 21%, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận đạt 22%. Doanh thu năm 2018 tăng 2,17 lần, lợi nhuận sau thuế tăng 2,23 lần so với năm 2014. Kết quả hoạt động kinh doanh tăng trưởng tốt giúp TVSI xây dựng các chính sách đãi ngộ cho cán bộ nhân viên với các mức lượng cạnh tranh và nhiều phúc lợi khác.

ĐẢM BẢO VIỆC LÀM, THU NHẬP ỔN ĐỊNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Việc xây dựng và triển khai chính sách chi trả lương theo vị trí, con người và hiệu quả công việc được TVSI đặc biệt chú trọng. Phương pháp chi trả lương này giúp TVSI:

- Trả lương phù hợp với sự đóng góp của từng vị trí đối với doanh nghiệp, tạo tính cạnh tranh so với thị trường của cùng một tập hợp các chức năng;
- Thu hút và giữ chân nhân viên giỏi nhờ tạo động lực thông qua thực thi sự công bằng khi trả lương tương xứng với năng lực;
- Khuyến khích nâng cao hiệu quả công việc do trả lương tương xứng với đóng góp của nhân viên vào kết quả chung của doanh nghiệp.

Với chính sách lương thưởng công bằng và cạnh tranh, TVSI đảm bảo lợi ích cho người lao động về thu nhập, phụ cấp hoàn thành công việc và các khoản phúc lợi khác, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm làm việc gắn bó với Công ty, góp phần phát triển bền vững doanh nghiệp.

PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ, THU HÚT NHÂN TÀI

Tính đến ngày 31/12/2018, tổng số nhân sự TVSI là 256 nhân sự. Trong đó, nhân sự có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỷ lệ trên 90% giúp TVSI tiếp tục duy trì tiêu chuẩn của mình nhằm cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ tài chính chất lượng cao.

Về độ tuổi, lực lượng lao động của công ty ngày càng trẻ hóa, được đào tạo bài bản và sẵn sàng cọ xát với thực tế để tích lũy thêm kinh nghiệm, 85% CBNV TVSI có độ tuổi dưới 40, trong đó cán bộ quản lý, điều hành của TVSI chiếm khoảng 20% tổng số CBNV. Đội ngũ TVSI liên tục cập nhật các kiến thức mới tạo nền tảng vững chắc giúp TVSI không ngừng gia tăng giá trị cho khách hàng.

Với định hướng "kết nối nhân tài", cơ hội nghề nghiệp tại TVSI được đảm bảo công bằng cho mọi đối tượng, từ sinh viên mới ra trường tới những người đã có nhiều kinh nghiệm trong thị trường tài chính. TVSI sẵn sàng đào tạo, tạo điều kiện thử sức và khuyến khích sự nỗ lực của mỗi cá nhân. Năm 2018, TVSI đã đón chào 52 thành viên mới trên toàn hệ thống nhằm tăng cường đội ngũ nhân sự đáp ứng chiến lược phát triển của Công ty với sự phân bổ tương đối hợp lý giữa các độ tuổi cũng như giới tính của ứng viên.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NHÂN SỰ

TVSI chú trọng việc nâng cao chất lượng nhân sự thông qua các chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực làm việc và các kỹ năng cần thiết giúp xây dựng nền móng cho sự phát triển trong tương lai của TVSI.

Năm 2018, TVSI đã chi gần 300 triệu đồng phục vụ cho công tác đào tạo. Toàn bộ CBNV sau khi tuyển dụng đều được đào tạo đồng nhất với các kiến thức, chuyên môn cơ bản và đặc thù của TVSI, được kiểm tra các kiến thức chuyên môn, đảm bảo đủ tiêu chuẩn làm việc. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng tạo điều kiện cho CBNV tham gia đào tạo, nâng cao một số kỹ năng qua các khóa đào tạo chuyên ngành.

Đối với CBNV thuộc các khối kinh doanh, Công ty đã xây dựng các chính sách, quy chế, hỗ trợ kinh phí nhằm khuyến khích CBNV tham gia các khóa đào tạo có chứng chỉ đảm bảo tuân thủ pháp luật và chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, với việc triển khai thị trường chứng khoán phái sinh, Ban lãnh đạo TVSI đã nhanh chóng chỉ đạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo và nhân viên tham gia đào tạo về chứng khoán phái sinh, đạt các chứng chỉ về chứng khoán phái sinh, đáp ứng thị trường kịp thời và kế hoạch kinh doanh của Công ty trong năm 2019. Dự kiến trong năm 2019, TVSI tiếp tục triển khai các khóa đào tạo chứng khoán phái sinh và khuyến khích CBNV tham gia đầy đủ.

2. TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TỚI THỊ TRƯỜNG

BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỔ ĐÔNG

Tại TVSI, việc thực hiện các chính sách bảo vệ quyền lợi Cổ đông cũng như đảm bảo sự bình đẳng giữa các Cổ đông luôn được chú trọng hàng đầu.

Những quyền cơ bản của Cổ đông như quyền được chi trả cổ tức, quyền tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, quyền tham gia vào những quyết định liên quan đến sự thay đổi cơ bản của công ty... được quy định rõ trong Điều lệ công ty và thực hiện tốt trong nhiều năm trở lại đây. Việc đối xử bình đẳng với các Cổ đông không có ưu đãi cho một đối tượng nào cũng được đảm bảo, các quyết định do ĐHĐCĐ đưa ra đều dựa vào kết quả biểu quyết thực hiện theo số lượng cổ phiếu sở hữu.

Trong những năm qua, TVSI đã nỗ lực đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin như: Website công ty, hệ thống email, các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị, báo cáo thường niên… tạo điều kiện cho Cổ đông/Nhà đầu tư tiếp nhận thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời, tránh ảnh hưởng tiêu cực tới các quyết định đầu tư. Hơn nữa, việc công bố thông tin song song bằng cả hai ngôn ngữ Anh – Việt đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp giữa các Cổ đông/Nhà đầu tư trong và ngoài nước.

TVSI duy trì chính sách chi trả cổ tức ổn định hàng năm theo hướng cân bằng về lợi ích, đáp ứng một phần nhu cầu sinh lợi từ nguồn vốn đầu tư của Cổ đông và duy trì nguồn vốn tích lũy cho sự phát triển của Công ty về lâu dài.

QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ ĐẦU TƯ AN TOÀN VÀ MINH BẠCH

Mặc dù sự cạnh tranh của các công ty chứng khoán khá gay gắt trong thời gian vừa qua, TVSI vẫn luôn kiên định với nguyên tắc tôn trọng khách hàng, tuân thủ pháp luật, để không chỉ kinh doanh có lãi mà còn bảo vệ được nhà đầu tư không bị thất thoát tài sản, xây dựng thị trường chứng khoán minh bạch. Trong các năm qua, TVSI đã quản lý tài sản cho nhà đầu tư trong nước và quốc tế hiệu quả, góp phần giữ trọn niềm tin của các nhà đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam, xây dựng một nền kinh tế ổn định. Tính đến cuối năm nay, TVSI đang quản lý hơn 63.000 tài khoản của khách hàng một cách an toàn và bảo mật.

Đối với mảng quản lý tài sản, TVSI đã và đang nỗ lực không ngừng trong việc huy động từ các khách hàng mới cũng như quản lý hiệu quả tài sản của các khách hàng hiện tại.

TVSI không ngừng nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng quản lý tài sản do khách hàng ủy thác. Quy trình đầu tư, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ được vận hành bài bản và chuyên nghiệp, không chỉ tuân thủ quy định của pháp luật mà còn đảm bảo giảm thiểu tối đa xung đột lợi ích, ảnh hưởng tới quyền lợi Nhà đầu tư. Với phương châm phát triển bền vững, TVSI luôn hướng tới mục tiêu xây dựng niềm tin, sự minh bạch và tăng trưởng giá trị tài sản lâu dài cho Nhà đầu tư.

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Là một trong những công ty chứng khoán tích cực tại Việt Nam, TVSI nhận thức được vai trò then chốt của mình trong sự phát triển của thị trường chứng khoán.

Không chỉ dừng ở việc chấp hành nghiêm và đầy đủ các quy định của Nhà nước về chứng khoán và các quy định khác có liên quan, TVSI luôn chủ động trong việc đóng góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về thị trường chứng khoán, nâng cao tính thực tiễn và chất lượng cho các văn bản của cơ quan Nhà nước; tích cực tham gia xây dựng các sản phẩm mới trên thị trường. Từ đó, TVSI gia tăng các đóng góp cho cộng đồng, xã hội thông qua việc đóng góp cho ngân sách Nhà nước, kết nối vốn và cơ hội đầu tư, quản lý tài sản cho Nhà đầu tư một cách an toàn & minh bạch, tham gia tích cực các hoạt động xây dựng thị trường chứng khoán nói riêng và Thị trường Tài chính nói chung.

3. TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC ĐẾN XÃ HỘI

ĐÓNG GÓP CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Trải qua 12 năm hoạt động, TVSI luôn làm tròn các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước với mức đóng tăng dần qua các năm. Điều này không chỉ khẳng định uy tín của công ty trên thị trường mà còn hướng tới việc đem lại hiệu quả tối ưu cho khách hàng, cộng sự, cổ đông, cộng đồng, vì mục tiêu chung cùng xây dựng và phát triển Thị trường Chứng khoán lành mạnh tại Việt Nam.

PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG AN SINH XÃ HỘI

TVSI rất tự hào về các hoạt động xã hội tích cực của mình với tinh thần tương thân tương ái, chia sẻ cùng cộng đồng địa phương. Theo đó tháng 5/2018, TVSI đã phối hợp với Viện Huyết học - Truyền máu TW phát động và kêu gọi toàn thể CBNV công ty tham gia hiến máu nhân đạo với tinh thần "Một giọt máu đỏ - Một trái tim hồng". Đặc biệt, sức lan tỏa của chương trình không chỉ dừng lại ở nội bộ công ty mà còn có sự tham gia của một số bộ phận khách hàng và đối tác lâu năm của TVSI. Chương trình đã thu được 43 đơn vị máu, góp phần giải quyết nỗi lo về máu trong những tháng hè cao điểm khắp cả nước.

Tháng 12/2018, TVSI đã tổ chức chương trình "Vì nụ cười trẻ thơ" nhằm kêu gọi sự sẻ chia và ủng hộ của tập thể CBNV dành cho các bệnh nhi bị ung thư tại Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương. Công đoàn TVSI và đại diện CBNV các phòng ban của Công ty đã tổ chức buổi thăm hỏi và trao tặng 30 suất quà (mỗi suất trị giá 600.000đ) cho 30 em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn đang điều trị tại Viện giúp các em thêm nghị lực vượt qua khó khăn và bệnh tật. Với tinh thần tương thân, tương ái, san sẻ khó khăn và chung tay cùng cộng đồng; các chương trình thiện nguyện của Công đoàn TVSI đã trở thành truyền thống được duy trì thường niên nhiều năm qua.

8 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	96
Báo cáo kiểm toán độc lập	98
Báo cáo tình hình tài chính	99
Báo cáo kết quả hoạt động	104
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	107
Lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, uỷ thác khách hàng	110
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	111
Thuyết minh báo cáo tài chính	112

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT (GỌI TẮT LÀ "CÔNG TY") ĐỆ TRÌNH BÁO CÁO NÀY CÙNG VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	
Ông Hồ Bửu Phương	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 30/03/2018)
Ông Võ Tấn Hoàng Văn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/03/2018)
Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/03/2018)
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/03/2018)
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/03/2018)
Ông Trần Việt Đức	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/03/2018)

Ban Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Thành	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/01/2019)
Ông Tạ Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/01/2019)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tiến Thành - Tổng Giám đốc Công ty (Bổ nhiệm ngày 15/01/2016).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.

Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18/3/2019, từ trang 04 đến trang 35, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018. Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tà chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đ tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mự và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch v thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp l về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai só trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Đặng Thị Minh Hạnh
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3290-2015-156-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)**	**100**		**1.972.670.582.206**	**1.180.747.530.270**
I.	**Tài sản tài chính**	**110**		**1.968.948.357.272**	**1.179.352.069.049**
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	414.325.402.821	89.049.318.444
1.1	*Tiền*	*111.1*		*114.325.402.821*	*30.049.318.444*
1.2	*Các khoản tương đương tiền*	*111.2*		*300.000.000.000*	*59.000.000.000*
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7	344.930.170.844	135.962.229.472
3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	8	54.000.000.000	12.000.000.000
4.	Các khoản cho vay	114	9	1.149.449.739.380	934.411.469.077
5.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		(46.580.484)	(46.580.484)
6.	Các khoản phải thu	117	10	1.518.152.726	5.531.342.611
6.1.	*Phải thu bán các tài sản tài chính*	*117.1*		*10.566.000*	*4.970.480.000*
6.2.	*Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính*	*117.2*		*1.507.586.726*	*560.862.611*
6.2.1	*Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*	*117.4*		*1.507.586.726*	*560.862.611*
7.	Trả trước cho người bán	118	10	1.206.558.330	1.218.626.280
8.	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	3.594.435.595	1.272.282.232
9.	Các khoản phải thu khác	122	10	19.905.555	2.808.912
10.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	11	(49.427.495)	(49.427.495)
II.	**Tài sản ngắn hạn khác (130 = 131 =>135)**	**130**		**3.722.224.934**	**1.395.461.221**
1.	Tạm ứng	131		262.097.714	293.368.009
2.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	3.439.682.975	1.081.648.967
3.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		20.444.245	20.444.245
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)**	**200**		**26.648.385.806**	**23.087.615.801**
I.	**Tài sản cố định**	**220**		**6.944.124.646**	**6.735.279.613**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	13	` 6.240.167.211	5.401.821.654
	- Nguyên giá	222		29.228.894.285	26.379.446.181
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	223.a		(22.988.727.074)	(20.977.624.527)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2.	Tài sản cố định vô hình	227	14	703.957.435	1.333.457.959
	- Nguyên giá	228		14.476.981.199	14.156.981.199
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	229.a		(13.773.023.764)	(12.823.523.240)
II.	**Tài sản dài hạn khác**	**250**		**19.704.261.160**	**16.352.336.188**
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		1.849.058.302	1.695.058.302
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	15	666.772.436	-
3.	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	16	17.188.430.422	14.657.277.886
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**1.999.318.968.012**	**1.203.835.146.071**
C.	**NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)**	**300**		**802.882.275.285**	**603.771.868.974**
I.	**Nợ phải trả ngắn hạn**	**310**		**225.882.275.285**	**239.882.376.314**
1.	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	17	49.900.000.000	-
1.1.	*Vay ngắn hạn*	312		*49.900.000.000*	-
2.	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	18	100.000.000.000	186.075.000.000
3.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	19	1.256.529.463	1.738.305.149
4.	Phải trả người bán ngắn hạn	320		1.225.215.628	293.027.375
5.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	20	3.333.231.949	2.315.326.900
6.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	21	25.660.240.156	10.120.946.669
7.	Phải trả người lao động	323		13.259.198.628	13.831.523.820
8.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		330.458.572	354.649.620
9.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	22	9.507.579.363	10.722.468.234
10.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	23	746.704.930	655.518.635
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	330	24	9.664.566.810	8.870.420.554
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		10.998.549.786	4.905.189.358
II.	**Nợ phải trả dài hạn**	**340**		**577.000.000.000**	**363.889.492.660**
1.	Trái phiếu phát hành dài hạn	346	18	577.000.000.000	353.280.000.000
2.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	15	-	10.609.492.660

Đơn vị: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)**	**400**		**1.196.436.692.727**	**600.063.277.097**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**25**	**1.196.436.692.727**	**600.063.277.097**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.080.000.000.000	500.000.000.000
1.1.	*Vốn góp của chủ sở hữu*	*411.1*		*1.080.000.000.000*	*500.000.000.000*
a.	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411.1a*		*1.080.000.000.000*	*500.000.000.000*
2.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		2.155.826.845	9.213.003.254
3.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		11.155.826.845	9.213.003.254
4.	Lợi nhuận chưa phân phối	417		103.125.039.037	81.637.270.589
4.1.	*Lợi nhuận đã thực hiện*	*417.1*		*105.792.132.906*	*39.199.304.076*
4.2.	*Lợi nhuận chưa thực hiện*	*417.2*		*(2.667.093.869)*	*42.437.966.513*
	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	**440**		**1.999.318.968.012**	**1.203.835.146.071**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 — *Đơn vị: VND*

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT**				
1.	Nợ khó đòi đã xử lý	004		56.595.406.780	56.595.406.780
2.	Ngoại tệ các loại (USD)	005		227	240
3.	Cổ phiếu đang lưu hành	006		108.000.000	50.000.000
4.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	26	10.086.800.000	16.442.760.000
5.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		3.370.000	3.310.000
6.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	27	5.180.620.000	5.180.620.000
B.	**TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG**				
1.	**Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư**	**021**	**28**	**6.840.201.970.000**	**4.718.531.490.000**
a.	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		6.244.807.560.000	4.398.262.680.000
b.	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		110.116.430.000	26.150.120.000
c.	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		378.276.080.000	169.296.680.000
d.	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		18.640.000.000	-
e.	Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		88.361.900.000	124.822.010.000
2.	**Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư**	**022**	**29**	**175.613.050.000**	**81.251.470.000**
a.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		175.598.050.000	81.236.470.000
b.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		15.000.000	15.000.000
3.	**Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư**	**023**	**30**	**86.930.460.000**	**103.226.440.000**
4.	**Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư**	**025**	**31**	**71.917.450.000**	**15.431.640.000**

Đơn vị: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5.	**Tiền gửi của khách hàng**	**026**	**32**	**208.849.976.614**	**173.430.881.219**
5.1.	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		194.672.001.415	163.306.650.797
5.2.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		14.177.975.199	10.124.230.422
a.	*Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước*	*029.1*		*13.947.778.156*	*10.051.770.807*
b.	*Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài*	*029.2*		*230.197.043*	*72.459.615*
6.	**Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý**	**031**	**33**	**208.849.976.614**	**173.430.881.219**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Nguyễn Tiến Thành	Bùi Thị Thanh Hiền	Phí Thị Bích Ngọc
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I.	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG**				
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		44.663.596.677	85.752.848.498
a.	*Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL*	*01.1*	*34*	*95.380.813.193*	*30.300.422.514*
b.	*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL*	*01.2*	*35*	*(52.470.983.358)*	*53.061.367.550*
c.	*Cổ tức. tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL*	*01.3*	*36*	*1.753.766.842*	*2.391.058.434*
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	36	4.360.611.722	2.594.425.003
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	36	143.099.004.786	107.317.698.671
1.4	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04	36	1.380.822.000	-
1.5	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		111.837.794.520	84.837.505.988
1.6	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		5.000.000.000	-
1.7	Doanh thu lưu ký chứng khoán	09		5.259.754.176	2.628.033.402
1.8	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		6.579.161.363	4.624.644.167
1.9	Thu nhập hoạt động khác	11		510.130.273	622.100.640
	Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 => 11)	**20**		**322.690.875.517**	**288.377.256.369**
II.	**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**				
2.1	Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		34.054.429.058	8.040.913.379
a.	*Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL*	*21.1*	*34*	*30.132.264.653*	*7.997.059.321*
b.	*Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ*	*21.2*	*35*	*3.910.342.120*	*13.908.377*
c.	*Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL*	*21.3*		*11.822.285*	*29.945.681*
2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		56.758.138.173	56.470.735.301
2.3	Chi phí hoạt động tự doanh	26		11.446.725.148	1.323.360.216

Đơn vị: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
2.4	Chi phí môi giới chứng khoán	27	37	89.686.479.861	75.531.642.853
2.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	37	5.515.755.381	2.620.257.072
2.6	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	37	4.990.340.035	4.938.464.935
2.7	Chi phí các dịch vụ khác	32	37	132.516.950	2.768.723
	Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 => 32)	**40**		**202.584.384.606**	**148.928.142.479**
III.	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**				
3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	4.129
3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		4.683.216.048	4.548.653.491
	Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41+42)	**50**	**38**	**4.683.216.048**	**4.548.657.620**
	Cộng chi phí tài chính (60 = 51 => 55)	**60**		**-**	**-**
IV.	**CHI PHÍ BÁN HÀNG**	**61**	**39**	**24.105.278.840**	**14.270.646.407**
V.	**CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	**62**	**40**	**25.657.269.699**	**29.629.383.255**
VI.	**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)**	**70**		**75.027.158.420**	**100.097.741.848**
VII.	**THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**				
7.1	Thu nhập khác	71		231.386.160	1.008.950.000
7.2	Chi phí khác	72		100.700.000	-
	Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	**80**		**130.686.160**	**1.008.950.000**
XIII.	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)**	**90**		**75.157.844.580**	**101.106.691.848**
8.1	Lợi nhuận đã thực hiện	91		131.539.170.058	48.059.232.675
8.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(56.381.325.478)	53.047.459.173

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

(tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 *Đơn vị: VND*

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
IX.	**CHI PHÍ THUẾ TNDN**	**100**		**14.790.264.022**	**19.812.253.514**
9.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	41	26.066.529.118	9.202.760.854
9.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	42	(11.276.265.096)	10.609.492.660
X.	**LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)**	**200**		**60.367.580.558**	**81.294.438.334**
XI.	**THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN**				
11.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ 1 cổ phiếu)	501	43	1.025	1.563

Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Bùi Thị Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Phí Thị Bích Ngọc
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 *Đơn vị: VND*

	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	**Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp**	**01**	**75.157.844.580**	**101.106.691.848**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản:**	**02**	**3.099.026.738**	**26.104.501.597**
	- Khấu hao TSCĐ	03	3.812.467.208	3.797.639.177
	- Các khoản dự phòng	04	794.146.256	22.867.729.160
	- (Lãi) hoặc (+ lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	-	(4.129)
	- Dự thu tiền lãi	08	(1.507.586.726)	(560.862.611)
3.	**Tăng các chi phí phi tiền tệ**	**10**	**3.910.342.120**	**13.908.377**
	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ FVTPL	11	3.910.342.120	13.908.377
4.	**Giảm các doanh thu phi tiền tệ**	**18**	**52.470.983.358**	**(53.061.367.550)**
	- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19	52.470.983.358	(53.061.367.550)
5.	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**30**	**(536.327.587.256)**	**(358.325.453.487)**
	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	(265.349.266.850)	22.186.793.752
	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32	(42.000.000.000)	38.000.000.000
	- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33	(215.038.270.303)	(435.501.278.294)
	(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35	4.959.914.000	15.949.520.000
	(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TS tài chính	36	560.862.611	749.314.000
	(-) Tăng, (+) giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37	(2.322.153.363)	(438.861.923)
	(-) Tăng, (+) giảm phải thu khác	39	(244.369.370)	245.767.811
	- Tăng (giảm) các tài sản khác	40	43.338.245	501.762.724
	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(1.214.888.871)	3.712.326.142
	- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42	(2.358.034.008)	1.238.451.408

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

(tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	(-) Thuế TNDN đã nộp	43	(10.604.441.812)	(6.452.616.849)
	- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	1.253.803.265	82.898.941
	- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	(24.191.048)	147.597.689
	- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	77.206.181	1.143.794.513
	- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48	(572.325.192)	5.227.984.056
	- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	(809.618.205)	(585.545.503)
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(2.685.152.536)	(4.533.361.954)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***60***	***(401.689.390.460)***	***(284.161.719.215)***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	61	(3.806.797.890)	(4.259.889.476)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	62	227.272.727	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***70***	***(3.579.525.163)***	***(4.259.889.476)***
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	543.000.000.000	150.000.000.000
2.	Tiền vay gốc	73	1.292.520.000.000	456.470.000.000
2.1	*Tiền vay khác*	*73.2*	*1.292.520.000.000*	*456.470.000.000*
3.	Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(1.104.975.000.000)	(332.481.000.000)
3.1	*Tiền chi trả gốc nợ vay khác*	*74.3*	*(1.104.975.000.000)*	*(332.481.000.000)*
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76	-	(31.500.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***80***	***730.545.000.000***	***242.489.000.000***
IV.	**Tăng/giảm tiền thuần trong năm**	**90**	**325.276.084.377**	**(45.932.608.691)**

Đơn vị: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
V.	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**	**101**	**89.049.318.444**	**134.981.927.135**
	- Tiền	101.1	30.049.318.444	24.981.927.135
	- Các khoản tương đương tiền	101.2	59.000.000.000	110.000.000.000
VI.	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	**103**	**414.325.402.821**	**89.049.318.444**
	- Tiền	103.1	114.325.402.821	30.049.318.444
	- Các khoản tương đương tiền	103.2	300.000.000.000	59.000.000.000

S.G.P: 40 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Tiến Thành	Bùi Thị Thanh Hiền	Phí Thị Bích Ngọc
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 — *Đơn vị: VND*

	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng**			
1.	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	25.208.775.810.248	20.964.209.839.130
2.	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(25.754.213.685.798)	(21.369.407.949.440)
3.	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	27.629.732.245.043	24.959.731.258.413
4.	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(27.045.553.959.980)	(24.592.282.493.964)
5.	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(3.321.314.118)	(2.408.282.916)
6.	Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	14	766.040.707.528	179.067.442.841
7.	Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	15	(766.040.707.528)	(87.161.638.000)
	Tăng/giảm tiền thuần trong năm	***20***	***35.419.095.395***	***51.748.176.064***
II.	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng**	**30**	**173.430.881.219**	**121.682.705.155**
	Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31		
	- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kỳ hạn	32	163.306.650.797	110.867.954.698
	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	10.124.230.422	10.814.750.457
III.	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)**	**40**	**208.849.976.614**	**173.430.881.219**
	- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kỳ hạn	42	194.672.001.415	163.306.650.797
	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	14.177.975.199	10.124.230.422

Nguyễn Tiến Thành	Bùi Thị Thanh Hiền	Phí Thị Bích Ngọc
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 — *Đơn vị: VND*

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2017	01/01/2018	Năm trước		Năm nay		31/12/2017	31/12/2018
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25	350.000.000.000	500.000.000.000	150.000.000.000	-	580.000.000.000	-	500.000.000.000	1.080.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	25	8.039.344.999	9.213.003.254	1.173.658.255	-	1.942.823.591	9.000.000.000	9.213.003.254	2.155.826.845
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	25	8.039.344.999	9.213.003.254	1.173.658.255	-	1.942.823.591	-	9.213.003.254	11.155.826.845
4. Lợi nhuận chưa phân phối	25	23.711.123.530	81.637.270.589	81.294.438.334	23.368.291.275	105.472.640.940	83.984.872.492	81.637.270.589	103.125.039.037
- Lợi nhuận đã thực hiện	25	*23.711.123.530*	*39.199.304.076*	*38.856.471.821*	*23.368.291.275*	*105.472.640.940*	*38.879.812.110*	*39.199.304.076*	*105.792.132.906*
- Lợi nhuận chưa thực hiện	25	-	*42.437.966.513*	*42.437.966.513*	-	-	*45.105.060.382*	*42.437.966.513*	*(2.667.093.869)*

Chi tiết tăng, giảm trong năm của các chỉ tiêu vốn chủ sở hữu tại Thuyết minh số 25.

Nguyễn Tiến Thành	Bùi Thị Thanh Hiền	Phí Thị Bích Ngọc
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt ("Công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2006; Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006, và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 1.080.000.000.000 VND.

Công ty có trụ sở chính tại: Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Tại ngày 31/12/2018, Công ty có 11 chi nhánh và phòng giao dịch tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 262 người (tại ngày 01/01/2018 là 204 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 30/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2016. Thông tư 210 thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Ngày 27/12/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210. Thông tư 334, có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2016.

Thông tư 210 và Thông tư 334 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực khi Luật Kế toán số 88/2015/QH13 có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới") đã được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017. Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số tài khoản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

Tuyên bố về việc tuân chủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty thực hiện kế toán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty không thu thập được giá thị trường. Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá gốc.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tài sản tài chính nhận thế chấp được đánh giá bằng 70% giá trị thị trường/giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định lá giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đến ngày đánh giá lại.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Máy móc thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 05 năm.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các khoản vay và phát hành trái phiếu

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Doanh thu

- ***Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:***

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

- ***Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:***

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

- ***Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):***

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

- ***Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:***

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

- ***Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):***

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính AFS mà Công ty được nhận (lãi cổ tức, lãi trái phiếu, công cụ tiền tệ).

- ***Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:***

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

- ***Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:***

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho Nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của Nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán ở Trung tâm Lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

- ***Thu nhập hoạt động khác:***

Phản ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành và doanh thu khác.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm các loại sau: Doanh thu từ chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái; Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định; Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh; doanh thu đầu tư khác.

Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang. nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	110.865.455.831	29.974.138.465
Tiền gửi bù trừ giao dịch chứng khoán	3.459.946.990	75.179.979
Các khoản tương đương tiền (i)	300.000.000.000	59.000.000.000
	414.325.402.821	**89.049.318.444**

Ghi chú:
(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống.

6. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm
		VND
a) Của công ty chứng khoán	**2.459.588**	**20.933.568.933.175**
- Cổ phiếu	2.459.588	155.836.389.000
- Trái phiếu		20.777.732.544.175
b) Của nhà đầu tư	**2.877.815.517**	**52.044.222.354.520**
- Cổ phiếu	2.877.815.517	52.044.222.354.520
	2.880.275.105	**72.977.791.287.695**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN TRÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

7.1. Giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	**348.264.037.149**	**344.930.170.844**	**82.914.770.299**	**135.962.229.472**
Chứng khoán thương mại	*348.264.037.149*	*344.930.170.844*	*82.914.770.299*	*135.962.229.472*
- Cổ phiếu	51.695.619.437	48.361.753.132	82.914.770.299	135.962.229.472
Cổ phiếu niêm yết	44.175.114.544	41.276.584.710	78.896.388.968	131.860.600.810
Cổ phiếu chưa niêm yết nhưng đăng ký giao dịch (UPCOM)	*4.926.150.531*	*4.490.814.060*	*1.424.426.969*	*1.507.674.300*
Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch (OTC)	*2.594.354.362*	*2.594.354.362*	*2.593.954.362*	*2.593.954.362*
Trái phiếu	296.568.417.712	296.568.417.712	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	*296.568.417.712*	*296.568.417.712*	-	-

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ(FVTPL) (TIẾP THEO)

7.2. Bảng tình hình biến động giá trị thị trường hoặc giá trị tài sản tài chính (FVTPL)

Đơn vị: VND

STT	Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm			
		Giá mua	CL đánh giá năm nay		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	CL đánh giá năm trước		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
I.	**Cổ phiếu**	**51.695.619.437**	**590.384.192**	**3.924.250.497**	**48.361.753.132**	**82.914.770.299**	**53.061.367.550**	**13.908.377**	**135.962.229.472**
1	Cổ phiếu niêm yết	44.175.114.544	589.949.342	3.488.479.176	41.276.584.710	78.896.388.968	52.965.638.499	1.426.657	131.860.600.810
2	Cổ phiếu UPCOM	4.926.150.531	434.850	435.771.321	4.490.814.060	1.424.426.969	95.729.051	12.481.720	1.507.674.300
3	Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch (OTC)	2.594.354.362	-	-	2.594.354.362	2.593.954.362	-	-	2.593.954.362
II.	**Trái phiếu**	**296.568.417.712**	**-**	**-**	**296.568.417.712**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Trái phiếu chưa niêm yết	296.568.417.712	-	-	296.568.417.712	-	-	-	-
	Tổng cộng TSTC FVTPL	**348.264.037.149**	**590.384.192**	**3.924.250.497**	**344.930.170.844**	**82.914.770.299**	**53.061.367.550**	**13.908.377**	**135.962.229.472**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	54.000.000.000	12.000.000.000
	54.000.000.000	**12.000.000.000**

Ghi chú:
(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại.

9. CÁC KHOẢN CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay	**1.149.449.739.380**	**1.149.403.158.896**	**934.411.469.077**	**934.364.888.593**
Cho vay hoạt động Margin	*1.130.658.386.083*	*1.130.611.805.599*	*887.129.240.200*	*887.082.659.716*
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	*18.791.349.180*	*18.791.349.180*	*47.282.224.760*	*47.282.224.760*
Cho vay quyền mua chứng khoán	*4.117*	*4.117*	*4.117*	*4.117*

Dự phòng suy giảm các khoản cho vay hoạt động margin tại ngày 31/12/2018 là 46.580.484 VND (tại ngày 01/01/2018 là 46.580.484 VND).

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	**10.566.000**	**4.970.480.000**
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	**1.507.586.726**	**560.862.611**
Dự thu cổ tức - Cổ phiếu phổ thông	36.047.000	124.151.500
Dự thu tiền lãi - Tiền gửi có kỳ hạn cố định	1.471.539.726	436.711.111
Các khoản trả trước cho người bán	**1.206.558.330**	**1.218.626.280**
Trong đó, phải thu khó đòi	*10.396.000*	*10.396.000*
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	**3.594.435.595**	**1.272.282.232**
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	497.210.726	762.997.421
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp	1.015.262.772	280.762.772
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	2.081.962.097	228.522.039
Trong đó, phải thu khó đòi	*36.262.772*	*36.262.772*
Các khoản phải thu khác	**19.905.555**	**2.808.912**
Các khoản phải thu khác	19.905.555	2.808.912
Trong đó, các khoản phải thu khác khó đòi	*2.768.723*	*2.768.723*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Đơn vị: VND

Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay			Số đầu năm
		Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập/ xóa nợ trong năm	Số cuối năm	
1. Dự phòng phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	**36.262.772**	**-**	**-**	**36.262.772**	**36.262.772**
Các đối tượng khác	36.262.772	-	-	36.262.772	36.262.772
2. Dự phòng các khoản ứng trước cho người bán	**10.396.000**	**-**	**-**	**10.396.000**	**10.396.000**
Golden Phoenix Media JSC	5.000.000	-	-	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH TM và SX Minh Minh	5.396.000	-	-	5.396.000	5.396.000
3. Dự phòng các khoản phải thu khác	**2.768.723**	**-**	**-**	**2.768.723**	**2.768.723**
Đối tượng khác	2.768.723	-	-	2.768.723	2.768.723
Cộng	**49.427.495**	**-**	**-**	**49.427.495**	**49.427.495**

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.375.936.239	568.689.121
Chi phí trả trước tiền thuê nhà	979.973.340	239.343.698
Chi phí các dịch vụ trả trước khác	1.083.773.396	273.616.148
	3.439.682.975	**1.081.648.967**

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	**23.216.755.388**	**2.620.143.200**	**268.758.581**	**273.789.012**	**26.379.446.181**
Mua trong năm	2.801.333.241	899.979.000	-	-	3.701.312.241
Thanh lý, nhượng bán	(353.892.637)	(497.971.500)	-	-	(851.864.137)
Số dư cuối năm	**25.664.195.992**	**3.022.150.700**	**268.758.581**	**273.789.012**	**29.228.894.285**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	**18.993.258.740**	**1.441.818.194**	**268.758.581**	**273.789.012**	**20.977.624.527**
Khấu hao trong năm	2.579.036.268	283.930.416	-	-	2.862.966.684
Giảm do thanh lý	(353.892.637)	(497.971.500)	-	-	(851.864.137)
Số dư cuối năm	**21.218.402.371**	**1.227.777.110**	**268.758.581**	**273.789.012**	**22.988.727.074**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	**4.223.496.648**	**1.178.325.006**	**-**	**-**	**5.401.821.654**
Số dư cuối năm	**4.445.793.621**	**1.794.373.590**	**-**	**-**	**6.240.167.211**

Tại ngày 31/12/2018, tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 18.115.035.444 VND (tại ngày 01/01/2018 là 17.194.237.481VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	**14.156.981.199**	**14.156.981.199**
Tăng do mua sắm mới	320.000.000	320.000.000
Số dư cuối năm	**14.476.981.199**	**14.476.981.199**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	**12.823.523.240**	**12.823.523.240**
Khấu hao trong năm	949.500.524	949.500.524
Số dư cuối năm	**13.773.023.764**	**13.773.023.764**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	**1.333.457.959**	**1.333.457.959**
Số dư cuối năm	**703.957.435**	**703.957.435**

Tại ngày 31/12/2018, tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 12.702.843.323 VND (tại ngày 01/01/2018 là 11.352.123.323 VND).

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LÃI/THUẾ TNDN HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ		
Giá trị theo Cơ sở tính thuế	348.264.037.149	82.914.770.299
Giá trị theo Kế toán	344.930.170.844	135.962.229.472
Chênh lệch giá trị tính thuế và kế toán	(3.333.866.305)	53.047.459.173
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	**4.129**	**4.129**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả	**-**	**10.609.492.660**
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	**666.772.436**	

Tài sản thuế TNDN hoãn lại/(Thuế thu nhập hoãn lại phải trả)	**Số cuối năm**
	VND
Số dư tại ngày 01/01/2018	**(10.609.492.660)**
Hoàn nhập chi phí thuế TNDN hoãn lại	11.276.265.096
Số dư tại ngày 31/12/2018	**666.772.436**

16. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	124.489.244	124.489.244
Tiền nộp bổ sung	12.086.396.391	10.379.535.039
Tiền lãi phân bổ trong năm	4.977.544.787	4.153.253.603
	17.188.430.422	**14.657.277.886**

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số dư đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số dư cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn				
Vay thấu chi	**-**	***283.800.000.000***	***263.900.000.000***	***19.900.000.000***
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành (i)	-	283.800.000.000	263.900.000.000	19.900.000.000
Vay ngân hàng	**-**	***180.000.000.000***	***150.000.000.000***	***30.000.000.000***
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (ii)	-	180.000.000.000	150.000.000.000	30.000.000.000
Vay cá nhân	**-**	***505.000.000.000***	***505.000.000.000***	**-**
Tổng cộng	**-**	**968.800.000.000**	**918.900.000.000**	**49.900.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi chú:

(i) Hợp đồng hạn mức thấu chi số 01/2018/1505894/HĐTC ngày 12/7/2018 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thấu chi số 01/PLSĐ/01/2018/1505894/HĐTC ngày 20/8/2018 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành. Hạn mức thấu chi là 19.900.000.000 VND, có thể thay đổi. Mục đích: bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời. Thời hạn hợp đồng từ ngày 21/6/2018 đến ngày 21/6/2019. Tài sản đảm bảo trị giá 20.000.000.000 VND.

(ii) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2018/TVSI-VCBTX ngày 20/7/2018 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân. Hạn mức cho vay là 30.000.000.000 VND. Mục đích: đầu tư kinh doanh cổ phiếu, bổ sung vốn lưu động phục vụ phương án kinh doanh phù hợp với hoạt động của Công ty. Thời hạn hợp đồng từ ngày 20/7/2018 đến ngày 05/7/2019, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ không quá 4 tháng. Lãi suất quy định trong từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo trị giá 34.000.000.000 VND.

18. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn (i)	100.000.000.000	186.075.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn (ii)	577.000.000.000	353.280.000.000
	677.000.000.000	**539.355.000.000**

Ghi chú:

(i) Số dư trái phiếu phát hành ngắn hạn tại thời điểm ngày 31/12/2018 bao gồm: 100.000 trái phiếu không chuyển đổi Công ty phát hành ngày 17/4/2017. Mệnh giá 1.000.000 VND/trái phiếu. Thời gian đáo hạn: 17/4/2019.
(ii) Số dư trái phiếu phát hành dài hạn tại thời điểm ngày 31/12/2018 bao gồm:

- *300.000 trái phiếu không chuyển đổi Công ty phát hành ngày 02/10/2017. Mệnh giá 1.000.000 VND/ trái phiếu. Thời gian đáo hạn: 02/10/2020;*
- *260.000 trái phiếu không chuyển đổi Công ty phát hành ngày 26/9/2018. Mệnh giá 1.000.000 VND/ trái phiếu. Thời gian đáo hạn: 26/9/2023;*
- *17.000 trái phiếu không chuyển đổi Công ty phát hành ngày 10/12/2018. Mệnh giá 1.000.000 VND/ trái phiếu. Thời gian đáo hạn: 10/12/2023.*

19. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Sở giao dịch chứng khoán	918.603.519	1.480.586.081
Trung tâm lưu ký chứng khoán	337.925.944	257.719.068
	1.256.529.463	**1.738.305.149**

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH MTV TCT Xăng dầu Quân Đội	-	336.000.000
Công ty LD Norfolk Hatexco	178.476.900	178.476.900
Trả trước tiền mua trái phiếu	1.035.185.049	-
Các đối tượng khác	2.119.570.000	1.800.850.000
	3.333.231.949	2.315.326.900

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	112.596.683	87.732.141
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.896.829.118	5.434.741.812
Thuế thu nhập cá nhân	4.650.814.355	4.598.472.716
	25.660.240.156	**10.120.946.669**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi trái phiếu	9.100.689.878	10.180.225.208
Lãi vay ngân hàng	48.881.095	-
Chi phí phải trả khác	358.008.390	542.243.026
	9.507.579.363	**10.722.468.234**

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	166.200.000	-
Phải trả khác	580.504.930	655.518.635
	746.704.930	**655.518.635**

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Quỹ dự phòng tiền lương	9.664.566.810	8.870.420.554
	9.664.566.810	**8.870.420.554**

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**350.000.000.000**	**8.039.344.999**	**8.039.344.999**	**23.711.123.530**	**389.789.813.528**
Tăng vốn trong năm	150.000.000.000	-	-	-	150.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	81.294.438.334	81.294.438.334
Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	1.173.658.255	1.173.658.255	(23.368.291.275)	(21.020.974.765)
Số dư cuối năm trước	**500.000.000.000**	**9.213.003.254**	**9.213.003.254**	**81.637.270.589**	**600.063.277.097**
Tăng vốn trong năm (i)	580.000.000.000	(9.000.000.000)	-	-	571.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	60.367.580.558	60.367.580.558
Phân phối lợi nhuận trong năm (ii)	-	1.942.823.591	1.942.823.591	(38.879.812.110)	(34.994.164.928)
Số dư cuối năm	**1.080.000.000.000**	**2.155.826.845**	**11.155.826.845**	**103.125.039.037**	**1.196.436.692.727**

Ghi chú:

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 27/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:	543.000.000.000	VND
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:	9.000.000.000	VND
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017:	28.000.000.000	VND
	580.000.000.000	**VND**

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 24/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018, lợi nhuận sau thuế năm 2017 được phân phối như sau:

Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	1.942.823.591	VND
Trích quỹ dự trữ tài chính và rủi ro nghiệp vụ:	1.942.823.591	VND
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi:	1.942.823.591	VND
Trích quỹ khen thưởng cán bộ quản lý (ESOP):	3.108.517.746	VND
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành:	1.942.823.591	VND
Chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu:	28.000.000.000	VND
Tổng phân phối lợi nhuận	**38.879.812.110**	**VND**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn đã góp cuối năm		Vốn đã góp đầu năm	
	VND	**%**	**VND**	**%**
Ông Hồ Bửu Phương	33.468.710.000	3.10%	15.334.000.000	3.07%
Ông Nguyễn Tiến Thành	33.432.200.000	3.10%	16.100.000.000	3.22%
Ông Nguyễn Việt Cường	9.470.310.000	0.88%	10.020.700.000	2.00%
Các cổ đông khác	1.003.628.780.000	92.93%	458.545.300.000	91.71%
Tổng cộng	**1.080.000.000.000**	**100%**	**500.000.000.000**	**100%**

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	cổ phần	108.000.000	50.000.000
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	cổ phần	108.000.000	50.000.000
+ Mệnh giá của cổ phiếu	VND/cổ phần	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	cổ phần	108.000.000	50.000.000

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	10.085.500.000	14.756.760.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.300.000	1.686.000.000
	10.086.800.000	**16.442.760.000**

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	5.180.620.000	5.180.620.000
	5.180.620.000	**5.180.620.000**

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	6.244.807.560.000	4.398.262.680.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	110.116.430.000	26.150.120.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	378.276.080.000	169.296.680.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	18.640.000.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	88.361.900.000	124.822.010.000
	6.840.201.970.000	**4.718.531.490.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	175.598.050.000	81.236.470.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	15.000.000	15.000.000
	175.613.050.000	**81.251.470.000**

30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư tại ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018 lần lượt là 86.930.460.000 VND và 103.226.440.000 VND.

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐƯỢC HƯỞNG QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư tại ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018 lần lượt là 71.917.450.000 VND và 15.431.640.000 VND.

32. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	194.672.001.415	163.306.650.797
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	14.177.975.199	10.124.230.422
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	*13.947.778.156*	*10.051.770.807*
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	*230.197.043*	*72.459.615*
	208.849.976.614	**173.430.881.219**

33. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

Số dư phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý tại ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018 lần lượt là 208.849.976.614 VND và 173.430.881.219 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi/lỗ bán chứng khoán năm trước
Lãi bán					
Cổ phiếu niêm yết	1.242.711	100.896.034.500	54.048.538.296	46.847.496.204	21.461.649.229
Cổ phiếu chưa niêm yết	190.300	3.585.500.000	3.092.167.066	493.332.934	55.440.000
Giấy tờ có giá	-	12.942.739.598.775	12.935.234.797.889	7.504.800.886	6.854.062.196
Trái phiếu chưa niêm yết	-	8.462.545.263.850	8.422.010.080.681	40.535.183.169	1.929.271.089
Tổng cộng	**1.433.011**	**21.509.766.397.125**	**21.414.385.583.932**	**95.380.813.193**	**30.300.422.514**
Lỗ bán					
Cổ phiếu niêm yết	174.867	13.595.845.500	14.610.651.130	(1.014.805.630)	(2.824.307.529)
Cổ phần chưa niêm yết	36.000	524.590.000	654.000.000	(129.410.000)	(4.917.029.999)
Giấy tờ có giá	-	3.458.639.117.139	3.465.804.653.653	(7.165.536.514)	(5.508.834)
Trái phiếu chưa niêm yết	-	1.787.653.138.548	1.809.475.651.057	(21.822.512.509)	(250.212.959)
Tổng cộng	**210.867**	**5.260.412.691.187**	**5.290.544.955.840**	**(30.132.264.653)**	**(7.997.059.321)**

35. CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường/Giá trị hợp lý	Chênh lệch tăng đánh giá lại 31/12/2018	Chênh lệch giảm đánh giá lại 31/12/2018
I	***Cổ phiếu***	***51.695.619.437***	***48.361.753.132***	***(52.470.983.358)***	***3.910.342.120***
1	Cổ phiếu niêm yết	44.175.114.544	41.276.584.710	(52.375.689.157)	3.487.052.519
2	Cổ phiếu UPCOM	4.926.150.531	4.490.814.060	(95.294.201)	423.289.601
3	Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	2.594.354.362	2.594.354.362	-	-
II.	***Trái phiếu***	***296.568.417.712***	***296.568.417.712***	-	-
	Tổng cộng TSTC FVTPL	**348.264.037.149**	**344.930.170.844**	**(52.470.983.358)**	**3.910.342.120**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

36. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (cổ tức)	1.753.766.842	2.391.058.434
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	4.360.611.722	2.594.425.003
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	143.099.004.786	107.317.698.671
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	1.380.822.000	-
	150.594.205.350	**112.303.182.108**

37. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí môi giới chứng khoán	89.686.479.861	75.531.642.853
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.515.755.381	2.620.257.072
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	4.990.340.035	4.938.464.935
Chi phí các dịch vụ khác	132.516.950	2.768.723
	100.325.092.227	**83.093.133.583**

38. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	4.683.216.048	4.548.653.491
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	4.129
	4.683.216.048	**4.548.657.620**

39. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng	24.105.278.840	14.270.646.407
	24.105.278.840	**14.270.646.407**

40. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	13.696.564.094	21.194.722.681
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	739.322.464	679.399.210
Chi phí vật tư văn phòng	442.548.879	208.725.464
Chi phí khấu hao	298.069.220	261.849.996
Chi phí thuế, phí và lệ phí	243.932.589	184.866.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.056.063.684	3.393.987.831
Chi phí khác	5.180.768.769	3.705.831.954
	25.657.269.699	**29.629.383.255**

41. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**75.157.844.580**	**101.106.691.848**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**55.174.801.010**	**(55.092.887.578)**
Trừ: Lợi nhuận chưa thực hiện trước thuế	*(56.381.325.478)*	*53.047.463.302*
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	*1.753.766.842*	*2.391.058.434*
Cộng: Chi phí không được trừ	*547.242.374*	*345.634.158*
Thu nhập chịu thuế	**130.332.645.590**	**46.013.804.270**
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	**26.066.529.118**	**9.202.760.854**

Trong năm, Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá không có sự khác biệt đáng kể giữa lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được trừ nêu trên. Tuy nhiên, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

42. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Năm nay	Năm trước
Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm (i)	(11.276.265.096)	10.609.492.660

Ghi chú:

(i) Chi tiết xem Thuyết minh số 15.

43. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60.367.580.558	81.294.438.334
Trong đó Lợi nhuận đã thực hiện	*105.472.640.940*	*38.856.471.821*
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(6.994.164.928)
Số lượng cổ phần phổ thông lưu hành bình quân	58.898.706	47.534.247
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tính trên tổng lợi nhuận kế toán)	**1.025**	**1.563**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tính trên lợi nhuận đã thực hiện)	*1.791*	*817*

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2018, theo đó Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 chưa tính ảnh hưởng của việc điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi. Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 đã được trình bày lại sau khi điều chỉnh số khen thưởng phúc lợi được chia từ lợi nhuận kế toán sau thuế 2017 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

44. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 8.853.909.269 VND (số năm trước là 7.252.895.106 VND).

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm tới	9.655.036.119	5.938.803.187
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	14.273.303.936	18.394.057.066
Trên năm năm	56.000.000	-

45. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong năm không tách riêng được, do đó Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

46. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	7.148.623.648	8.210.540.483
Thù lao Hội đồng Quản trị	666.000.000	168.000.000
	7.814.623.648	**8.378.540.483**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

47. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	726.900.000.000	539.355.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	414.325.402.821	89.049.318.444
Nợ thuần	312.574.597.179	450.305.681.556
Vốn chủ sở hữu	1.196.436.692.727	600.063.277.097
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**26%**	**75%**

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	414.325.402.821	89.049.318.444
Tài sản tài chính FVTPL	344.930.170.844	135.962.229.472
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	54.000.000.000	12.000.000.000
Các khoản cho vay	1.149.403.158.896	934.364.888.593
Các khoản phải thu, phải thu khác	5.083.066.381	6.757.006.260
Các khoản ký quỹ	1.849.058.302	1.695.058.302
Tổng cộng	**1.969.590.857.244**	**1.179.828.501.071**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	726.900.000.000	539.355.000.000
Các khoản phải trả	1.971.920.558	948.546.010
Chi phí phải trả	9.507.579.363	10.722.468.234
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.256.529.463	1.738.305.149
Tổng cộng	**739.636.029.384**	**552.764.319.393**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công nợ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

47. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản cho vay, các khoản đi vay chịu lãi suất, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Tại ngày 31/12/2018, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết, đăng ký giao dịch của Công ty là 45.767.398.770 VND. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 10% tại ngày 31/12/2018 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng hoặc giảm 3.661.391.902 VND.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai.

Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có) và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	414.325.402.821	-	414.325.402.821
Tài sản tài chính FVTPL	344.930.170.844	-	344.930.170.844
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	54.000.000.000	-	54.000.000.000
Các khoản cho vay	1.149.403.158.896	-	1.149.403.158.896
Các khoản phải thu, phải thu khác	5.083.066.381	-	5.083.066.381
Các khoản ký quỹ	-	1.849.058.302	1.849.058.302
	1.967.741.798.942	**1.849.058.302**	**1.969.590.857.244**
Số cuối năm			
Các khoản vay	149.900.000.000	577.000.000.000	726.900.000.000
Các khoản phải trả	1.971.920.558	-	1.971.920.558
Chi phí phải trả	9.507.579.363	-	9.507.579.363
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.256.529.463	-	1.256.529.463
	162.636.029.384	**577.000.000.000**	**739.636.029.384**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**1.805.105.769.558**	**(575.150.941.698)**	**1.229.954.827.860**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

47. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

(tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.049.318.444	-	89.049.318.444
Tài sản tài chính FVTPL	135.962.229.472	-	135.962.229.472
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.000.000.000	-	12.000.000.000
Các khoản cho vay	934.364.888.593	-	934.364.888.593
Các khoản phải thu, phải thu khác	6.757.006.260	-	6.757.006.260
Các khoản ký quỹ	-	1.695.058.302	1.695.058.302
	1.178.133.442.769	**1.695.058.302**	**1.179.828.501.071**
Số cuối năm			
Các khoản vay	186.075.000.000	353.280.000.000	539.355.000.000
Các khoản phải trả	948.546.010	-	948.546.010
Chi phí phải trả	10.722.468.234	-	10.722.468.234
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.738.305.149	-	1.738.305.149
	199.484.319.393	**353.280.000.000**	**552.764.319.393**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**978.649.123.376**	**(351.584.941.698)**	**627.064.181.678**

48. THÔNG TIN KHÁC

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 số 32/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/02/2019. Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh (gồm môi giới, tự doanh, tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh) và hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

Căn cứ Nghị quyết số 29/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/3/2018. Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc niêm yết cổ phiếu Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán. Thời điểm niêm yết dự kiến trong giai đoạn 2018 - 2020.

49. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số trên báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch
Báo cáo kết quả hoạt động				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	1.710	1.563	(147)

Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Bùi Thị Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Phí Thị Bích Ngọc
Người lập biểu